

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

**THƯ VIỆN HUỆ QUANG**

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: [thuvienhuequang.vn](http://thuvienhuequang.vn)



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**  
**PHẬT LỊCH 2554**  
**CHƯƠNG LỊCH 2010**  
**卍卍卍卍**

---

# **KINH PHÁP HOA**

---

*Đất Vân Môn, Ngài Viên Trưng Thiên sư thuyết,  
Môn nhân đệ tử Minh Hải ghi,*

**DỊCH GIẢ: TÌ KHEO NI THÍCH NỮ TRÍ HẢI**  
**TỰ NHƯ HẢI**



## LỜI NÓI ĐẦU

Theo sự phán giáo của các bậc Tổ sư tiền bối, cùng các vị cao tăng thạc đức trong hàng đệ tử Phật: trong tam tạng giáo điển của chư Phật, kinh Pháp Hoa thuộc về viên đôn Đại thừa, là kim chỉ nam đưa hành giả đến cảnh giới giác ngộ giải thoát. Do vậy, Đức Phật thuyết kinh này khó tin, khó hiểu, là pháp bất khả tư nghì, đối với hàng pháp chúng căn thiện trí cạn không sao lãnh ngộ được, ngay cả ngài Xá Lợi Phất- trí huệ đệ nhất trong hàng thanh văn – khi nghe Phật thuyết kinh Pháp Hoa cho pháp chúng, ngài còn hoài nghi không tin nổi, ba phen cầu thỉnh Phật giải nghi cho.



Đức Như Lai giải nghi xong, ngài liền ngộ nhập tri kiến Phật. Hàng trung căn hạ căn thanh văn trong pháp hội chưa hội nhập được, huông chi hàng phàm phu. Việc cần kíp phải nhận ra các đích thực sẵn có của mình (bản giác thanh tịnh) nhưng vì nghiệp cảm trần lao, tam độc vô minh phiền não, tà kiến, chúng sanh vì quá si mê mù quáng, không biết hồi quang phản chiếu, để trở về bản giác thanh tịnh đó. Tuy đã nhận ra bản giác sẵn có nhưng cần có thời gian tu tập cho miên mật, nguyện sống mãi với chánh niệm, được như thế tin chắc rằng chư Phật Bồ Tát thánh hiền khắp mười phương, không bao giờ cô phụ chúng sanh hướng nguyện trở về cố quốc vĩnh cửu, nơi các Ngài thường an trú.



Còn riêng với hạ ni, không dám cao vọng gì chỉ có một niệm duy nhất, tha thiết gieo chút phước nhất thừa duyên chúng để làm tư lương trưởng dưỡng tinh thần, nguyện tha thiết nhất khi xả báo thân này, mong gặp lại các bậc thiện hữu tri thức dắt dẫn tiếp tục đồng tu đồng học mãi mãi trong ngôi nhà của Như Lai.

Hạ ni xin đê đầu kính lễ mười phương ba đời chư Phật Bồ Tát Hiền Thánh Tăng.

TKN Thích nữ Trí Hải  
tự Như Hải





## DẪN NHẬP

**Diệu Pháp** là tên khác của Chơn tâm. Phật dùng liên hoa dụ cho Diệu Pháp, bởi vì Diệu của tâm pháp thì ngàn biến vạn hóa, không thể dùng ngôn ngữ nào nói hết được, cũng không thể không nói, nhưng có nói thì cũng không thể phô bày hết phần uyên thâm áo mật của nó, nên chỉ tạm mượn hoa sen để dụ mà thôi, vì nó giống như thế.

Có những quan niệm cho rằng: *Bỏ sự tìm lý, ly nhiễm cầu tịnh, tránh chỗ ồn ào huyên náo, chọn nơi an tĩnh thanh tịnh, đoạn vọng cầu chơn*" - các thứ nhơn duyên đó là pháp mà xưa kia Như Lai đã nói thuộc về Tam thừa giáo. Các



hàng Tam thừa không biết đây là quyền giáo, chẳng phải thật, đã để vọng sanh tâm nhằm chán sanh tử, ham mộ Niết bàn an vui. Đức Như Lai thương những người này, nên sau bốn mươi năm giảng dạy mới nói “Nhất thừa Diệu Pháp”, khiến cho họ biết ngay nơi nhiệm là tịnh, chẳng phải bỏ nhiệm mà có tịnh. Ví như hoa sen, tinh khiết vẫn sanh nơi bùn nhơ nước đọng, chứ không sanh nơi gò cao đất liền; tâm hành giả, nếu bỏ muôn pháp, mà cầu thành tựu căn lành của thế gian và xuất thế gian, thì thật là vô lý. Nếu y thiện pháp mà tự an, thì sa rớt vào pháp Thanh Văn, Phật không dạy như thế. Nên Kinh nói: “*Chư Phật làm hết vô lượng đạo pháp, luôn luôn tinh tấn dũng mãnh, rồi sau mới thành tựu pháp thậm thâm chưa từng có*”.



Trong Kinh, ngài Ca Diếp nói: “*Pháp Tịnh Phật quốc độ thành tựu chúng sanh, mà tâm chúng con không ưa thích*”; ý này nghĩa là hoa sen mọc trên đất liền. “*Làm hết tất cả đạo pháp*” nghĩa là hoa sen mọc nơi bùn lầy. Văn sau ghi: “*Pháp này không thể chỉ bày, vì tướng ngôn từ tịch diệt*”, nghĩa là tâm này không thể dùng tướng để tìm kiếm được. “*Chỉ chỉ bất tu ngôn thuyết tướng, ngã pháp diệu nan tư*” nghĩa là tâm này không thể nghĩ bàn mà biết được. “*Tâm tư cộng độ lượng, bất năng trắc Phật trí*” nghĩa là tâm không thể đo lường tự tâm được. Ý Kinh vi diệu như thế, nếu không nhờ vào dụ, thì đâu có thể thấu rõ được.

Diệu Pháp Liên Hoa chính là Pháp của tự tâm dụ tự tâm. Kinh là lời tắt để



đạt đến diệu cảnh; còn Pháp chúng chuyên chú trọng vào văn tự, nên mất ý chỉ lớn lao của Đại Pháp. Tôi (*soạn giả*) đã chỉ thẳng nhơn tâm, bày rõ con đường tắt, nếu chúng ta hiểu được ý chỉ ngoài lời nói, để thâm ngộ lý tự tâm, thì chỗ nào chẳng phải Diệu Pháp.

- **Hỏi:** Người xưa nói: “*Thật tướng Diệu Pháp, khéo dùng hoa sen để dụ*”. Lại nói: “*Diệu Pháp là tên khác của tự tâm*”, đâu có trái lẽ?

- **Đáp:** Thật tướng, tự tâm vốn chẳng hai pháp, hợp với căn cơ thì lợi ích, nhưng không thể không phân chia. Nếu nói thật tướng thì học giả còn dính mắc vào danh ngôn, lại toan cho rằng riêng có một Pháp, phiếm bàn đến thánh cảnh, vọng cầu ở ngoài tâm. Tôi (*soạn*



giả) chỉ thẳng tự tâm, khiến họ hồi quang phản chiếu, biết được tự mình sẵn có thật tướng tự tâm, thì sẽ hết tâm rong ruổi tìm cầu. Hết tức là Giác. Đó là chỗ rốt ráo. Lý này không trái.





# PHẨM TỰA

## (Thứ Nhất)

Tựa là đầu mối hay tông thú của bộ Kinh. Nếu nắm được phần cương lĩnh thì sẽ thấy rõ đại ý bộ Kinh.

Vì Kinh Pháp Hoa thuộc Pháp Viên Đốn Đại thừa giáo, nên hành giả cần phải hiểu bằng trực giác, chứ không nên bám víu vào phần văn tự, nếu không sẽ mê lấp phần ý nghĩa sâu xa nhiệm mầu của Kinh. Tuy nhiên, cũng không phải chúng ta ly hẳn văn tự, mà phải hiểu rằng đây là mượn văn tự, để thâm nhập cảnh giới của tự tâm. Đó là điều mà Đức Phật sẽ nói ở văn sau.



\* Trước hết nói về phần nêu danh. Sở dĩ hàng Thanh Văn được nêu lên trước là vì theo phương thức giáo hóa của Phật, họ là chúng đương cơ trong Pháp hội, thường theo Phật đi giáo hóa khắp nơi, lần lần tu tập tự giác; mỗi mỗi đều tiêu biểu cho tự tâm.

\* Trí Giả Đại sư nói: “*Phật chỉ cho tâm vương, chúng đệ tử chỉ cho tâm sở*”. Kinh Tịnh Danh cũng ghi: “*Các trần lao là đệ tử, tùy theo tâm vương được chuyển hóa*”, ý này nêu lên nghĩa nhất quán sâu xa của Đại thừa giáo.

\* Kê đến, nói về chúng Trời, Người, Bát bộ, v.v... Tất cả tuy đồng trong Pháp hội, lãnh thọ giáo Pháp, nhưng sự cảm nhận đạo lý của mỗi chúng có sai khác. Đây là ảnh tượng tự tâm, Thánh và Phàm đồng hội tự một



chỗ, nhưng sự cảm thụ lợi lạc sai khác không đồng.

Phật phóng ánh quang phổ bày rõ hơn và quả, hiển rõ tướng sai biệt của tam giới, y báo, chánh báo phân minh, sự và lý pháp Nhất thừa, khiến cho mọi người tin hiểu lý tự tâm. Nếu không hiểu lý này, mà y vào tướng văn tự để luận bàn, thì thật đáng tiếc !

- **Hỏi:** Phật nói Kinh Vô Lượng Nghĩa dạy cho Bồ Tát, thì đâu thể thời gian trong một ngày nói hết Kinh này được. Thế sao pháp chúng chỉ nhóm họp trong khoảnh khắc, lại bảo rằng nói Kinh này rồi?

- **Đáp:** Vấn đề này có hai ý:

1. Dùng sát na tế (thời gian cực ngắn) tam muội dung thông cả thời gian, tánh ba đời không khác. Nên văn sau ghi:



“Quán thời gian lâu xa cũng như nửa ngày, kiếp số điểm trần cũng không khác”. Thời gian một ngày là vậy.

2. Đây là hội Quyên trở về Thật, nghĩa là những pháp Phật đã nói ra suốt bốn mươi năm về trước, cũng từ Nhất Phật thừa. Phật phương tiện, tùy nghi nói ra Vô lượng thừa, trong Kinh chỉ nói đại khái Tam thừa; nay thấu Vô lượng thừa trở về Nhất Phật thừa.

Phật nhập vô lượng xứ định (định là lìa tướng ngôn ngữ, luận bàn). Khi ấy, các chúng Trời thuộc hàng căn cơ thông lợi, hiểu được một phần ý này, nên khi thấy Phật nhập định, họ liền rải hoa cúng dường, tán thán khen ngợi; còn tất cả pháp chúng trong Pháp hội, vì trí cạn chưa hiểu, nên sanh tâm nghi. Đức Thế Tôn lại phóng quang giữa chạng mây để



gợi ý cho pháp chúng nhận ra cảnh hiện tiền của đương niệm.

Trước đây, từ Nhất tâm, Phật lưu xuất ra Vô lượng thừa; nay thân pháp Vô lượng trở về Nhất tâm. Tại tòa, hàng căn cơ thông lợi thì nhận hiểu được, còn pháp chúng trung căn và hạ căn, do kẹt mắc vào văn tự quyền giáo quá nặng, nên không thể thông hiểu. Các cảnh tượng hiện rõ trong quang, bày rõ tướng pháp giới sai biệt, xét cho cùng, Nhất tâm chẳng khác pháp giới, pháp giới chẳng phải một, chẳng phải khác. Từ một, nếu khác thì một chẳng phải một; từ khác, nếu là một thì một - khác đã đồng thời. Chẳng phải trước, chẳng phải sau, lớp lớp trùng trùng vô tận, kia đây giao nhập. Thực cảnh là cảnh diệu ngộ,



đã không thể dùng thức tâm phân biệt, đâu có thể dùng lời lẽ luận bàn được ư !

“Ánh quang xuất phát từ giữa chạng mây”, ý nói nơi đây chẳng phải chỗ diêu động. “Giữa chạng mây”, tiêu biểu cho ý đã vượt ra ngoài hai bên, hiện rõ lý tự tâm, chẳng phải có, chẳng phải không, xứng hợp với lý trung đạo. Cũng như hoa sen thì không nhiễm không tịnh, nên không ngại tịnh và nhiễm. Vì lục Phàm là nhiễm, tứ Thánh là tịnh, đã hiện đủ trong ánh quang, thế thì đã hiện rõ muôn pháp dung thông, nhiễm tịnh do tâm phân biệt mà ra, còn thể thanh tịnh của tâm đâu có thêm bớt.

“Ánh quang chiếu sáng phương Đông, khắp tám muôn bốn ngàn thế giới, suốt trên dưới đều soi thấy”. Đông



phương là đầu mối của các điều động, ý này chỉ rõ tất cả vọng tưởng trong tâm chúng sanh dù luôn nhiệm ô, nhưng vốn sẵn đủ pháp này, nên trước hết cảnh được phô bày trong quang, thấy tứ Thánh phát tâm, Bồ Tát hành đạo, Chư Phật nhập Niết bàn, xây tháp cúng dường, v.v..., những việc làm này cần phải trải qua thời gian một kiếp hoặc nhiều kiếp, chẳng phải chốc lát hay một hai ngày là xong. Thế mà, ở đây chỉ một sát na trong ánh quang hiện đủ. Thật kỳ diệu thay ! Phải biết, chỉ một sát na nhưng cũng không khác với thời gian ba đời. Vì thời gian là tánh không, chỉ trong tích tắc, tứ Thánh, lục Phàm đều hiện rõ trong quang, chỉ rõ cho chúng ta biết: dù Thánh hay Phàm, chỉ là nhất thể, không có gì ngăn cách cả.



Nếu hành giả nhận được ý này, thì mười phương không còn ngăn cách, đâu cần xa uế để cầu tịnh. Khi đã biết rõ ba đời tánh không, đâu còn sợ sanh tử. Thế thì đem tâm cầu sanh về cõi nào? Phật muốn cho pháp chúng hiểu ý này, nên nói: “*Nếu hành giả còn có chí hướng thượng, đó là vẫn còn tâm chấp*”.

- **Hỏi:** Vì sao còn có chí hướng thượng là vẫn còn tâm chấp?

- **Đáp:** Đây là ý tuyệt dứt đối đãi, nên dùng trí mà hiểu.

- **Hỏi:** Khi Phật chưa phóng quang thì không thấy gì cả; nhưng khi phóng quang, bao nhiêu hiện tượng (tượng) đều thấy rõ, nghĩa là sao?



- **Đáp:** Văn sau ghi: “*Pháp này không thể chỉ bày, vì tướng ngôn từ tịch diệt*”. Ngôn từ và phóng quang tướng, cả hai ngăn dứt, đâu không phải chánh ý của Phật, không quan hệ phóng quang và ngôn thuyết ư! Nên biết, nếu không phóng quang nói pháp, ngay đó các người lấy gì để dụng tâm. Nếu ánh quang không chiếu cảnh, thì cảnh không có, quang và cảnh cả hai đều không, đây là vật gì? Nếu hành giả nhận được ý này, thì thấy hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan.

\* Cổ Đức nói: “*Nếu luận bàn việc này, hàng Nhị thừa thất kinh, Bồ Tát sững sốt*”. Ngay cả bậc Đẳng Giác còn chưa hết vô minh, tuy phần kiến tánh đồng với Phật, nhưng cũng chỉ như ánh sáng của mặt trăng mà thôi.



- **Hỏi:** Ngài Di Lạc Bồ Tát là bậc Đẳng Giác, đối với việc này còn sanh tâm nghi, phải thỉnh hỏi Văn Thù Bồ Tát, xét thế đủ biết lời người xưa không luống dối. Nếu nghĩ rằng: “*Bồ Tát Di Lạc thật còn tâm nghi, chắc chắn chuốc lấy tội phỉ báng Thánh*”, như thế nghĩa là sao?

- **Đáp:** Trong Kinh Hoa Nghiêm, phẩm “*Nhập Pháp Giới*” ghi: “*Phổ Hiền Bồ Tát thuyết Thập đại Tam muội*”. Ý này thấy rõ, há thời gian trải qua bốn mươi năm đến nay, lại không hiểu việc này sao? Việc Bồ Tát thưa hỏi là Quyền hiện, đâu phải Ngài không biết lý này. Phải biết Quyền hay Thật cũng không nhất định, nếu nhất định chỉ bày Quyền, thì biết rõ địa vị Đẳng Giác và Diệu



Giác không sai khác, huông gì trong Kinh ghi: “*Muốn tự quyết nghị, phải quán sát tâm tư pháp chúng*”. Há chỉ một việc này là Quyền sao?

\* Ngài Táo Bá nói: “*Hàng Đẳng Giác mong cầu Diệu Giác cũng còn một chương và hai thứ ngu, đây chẳng phải vô minh là gì*”?

Ngài Di Lặc đã thấy rõ các tướng trong quang, ở đây không nêu hết mà chỉ tóm lược, trong văn Kinh chia làm bốn tiết:

1. Thấy rõ các thụy tướng.
2. Thấy rõ ánh quang chiếu rọi các nơi.
3. Thấy rõ sự thọ báo của chúng sanh trong lục đạo.



#### 4. Chỉ rõ sự lợi ích của tứ Thánh.

Phần văn sau giải rõ thụy tướng, từng chương phô bày tất cả hiện tượng ở trong quang, và nêu tổng quát Thánh và Phạm. Còn giải thích những hiện tượng trong quang, chỉ nói tướng mạo Bồ Tát hành đạo tu hành mà không đề cập đến chúng sanh trong lục đạo. Vì lục đạo không phải cảnh giới chánh yếu để pháp chúng hướng đến, nên không cần giải thích. Thấy và nghe như thế, cho đến ngàn ức việc trong đây để chỉ bày.

Nếu hành giả nhiếp niệm, luôn luôn an trú vào nhất niệm, thì thời gian dài và ngắn không còn sai khác. Chỉ là nhất niệm thôi thì đâu còn thời gian để tính kể nữa.



Văn Kinh phong phú nhưng ý thì ẩn mật, nếu không phải căn cơ trí tuệ Bồ Tát, làm sao có thể hiểu được. Còn ngài Di Lặc là vị Bồ Tát cận Nhất Sanh Bồ Xứ, chỉ giả vờ không hiểu để hỏi: “*Vì sao nay Đức Thế Tôn phóng quang minh này? Quang minh này lợi ích như thế nào?*” Dùng ánh quang để làm có thừa hỏi, tựa hồ như người không hiểu, thực ra đâu phải thế.

Kinh Hoa Nghiêm, phẩm “*Nhập Pháp Giới*” ghi: “*Thiện tài Đồng tử tiến vào lầu các của ngài Di Lặc, thấy các báu trong đó thật trang nghiêm lộng lẫy, chẳng những thế mà còn thấy hết các việc làm của ngài Di Lặc, từ khi sơ phát tâm tu Bồ Tát hạnh, cho đến hàng ma, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết bàn, phân chia xá lợi. Ở trong lầu các*



ấy, với mỗi mỗi hiện tượng, Thiên tài còn thấy được vô lượng cảnh giới tự tại nữa”.

Nếu đem so sánh những việc trên đây với vấn đề Phật phóng quang trong hội Pháp Hoa, tất cả đều hàm chứa hết mọi việc, đâu có gì sai khác.

Cần phải biết, ngài Di Lặc đại diện phá nghi cho pháp chúng, thực ra đâu phải Ngài không hiểu. Kinh Hoa Nghiêm ghi: “*Di Lặc Bồ Tát dùng Tam muội lực, để hiển rõ cảnh giới, tự phân chứng cảnh giới của Ngài cho Thiên tài thấy, khiến Thiên tài được lợi ích, thêm phần tán tu*”.

Nay Đức Thế Tôn đột nhiên phóng quang, ngài Di Lặc đã biết rõ đây chẳng phải vô cớ, nên phát nghi để hỏi. Đó là



nghi thức cầu pháp phải thế. Đủ biết, nếu chẳng phải bậc thâu đạt thân thông Tam muội, tu hành thâm đạt, thì làm sao biết được việc này để thưa hỏi.

\* Vấn đề khái nghi của ngài Di Lặc có hai ý:

1. Nghi mười cõi sai khác mà đồng hiện ra trong quang.

2. Nghi đối với chúng sanh, khi có những hiện tượng lạ này, họ sẽ sanh tâm đắm trước.

Còn việc Phật nhập Niết bàn chẳng phải một kiếp mà biết hết được. Vậy thì, nhân duyên nào mà tất cả hình tượng trong Tam giới hội tụ trong một sát na mà thấy hết được? Điều này đã được ngài Văn Thù giải thích và quyết nghi bằng cách dẫn tích Phật xưa, đây là chỉ



thẳng ý bản tâm xưa và nay không khác. Còn nói đến kiếp số, thời gian là trê phược, bản tâm đã vượt ra ngoài suy nghĩ luận bàn, nên không trê phược vào thời gian nữa.

Như nói đến Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, tiêu biểu trí tròn sáng viên dung của tự tâm. Chúng sanh vì mê mất trí này nên bị dính mắc vào thời gian ba đời, luống phải chịu khổ luân hồi ép ngặt. Còn trí viên minh tròn sáng chưa từng có tướng qua lại, nên bảo rằng Phật là tự tâm viên minh.

*Hai muôn Đức Phật đồng danh hiệu* nghĩa là hiển rõ ý hàng Nhị thừa có đồng tánh đức với Phật, đồng nguyên quán, đồng thể thanh tịnh với Phật, chứ chẳng phải khác. Vì thế, nay nói đồng



tánh giác, phải biết chẳng những hàng Nhị thừa đồng tánh đức như Phật, cho đến phàm phu, dù chưa xuất gia tu hành cũng đủ tánh đức ấy, nên bảo rằng: “Đức Phật rớt sau, khi chưa xuất gia có tám người con” là vậy.

\* Xuất gia có ba nghĩa:

1. Ra khỏi nhà thế gian.
2. Ra khỏi tam giới.
3. Ra khỏi nhà phiền não.

Phật và Bồ Tát đã ra khỏi nhà phiền não. Hàng Nhị thừa đã ra khỏi nhà tam giới. Phàm phu chưa ra khỏi nhà thế gian, nên nói “Phật rớt sau”.

Hàng Nhị thừa đã phá được đệ lục ý thức nên đâu có con nữa, còn phàm phu thức tâm còn nguyên vẹn, bảo



rằng có con là hợp pháp.

- **Hỏi:** Sao không nói là phàm phu mà nói là Phật?

- **Đáp:** Vì nói: “*Tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật ở tương lai*”. Nói “rốt sau” là nói Phật tương lai.

Diệu Quang Bồ Tát chỉ cho Đệ thất thức, trong thì y vào Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh làm thầy (tức Đệ bát thức Tâm vương) ngoài gá vào thức thứ sáu (Đệ lục thức) phân biệt theo nhiệm cảnh, khi biết phản vọng trở về chơn gọi là Diệu Quang.

Tám người con chỉ tám thức. Tám thức này đều y vào Đệ lục (ý) thức, nên đồng có tên là “Ý”. Cầu Danh là tiền ngũ thức, chỉ duyên cảnh năm trần thô tướng, nên nói ưa dạo đến các nhà giàu



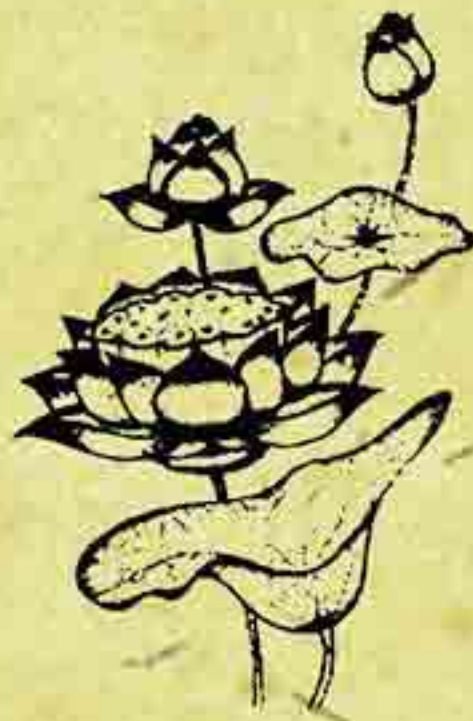
sang phú quý. Năm thức này tuy đối với cảnh ngũ trần có nhạy bén bám víu, nhưng không có khả năng tính toán phân biệt tốt xấu, nên bảo rằng bỏ quên không thông thuộc là vậy. Đặt biệt, năm thức này chỉ trực tiếp duyên cảnh hiện tại mà thôi, còn cảnh đã qua và chưa đến thì không duyên được, nên bảo rằng bỏ quên việc tụng đọc tu tập.

- **Hỏi:** Vì sao thấy biết được cảnh nhiều hay ít, xa hay gần, lâu hay mau, mà không sai khác?

- **Đáp:** Ý này nói nếu y vào học tập mà hiểu, thì thời gian dài ngắn, lâu mau rõ ràng, còn nếu y vào tự tánh, quán sát thời gian, chỉ một sát na tánh đã không, thì nào có ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai). Nên văn sau ghi: “*Diệu*



*Quang chính là thân Ta, còn Cầu Danh là Di Lặc”*, nghĩa là ý nói thân Ta và người phải tự quán thì đâu có xa gần, lâu mau. Việc khai thị này như người tỉnh giấc chiêm bao không khác, đâu còn có thể giới, thân tâm và sanh tử nữa.





# PHẨM PHƯƠNG TIỆN

## (Thứ Hai)

*Phương tiện có hai ý:*

1. Diệu Pháp là tâm thật của chúng sanh, đồng với bản thể thanh tịnh của Chư Phật. Tâm này không có hình dáng tướng mạo, tạm mượn sắc tướng để trợ phát hiển bày, nên Kinh ghi: “*Phật phóng quang trợ hiển thật tướng*”, nghĩa là vậy. Khi thấy tướng lạ ấy, ngài Di Lặc sanh nghi, hỏi Đại Trí Văn Thù, được ngài Văn Thù đáp nghi cho. Sau khi giải nghi rồi, trong pháp chúng có ngài Xá Lợi Phất, thượng căn trong hàng Thanh Văn, được khai ngộ.



2. Hàng Thanh Văn cùng ở trong pháp hội, đồng thính mà dị văn, tuy thấy các thụy tướng, dù không tâm phỉ báng, nghi ngờ, nhưng không hiểu gì cả, phải nhờ ngôn thuyết để khai thị. Diệu Pháp thì không thể dùng ngôn thuyết để phô diễn chỉ bày, nhưng nếu không nhờ ngôn thuyết, thì không sao khai đạo cho họ được. Do đó, đến đây không ai hỏi mà Phật tự nói. Chỉ có hai việc này, nên gọi đó là “*Phương Tiện*”.

Diệu lý của thật tướng do mỗi người tự ngộ. Hàng Thanh Văn tuy đã thể nhập pháp tánh, nhưng còn đắm trước tam muội, biếng nhác, không có chí cầu tiến, đối với Pháp Tịnh Phật Quốc Độ giáo hóa chúng sanh thì không ưa thích. Vì họ khác với hàng Bồ Tát, nên Đức Thế Tôn phải thuật đủ các hạnh



và vô lượng đạo pháp của Chư Phật, khiến họ dũng mãnh tinh tấn, thành tựu pháp thân chưa từng có để sách tấn tâm biếng nhác của hàng Nhị thừa này.

“*Pháp chưa từng có*”, ý gồm hai thứ (*phần / nghĩa*): Một là thật tướng, hai là tất cả pháp. Hàng Thanh Văn đã chứng được thật tướng, nên nói: “*Ta cùng các Bồ Tát đồng vào pháp tánh*”. Nhưng do họ không biết các pháp ấy chính là thật tướng, nên họ đối với tất cả pháp giáo hóa chúng sanh đều sanh tâm mệt mỏi, không muốn trang nghiêm muôn hạnh. Chỉ có đấng Đại Giác Thế Tôn mới viên chứng pháp này, nên Kinh nói chỉ có Phật cùng Phật hay cứu cánh được thật tướng các pháp. Lý của thật tướng, thì bật dứt hết ngôn ngữ, tâm hành xứ diệt, âm thanh sắc tướng, không



thể chỉ bày được, nhưng phải tạm mượn âm thanh sắc tướng làm phương tiện. Nếu nhận được ý này, thì pháp pháp hiện tiền, không còn mê muội, trăm giới ngàn như, tự nhiên thấy đủ, thì nào có cần bỏ quấy lấy phải, phá cái có để tìm cái không.

Hàng Nhị thừa không đạt được ý này, nên cầu ra khỏi cõi này để vào Niết bàn, mà không biết Niết bàn tức là sanh tử, cầu dứt phiền não để chứng Bồ đề, mà không biết phiền não tức là Bồ đề. Phật khai thị như thế, nên không nói mà tự tin, Thân tử chưa được tỏ ngộ, nên ân cần ba phen cầu thỉnh, Đức Thế Tôn bảo: *“Diệu Pháp như thế, Chư Phật Như Lai đúng thời nghi mới nói”*, đó là lời trực ý viên. Căn cứ vào lời Phật dạy, thời chỉ bốn chữ *“Diệu Pháp Liên Hoa”* đã đủ.



Căn cứ vào nghĩa Kinh , thời chỉ ngay cảnh trong quang đã thấy rõ trăm cõi, ngàn như, muôn hình sai biệt, thật không thể dùng tâm tư mà luận bàn được, chỉ ngay nơi lời nói mà thâm hiểu. (Diệu Pháp này nan tri, giải, khó biết khó hiểu, từ bốn mươi năm về trước đến nay Phật mới nói).

Vì Diệu Pháp khó thấy, khó gặp, như hoa Linh Thoại, ba ngàn năm mới trở một lần, nay Phật thấy căn cơ pháp chúng đã thuần thực, khả dĩ lãnh thọ được Đại Pháp, nên Như Lai cùng Chư Phật khai thị cho chúng sanh được ngộ nhập. Chẳng những Đức Phật Thích Ca nói như thế, mà cho đến mười phương ba đời Chư Phật, dị khẩu đồng âm, cũng nói pháp này, nhưng không ngoài hai ý trên.



Đức Thế Tôn thị hiện sanh vào đời ngũ trược ác thế, chúng sanh vì nghiệp chướng sâu dày, bị tâm tham dục bức nã, nên không kham thọ được Pháp Phật. Do đó, đối với Giáo Pháp Nhất thừa, Phật phải phương tiện nói thành Tam thừa. Tuy nói Tam thừa, nhưng ý chỉ có Nhất Phật thừa mà thôi. Hàng Nhị thừa căn trí cạn hẹp, không hiểu ý này, nên Phật nói: “*Chẳng phải đệ tử của Ta, chẳng phải A La Hán, chẳng phải Bích Chi Phật*”. Bởi vì chấp là A La Hán, cho là rốt ráo, nên không tán thú cầu đại Pháp, như thế tất cả hạng người này, thuộc về tăng thượng mạn, chẳng phải chon thật A La Hán. Vì sao? Vì nếu được đạo chon thật A La Hán, mà không tin hiểu Pháp này, thì thật là vô lý.



Chủ yếu Kinh này căn cứ vào lòng tin, chỉ Nhất Phật thừa, không có thừa nào khác. Trong văn kệ tụng đã nêu rõ lý do có chúng thoái lui.

\* Kê đây, nói ý Phật thuyết Tiệm giáo. Như Lai biết rõ tánh dục của chúng sanh không đồng và tùy theo sở thích của họ, mà quyền thuyết chín bộ Pháp. Tuy rằng nói chín bộ, nhưng dựa vào Đại thừa làm gốc, nên Kinh văn ghi: *“Chín bộ Pháp của Ta, tùy thuận chúng sanh thuyết, dựa vào Đại thừa làm gốc”*. Nay thấy căn cơ của pháp chúng khả dĩ lãnh hội Đại pháp, Phật chỉ thẳng Pháp Nhất thừa, nên nói: *“Nghe một câu, một kệ đều thành Phật”*. Bôn ý của Như Lai, ngoài mục đích giáo hóa pháp chúng, lãnh hội Đại thừa giáo, trọn không đem Tiểu thừa để giáo hóa, bất cứ một chúng



nào. Vì “Nếu Ta dùng Tiểu thừa Pháp để giáo hóa, thời họ đọa vào sân tham. Lại nữa, chẳng những ngày nay, Ta thành Phật như thế, ngay thời kỳ còn tu nhơn hạnh Bồ Tát, Ta đã phát nguyện, khiến cho chúng sanh đồng giải thoát, đồng giác ngộ”. Nay nói đến bốn hoài, từ khi còn tu nhơn, nên bảo rằng: “Như xưa Ta đã nguyện, ngày nay đã đầy đủ”.

Nói đạo Nhất thừa, nhưng căn cơ chúng sanh tiếp thụ có sai khác, nên Phật phương tiện tùy nghi thuyết hóa cũng sai khác, mục đích chỉ để khai mở Đệ nhất nghĩa đế, như nói từ Lục độ vạn hạnh, cho đến nhất sắc, nhất hương, giơ tay, cúi đầu,... đều vào Phật đạo.

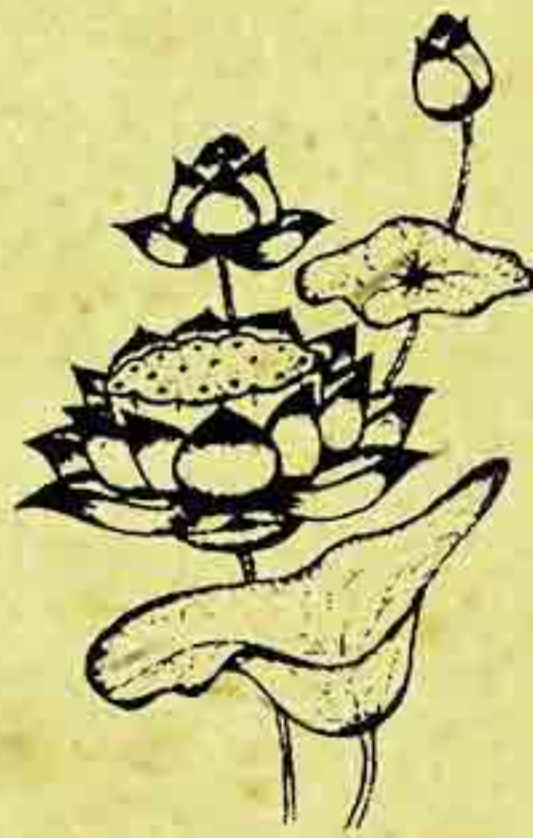


- **Hỏi:** Đã nói nhất sắc, nhất hương đều trở về Phật đạo, vì sao xưa không nói mà nay mới nói?

- **Đáp:** Bởi vì Pháp Đại, cơ Tiểu không kham lãnh được. Phật muốn nhập Niết bàn nhưng Chư Thiên khái thỉnh. Nếu không nói ra, thì trái với bốn thế của Bồ Tát, nhưng nói ra e rằng, chúng sanh chưa đủ lòng tin, ngược lại sanh tâm hủy báng thì mất căn lành. Do vậy, Phật y pháp thức, của Chư Phật mười phương, đem Nhất thừa giáo, khai triển thành Tam thừa giáo. Thế nên được Chư Phật mười phương đồng tình ủng hộ, tán thán và Chư Phật mười phương ba đời, cũng tùy nghi phương tiện thuyết giáo. Thế thì đâu còn gì để nghi nữa, nên pháp chúng sanh lòng vui mừng, tự biết mình sẽ thành Phật.



Quán xem lời nói về bốn hoai của Phật, đâu chẳng phải là Ngài chẳng luôn luôn cứu độ chúng sanh. Chỉ vì chúng sanh, không có khả năng lãnh hội, mà cam chịu làm kẻ hạ liệt phàm phu mãi. Thật là cô phụ đức từ ân của Phật chẳng phải ít.





# PHẨM THÍ DỤ

## (Thứ Ba)

Ngài Xá Lợi Phất, sau khi được Phật khai thị, liền ngộ nhập Pháp Nhất thừa. Nghĩ nhớ lỗi ngu muội của mình về trước, Ngài thuật lại: *“Khi con nghe các Bồ Tát được thọ ký thành Phật, tự nghĩ hàng Thanh Văn chúng con tuyệt phần không được dự việc này. Vì sao chúng con cùng các Bồ Tát đồng vào pháp tánh của Như Lai, nhưng Đức Như Lai lại chỉ đem Pháp Tiểu thừa tế độ chúng con. Nay chúng con mới biết, mới hiểu, thật ra Phật tâm đâu có thiên vị, mà do chúng con không hiểu Ngài đã tùy nghi phương tiện thuyết pháp. Hàng Nhị thừa chúng con không hiểu bốn ý*



của Như Lai, tùy nghi chính là phương tiện đi đến thành tựu Vô thượng Bồ đề, nên chúng con mới nghe nói Pháp Phương tiện rồi tin thọ, tư duy để thủ chứng. Nếu chúng con biết được sự tùy nghi thuyết hóa của Như Lai, tất nhiên đã được Đại thừa độ thoát”.

Đức Thế Tôn cũng thuật lại và bảo rằng: “Chẳng phải Ta không ban Đại pháp cho các người. Nhưng vì các người tâm chấp Pháp quá nặng, mới nghe Ta nói Pháp Phương tiện, đã liền tin thọ và cầu thủ chứng, không cần suy nghĩ gì, nên Ta không vội nói, thế thôi. Hàng Bồ Tát căn cơ đã thuần thực, đối với Đại pháp, việc khai thị không phải cực nhọc, còn hàng Nhị thừa căn cơ cạn hẹp, khai ngộ, tất nhiên chẳng phải dễ. Ta xưa



từng ở hai muôn Đức Phật, thường giáo hóa người (thân tử), mà người hoàn toàn quên mất. Đến nay, Ta biết sức văn huân của người đã khả dĩ thuần thực, nên nói Pháp này, khiến cho các người được vào Phật đạo, tự an vui mà được thọ ký thành Phật, hiệu là Hoa Quang Như Lai”.

*Hoa* là tiêu biểu cho nhơn hạnh, Thân tử dùng trí làm nhơn. *Quang* là tiêu biểu cho huệ, huệ hay phá trừ tâm si mê tối tăm. Ánh sáng trí tuệ tiêu biểu cho trí trung đạo, trừ câu uế hai bên có và không. Cõi nước của Phật Hoa Quang là Ly Cấu, thể hiện hạnh bình đẳng huệ, đoạn trừ tâm chấp nhơn và ngã. Cõi nước bằng phẳng, đã lìa được câu uế, nên trang nghiêm thanh tịnh, dứt



hết tâm mê hoặc, nên an ổn yên vui. Khi hoặc và tập đã dứt, thì không còn nhớ uest nữa, nên bảo đất như lưu ly.

Đức Phật Hoa Quang cũng dùng Pháp Tam thừa hóa độ chúng sanh. Vấn đề này có hai ý:

1. Ngài dùng trí huệ rõ suốt Quyền và Thật đều thi thuyết.

2. Nhơn tu của Ngài là cho vị Bà La Môn con mắt để làm thuốc trị bệnh, biết Pháp Bồ Tát khó hành, nhưng gắng làm để lập nguyện.

Nói chung những việc như thế, hoặc nên, hoặc hư, đều là hình ảnh tự tâm. Trong pháp hội hiện tại, ngài Xá Lợi Phất chưa được đặc ân nào, nay không ngờ được Phật thọ ký, thật là thâm thiết thay ! Vì thế, tất cả Người,



Trời, Tứ chúng nghe Phật thọ ký cho Ngài, họ liền xả tâm chấp đắm tiểu giáo và tự tin mình sẽ thành Phật. Tất cả đều cỏi y thương diệu trên mình, để dâng lên cúng dường Như Lai.

Đặc biệt nhất, sau khi Xá Lợi Phất được Phật thọ ký, Ngài nghĩ thương cho những người bạn đồng hành đồng học, bèn thỉnh Như Lai nói dụ để dẫn dắt họ. Như Lai đã tùy thuận, tạm dụ ba cõi là nhà lửa, ý mượn cảnh vật cho họ dễ hiểu, dễ nhận, để khai phát cho số chúng chưa được khai ngộ. Do đây đặt tên phẩm là “*Thí Dụ*”. Các cõi nước, thôn, ấp, tụ lạc, bốn cảnh này là tổng dụ cho bốn cõi. Cõi nước là chỉ cho cương thổ ranh giới, tiêu biểu cho “*Thật báo độ*”; phân khu từng thôn, ấp để dễ trông coi là tiêu biểu



cho “*Phương tiện độ*”; tụ lạc chỗ đông dân cư nhóm họp là dụ cho “*Phàm, Thánh đồng cư độ*”. Riêng “*Tịch Quang độ*” là thể tánh của tâm, nên không nêu.

*Trưởng giả*, chỉ cho bậc giàu có, đầy đủ cả đức và hạnh, ví như Đức Thế Tôn đầy đủ Tam đức, Tứ trí, Tứ vô sở úy, Tứ biện tài, v.v... Đây là Pháp tài vô lượng nuôi dưỡng huệ mạng. Còn tài sản của ông Trưởng giả như nhà cửa, xe cộ, vợ con, tôi tớ, ruộng vườn, của báu, v.v... là tài sản nuôi dưỡng thân mạng.

Tài sản Pháp tài sự nghiệp của Phật là Giới - Định - Huệ, Tứ vô sở úy, Thập bát pháp bất cộng, v.v... nuôi dưỡng giới thân huệ mạng. *Tôi tớ* là dụ cho phương tiện quyền xảo khéo léo. Tất cả là tổng dụ. Lấy Pháp giới làm nhà,



nên nói nhà cửa rộng lớn, mà chỉ có một cửa để ra vào. Đây ý nói trong tất cả Pháp vô lượng, chỉ có Pháp Nhất thừa là tối thượng, mới có thể đưa hành giả đến chỗ cứu cánh được.

Số người thì quá đông, mà chỉ có một cửa để ra vào. Ý này chỉ số, hành giả đông, nhưng không thể đồng hóa cùng một lúc được. Do đó, chúng sanh tâm uế tề sanh, bị lửa tam độc và tứ đảo thiêu đốt. Số lượng người nêu ra, một trăm hay hai trăm, là chỉ số người chưa phát tâm. Còn số các con ông Trưởng giả, một người hai người, là tiêu biểu số người đã phát tâm, dù chưa ra khỏi ba cõi, nhưng cũng hơn người thường gấp bội. Những đứa con bị lửa thiêu đốt ép ngặt, khổ sở thống thiết mà không biết



lo sợ, không sanh tâm nhàm chán, chính là chỉ cho chúng sanh không có tâm lìa sanh tử để cầu ra khỏi ba cõi. Dù bị tam độc, tứ đảo ép ngặt, mà họ vẫn đam mê cảnh khổ sanh tử, không có tâm tu hành.

Ông Trưởng giả quan sát thấy các con bị ép ngặt như thế, rất lấy làm kinh sợ, hết lòng thương xót và tìm cách cứu chúng. Nhưng chúng quá khờ dại không hề biết điều đó, do tâm đam mê ngũ dục quá nặng, nên vẫn quay cuồng trong cảnh thống khổ trước mắt, và vẫn lấy đó làm vui. Vì thế chúng phải trôi lăn trong sanh tử, mãi mãi trong sáu đường. Ôi thật đáng thương !

Trưởng giả lấy pháp giới làm nhà, còn những đứa con ngu muội lấy ngũ âm làm nhà. Pháp giới thì thường an,



còn ngũ âm thường nguy ép ngặt, nên Phật nói: “*Tịnh độ của Ta không bị hủy hoại, mà chúng sanh thấy bị thiêu đốt hủy diệt hết*”. Vì sao? Vì họ chưa có đủ lòng tin lẽ thực. Do đó, ông Trưởng giả dùng mọi thứ phương tiện, tạm nói sẽ cho ba thứ xe, để khiến chúng vì ham xe mà ra khỏi nhà lửa. Khi chúng đã ra khỏi nhà lửa rồi, ông chỉ cho chúng cùng một thứ xe lớn mà thôi.

Phải hiểu nhà lửa trong ba cõi chẳng phải thực. Tịch diệt đạo tràng bất động. Ông Trưởng giả chẳng ban cho các con gì cả, mà các con cũng không được gì hết. Vì sao? Vì cái sẵn có của mỗi chúng sanh không phải từ ngoài vào, thì ai có thể cho mình được. Lý này, hành giả phải tự tu, tự ngộ, tự chứng, tự



biết. Đó mới là cái đích thực của mình. Văn Kinh thuyết minh là ẩn cái thực, tất cả ngôn ngữ văn tự là Quyền thuyết tạm nói, nên kinh nói từ Nhất Phật thừa khai triển ra làm ba (Tam thừa). Người mê tâm này bị tam độc, tứ đảo, thập triển, thập sử sai khiến trói buộc, nên phải lặn hụp trong sáu cõi luân hồi.

Nhà ông Trương giả là chỉ cho cảnh giới “*Tịch diệt đạo tràng*”, hay nói rõ hơn nữa là “*Bốn độ thanh tịnh*”. Nhà này, nếu bậc chủ nhân là bậc chánh trí nương ở, thời đầy đủ muôn đức. Nên bảo rằng: “*Điện đường là từ bi, xà kèo là thiên định, trụ cột là trí tuệ, nền móng là tịnh giới, chỉ quán là tường vách, đất cát là thiện xảo, phương tiện là tranh lá để lợp, ba mươi bảy pháp trợ đạo là đòn tay, ngưỡng cửa, v.v...*”. Tự tâm vốn sẵn



đủ, không nhờ người khác mà được, nên nói: “*Trăm ngàn pháp môn không đòi gang tấc, hằng sa diệu đức ở ngay nơi tâm*”. Còn nhà ngũ âm, nếu những đức con ngu muội nương ở, thì làm sao trông nom và bảo quản được sự nghiệp của ông cha mình, thậm chí còn gây nên họa hoạn, phước phải giảm, đức phải vong, suy biến, điêu tàn, cảnh từ bi tự nhiên trở thành kiêu mạn. Nên bảo “*Cao nguy*”; thiên định trở thành tán loạn “*Tội hủy*”; trí tuệ trở thành tà kiến “*Nhà xiêu vẹo*”. Trí tuệ lấy giới làm nền tảng; nền tảng bị phá hủy, nên bảo bị tội hủy là vậy.

Hành giả một khi đã đánh mất chánh trí tự tâm, tất nhiên mọi hoặc loạn, đua nhau sanh khởi, nên bảo rằng:



“Tạp uế dầy dầy, tam độc tràn khắp, mười sử hiển hiện đầy đủ”. Mười sử có chia ra lợi độn sai khác, các loài chim thú lành lợi, chỉ cho quý thân, vô minh kiết sử còn nhiều, để phân cấp chủng loại hữu tình cao thấp. Ngũ thú tạp cư địa, mười sử còn lấy lòng, nên thường bị các khổ bức bách, không tâm cầu ra khỏi ba cõi, đó là “Ngồi ủ rũ dưới đất”.

Cảnh dục giới ví như đất ở. Ngồi ly cách đất một thước. Ý nói hàng Sơ thiên và Nhị thiên, tâm đã nhàm chán cảnh dục thô nhiễm, còn ham sắc tịnh diệu, họ luôn y vào pháp Tứ niệm xứ, chế ngự tâm tam độc, mong sanh về cõi Tam thiên. Trong đây căn tánh tu tập có lợi - độn; hàng lợi căn tu, pháp này được chứng tứ quả, hàng độn căn nhập vào không giới. Tuy đã hàng phục được sân



tâm về thô niệm, nhưng tế niệm vẫn chưa dứt hẳn. Do đó, họ dùng Tứ niệm xứ, làm pháp thực để tiến lên, tu cảnh tam thiên quán lý thiên không. Hàng lợi căn dùng chánh huệ cần ra khỏi ba cõi, còn hàng độn căn thì đắm trước vào lý thiên không, tâm chấp không, chưa xả, nên bảo chấp trước thành bệnh.

“*Bốn bề bị lấn ép*” nghĩa là khởi tâm chấp bốn thứ

điên đảo. Gieo hạt giống tam độc, liền mất tứ đức, nên bị trôi lăn vào cảnh vô sắc. Kinh ghi: “*Tranh nhau chạy ra khỏi hang*”.

Hành giả phải biết, tuy sanh vào cõi vô sắc, nhưng vẫn còn bị cảnh vô thường bức hại, nên nói: “*Các quý Cư sĩ bàn trà, tùy theo sở thích, chọn lấy món*



ăn. Ông Trương giả biết các lỗi họa ấy, hết sức lo sợ, bèn răn nhắc các con, mà chúng nó không tin, nên tạm mượn ba thứ xe để dẫn dụ chúng, nhưng khi ra khỏi nhà, ông chỉ cho một thứ xe mà thôi”. Phải biết các địa vị thứ lớp tu tập, chỉ là tên giả đặt mà thôi, cần rõ biết tự tâm, không có pháp nào ngoài tâm mà có. Chẳng phải phân gia tài của mỗi chúng sanh đã sẵn đủ, nên mới bảo sẽ ban cho các thứ sao ! Hành giả cần ngộ điểm này. Nhà lửa chẳng phải thực có, chỉ theo nghiệp chúng sanh mà thôi. Thế thì: “Tịch diệt đạo tràng” đích thực là quê hương của ta.





# PHẨM TÍN GIẢI

(Thứ Tư)

Ở phẩm trước, Đức Thế Tôn đã mô tả hết các cảnh khổ trong tam giới, và nói rõ chỉ có cảnh ngoài tam giới mới là an lạc. Ngài dùng đủ thứ phương tiện ngôn thuyết để dẫn dắt chúng sanh. Vì muốn cho họ cảm nhận được Đại pháp, nên Ngài đã tạm mượn hình ảnh vị Trưởng giả giàu có, thế lực, tiền tài sung mãn, nhưng nhà mục nát xiêu vẹo, có nguy cơ sụp đổ, lửa cháy ép ngặt, bốn bề đề khuyến dụ. Thế mà, những đứa con của Trưởng giả không biết gì, về sự nguy hại ấy, nên người cha phải dùng phương tiện nói dối các con rằng: “Các



*con nên mau ra khỏi nhà này, cha sẽ cho các con đủ thứ đồ chơi vui thích tốt đẹp như xe dê, xe hươu, xe trâu, v.v...”;* nhưng cuối cùng ông chỉ cho một xe mà thôi.

Đức Thế Tôn cũng thế, Ngài luôn luôn muốn cho chúng sanh ra khỏi biển khổ sanh tử trong ba cõi. Vì thế, Ngài tạm nói pháp Tam thừa, để phương tiện dẫn dắt họ, nên từ Nhất Phật thừa, Phật phương tiện khai ra Tam thừa giáo.

Đến đây, bốn vị đệ tử hàng trung căn Thanh Văn: Đại Ca Diếp, Tu Bồ Đề, Mục Kiền Liên và Ca Chiên Diên, lần lần đã thâm hiểu ý Phật, biết rõ những giáo pháp Phật nói ra, trong thời gian qua là phương tiện nhiếp hóa chúng sanh, chứ chưa phải là pháp cứu cánh,



ngay cả phiền não cũng là gia tài quý báu của mỗi chúng ta, không cần tìm ở đâu khác, chỉ cần chuyển hóa nội tâm chính mình; đó là Pháp bảo vô giá. Còn những đứa trẻ cuồng si ngu dại, cũng chính là con của Như Lai, nên bảo rằng Phật khéo giải, tùy nghi thuyết hóa là vậy.

Do các vị này, đã khéo hiểu và tự biết, còn chúng ta thực là Phật tử, vốn sẵn đủ công đức pháp tánh như Bồ Tát, nhưng chỉ vì tự mê, vọng tưởng, chấp trước quá nặng, nên phải cam chịu trôi lăn, trong cảnh luân hồi mãi mãi không cùng tận; nay ra đời gặp Phật, được nghe Thánh giáo của Như Lai, nhưng chưa tỏ ngộ rốt ráo. Giống như con hoang, trái lời dạy của cha mẹ, bỏ nhà đi lang thang rày đây mai đó, từ nước này đến nước khác, để tìm cầu sự sống, tình



cờ gặp lại cha mình, thấy nhà cửa nguy nga, sự nghiệp giàu có, không dám nhận người ấy là cha, đành chối bỏ suốt thời gian năm mươi năm; đây là “*Lưu lạc trong ngũ thú*”. Các chúng Thanh Văn trong pháp hội này cũng thế, gặp được Phật, được Ngài giáo hóa, nhưng không đủ khả năng, lãnh hội Đại pháp và luôn cho rằng mình không có phần Vô thượng Bồ đề, nên chỉ nhận Tiểu giáo mà thôi. Thật đáng thương thay!

Kinh Kim Cang ghi: “*Năm mươi năm là chỉ ngũ ấm thân, vì trong tâm chúng sanh, thân năm ấm mỗi niệm sanh đủ năm mươi niệm bất thiện*”. Ở đời ngũ trược ác này, chúng sanh khó biết được Phật pháp, chỉ rong ruổi, hết phương này sang phương khác; mỗi niệm đều trôi lăn trong tam đồ ác thú, để



tìm cầu sự sống; lòng tham ái tăng trưởng quá nặng.

*Cùng Tử lần trở về bốn quốc, chỉ lúc hành giả nhằm chán sanh tử, mong cầu cảnh giới Niết bàn, đoạn trừ phiền não. Như anh em ngài Ca Diếp chẳng hạn, tất cả đều tu học theo ngoại giáo, sau trở về quy y Phật đạo.*

*Người cha trước kia tìm kiếm con mãi không gặp, là ý nói Đức Phật, sau khi thành đạo rồi, quán sát tất cả các chúng sanh, không thấy có một người nào có khả năng lãnh hội đại Pháp, nên bảo rằng “Không gặp”.*

Đại phú Trưởng giả ở một thành, là tiêu biểu cho Phật, người đầy đủ phước đức trí tuệ cao xa, ở trong Pháp hội Hoa Nghiêm đôn giáo. Đa số pháp



chúng trong Pháp hội này, dù tâm hướng về bốn quốc, nhưng không kham thọ được đại Pháp, nên chỉ y vào Tam thừa giáo để tu hành. Dù đã hàng phục được một phần phiền não, nhưng đối với Phật thừa còn mờ mịt, nên khi đến nơi thành quách người cha ở, mà không nhận ra mình đã có phần dự Phật hội. Cha đã chứng Pháp thân, còn con thì ngu dại, chấp ngữ âm thân; thế nên nói: “*Cha con ly biệt*”, vì Thánh, Phàm còn ngăn cách. Nếu hành giả nào, còn tâm chấp ngữ âm thân, tất nhiên khó nhập được, cảnh giới của Như Lai.

*Trưởng giả suy nghĩ, gia tài Pháp bảo quá vĩ đại, mà không có người giao phó, ví như khi Như Lai xuất hiện nơi đời, quán thấy chúng sanh, đa số tin theo tà giáo ngoại đạo, thì làm sao nuôi ý*



nguyện cầu ra khỏi, biên khổ sanh tử được. Nên bảo: “*Không có người giao phó*”.

*Những đứa con thấy nhà cha giàu có phú quý, muốn chạy bỏ đi, là ý nói hàng Nhị thừa, tuy có mặt trong Pháp hội Hoa Nghiêm, nhưng căn trí của họ còn cạn hẹp. Vì tâm thiên chấp quá nặng, nên đồng ngồi trong Pháp hội, mà sự bảm thọ thì sai khác, đối với Đại giáo, như người đui điếc, không thấy nghe gì hết.*

*Đến xóm nghèo để tìm cầu y thực, nghĩa là họ nghĩ rằng ngoại giáo tu hành cũng tu đắc. Ông Trưởng giả thấy những đứa con như thế, rất xót thương và cảm thông với chúng.*

Đây chính là thời kỳ pháp Phật thuyết ở Phổ Quang Minh Điện. Vì thấy



rõ tất cả chúng sanh có đầy đủ đức tướng trí tuệ của Như Lai, Ngài bèn thốt lời tán thán rằng: “*Lạ thay ! lạ thay ! Tất cả chúng sanh có đầy đủ đức tướng trí tuệ ấy!*”. Muốn dạy cho họ, nhưng Ngài biết nói thế họ không tin nổi, kinh sợ, không hiểu, sanh tâm hãi hùng, mà chết giấc.

Phật biết thế, nên không nói Đại giáo, mà chỉ nói pháp Tiểu thừa cho họ, cũng như dội nước lạnh cho họ tỉnh lại, rồi Phật lại sai, hai vị Bồ Tát đồng sự lợi hành, giống như người tầm thường, đến gần Đồng tử và bảo rằng: “*Nên chọn lấy giá cả*”, ý nói mộ quả thì lo tu nhơn.

Như Lai vì lòng từ bi vô tận, đã ẩn thân ngàn trượng ở cung Trời Đâu Suất, hạ sanh nhân gian, ứng hiện hóa độ



chúng sanh. Kinh ghi: “*Trưởng giả cởi áo trân bảo, mặc áo thô rách, để đến gần các con, cộng sự làm việc tầm thường, dáng vẻ như sợ sệt*”. Đồng biểu hiện ra tướng phàm phu, Bồ Tát dùng phương tiện ấy, để gần gũi chúng sanh. Đây là ẩn thật, thi Quyền thuyết pháp Tứ Đế, cơ và giáo hợp nhau, nên bảo: “*Các người nên làm việc này, chớ đi nơi khác, Ta trả thêm giá cho các người*”, ý nói căn cơ và giáo pháp thích nghi, hành giả tấn tu lần lần, từ Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, v.v...

*Những thứ dùng như muối, gạo, v.v... tất cả thuộc về người, là ý nói khi hành giả được pháp Tứ Đế, Tứ Như Túc và được đầy đủ các pháp Căn, Lực, v.v... nên đặt cho đó là con, để hy vọng thừa hưởng sự nghiệp. Tuy nhiên, hành*



giả dù đã có tâm ham mộ chúng đạo quả, qua sự gặp gỡ này, nhưng vẫn còn cho mình là khách, là kẻ hạ tiện, chưa dám nhận mình là Bồ Tát, mãi đến thời gian sau mới đủ lòng tin, nên việc ra vào nhà ông Trưởng giả đối với họ không còn ngăn ngại nữa. Bảy giờ dù nghe Tiểu giáo cũng không tâm sợ sệt, chính là ở thời Phương đẳng, pháp chúng cũng lãnh hội được phần nào Đại pháp rồi.

Thời Bát Nhã là pháp chuyên dạy cho Bồ Tát, Phật phó chúc cho Bồ Tát, thay Phật thuyết pháp, phải gia tâm, dụng công, khiến cho tinh tấn hành trì, không để tâm lỗi thât, biết gia tài Pháp bảo, đáng được nhận lãnh, mà không tâm mong cầu chấp đắm. Thế nên, tuy biết tất cả nhưng vẫn an phận ở chỗ cũ, vì họ cho rằng đây là pháp dạy cho Bồ



Tát, đối với họ không có phần gánh vác Đại giáo.

*Qua thời gian sau, ông Trưởng giả triệu tập tất cả Quốc Vương, Đại Thần trong nước và tất cả những người thân tộc đến, nhóm họp để giao phó gia tài sự nghiệp cho những đứa con, đây là dụ cho số chúng trong pháp hội được thọ ký. Các vị trung căn Thanh Văn như ông Ca Diếp, Tu Bồ Đề, v.v... quán sát theo sự vi mật của Kinh, thấy các vị này đều là những người “chột mắt” đều là cùng tử si cuồng, chỉ kiếm việc làm thuê mướn. Nếu có thể biết ngay nơi đây để trở về, chính là phương tiện trực nhận biết bốn hoài của Phật. Như vậy thì đâu có làm Đức Thế Tôn phải tổn hao bao tâm lực. Lòng từ bi vô bờ bến của Phật, không thể dùng ngôn từ nào nói hết cho được !*



# PHẨM THẢO DỤ

(Thứ Năm)

Các vị hàng trung căn Thanh Văn như các ông Ca Diếp, Tu Bồ Đề, v.v..., sau khi nghe thời pháp dụ ba xe và nhà lửa, liền lãnh hội được Đại pháp, trong tâm vui mừng hớn hở, trình lên Đức Thế Tôn sự cảm nhận của mình và nói: *“Chúng con nay đã hiểu Đức Như Lai tùy nghi thuyết giáo, từ Nhất Phật thừa khai triển ra làm ba, để thích ứng với căn cơ thuyết hóa. Nay chúng con tin chắc, biết mình có khả năng thành Phật, không còn mấy may nghi ngờ nữa”*, Phật nói: *“Đúng thế, nhưng thật ra về phần sâu xa của Đại giáo, các ông chưa*



*biết hết, hiểu hết được*". Vì Như Lai chẳng những từ Nhất Phật thừa khai ra làm ba, mà còn khai ra Vô Lượng thừa để nói, việc này chỉ Phật mới biết. Thế nên Phật bảo: *"Các ông dù ở trong vô lượng ức kiếp nói cũng không thể cùng tận việc làm của Như Lai"*. Vì sao? Vì Phật là vua của các Pháp, đối với các pháp đều được tự tại, vì đã thâm chứng cả hai trí Quyền và Thực, nên Phật dẫn dụ *"Cỏ thuốc"* để mở rộng tâm thấy biết cho hàng Thanh Văn. *Ba cỏ, hai cây* là khai mở ngũ tánh (Nhơn, Thiên, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát), phần này chỉ nói đại khái. Hiểu sâu hơn nữa, phải biết Phật diễn nhất âm thanh, mà tùy theo từng loại được hiểu, nên bảo: *"Phật nói vô lượng thừa, thích ứng vô lượng chủng tánh"*.



Dụ cơn mưa tưới nhuần khắp đại địa là vậy. Cỏ cây thì muôn ức chủng loại, cây lớn hay nhỏ đều được thấm nhuần tưới mát. Mưa vốn vô tâm, không lựa chọn, còn cỏ cây thấm nhuần tưới mát, cảm thụ vô tư, cũng không tự biết nhiều - ít sai khác, chỉ vô tâm cảm thụ mà thôi, trận mưa chỉ là một, còn cây cỏ muôn ngàn sai khác, thấm nhuần nhiều ít, cũng không tự biết. Pháp Phật nói ra cũng thế.

Mây mưa và muôn vật chỉ là vật vô tình, tạm dụ cho linh tri. Vì căn tánh của chúng sanh có cạn, sâu, lợi, độn, lớn, nhỏ, chậm, mau không đồng, nên phần lãnh hội giáo pháp của Như Lai cũng không đồng. Do đó, sự giác ngộ giải thoát chậm mau, nhiều ít cũng thế.



Nói một cách dễ hiểu và chính xác hơn là mục đích ứng hiện và thuyết hóa của Như Lai là đại bi, bình đẳng với tất cả muôn loài, chủ yếu là khiến cho họ chứng đắc thật huệ của Như Lai, để giác ngộ và giải thoát như Ngài. Vì căn tánh chúng sanh sai khác, cũng như sự thấm nhuần nước mưa của cỏ cây, nên trong Kinh văn Phật nói biết rõ chỗ quy thú của các pháp và biết rõ tâm niệm sở hành của chúng sanh: *“Ta biết và thấy tất cả các căn cơ lợi độn, siêng năng hay biếng nhác, cùng tâm ưa muốn của chúng sanh như thế nào, Ta tùy nghi thuyết hóa giáo pháp, để đem lại sự lợi ích phổ độ cho họ”*.

Sau khi, ngài Xá Lợi Phất được nghe pháp chân thật như thế, bèn nói: *“Con được nghe âm thanh nhu nhuyến*



*của Phật, tâm con thâm đạt được diệu pháp và an trụ trong Phật trí, nghĩ mình quyết định sẽ thành Phật”.*

**Phân tóm kết:** Trong số các chúng được nghe pháp này, có vô số người chúng được Vô sanh pháp nhẫn, Bất thối địa, v.v... Thế thì phải biết rằng, tạm mượn cỏ cây để dụ cho dễ hiểu, thế thôi. Kinh ghi: “*Chúng sanh ở trong vô lượng cõi nước sanh tử, tên Kinh còn không được nghe, huống gì được thấy người thọ trì đọc tụng. Chúng ta nay được nghe Kinh này, cùng thọ trì đọc tụng, tất nhiên đã siêu việt hơn quan niệm của Tiểu thừa*”. Nếu hành giả nào còn chấp nhận là phàm phu, không tự tin mình sẽ thành Phật, không tự bảo trì đạo vị xưa nay để cam chịu làm kẻ phàm phu, há chẳng đồng với cỏ cây sao?



# PHẨM THỌ KÝ

(Thứ Sáu)

Các vị trung căn trong hàng Thanh Văn như ông Ca Diếp, Tu Bồ Đề, v.v... sau khi được nghe và hiểu pháp Nhất thừa chơn thật rồi, họ tin chắc mình sẽ thành Phật, không còn nghi ngờ gì nữa. Như Kinh văn trong phẩm “Phương Tiện”, Phật nói: *“Các pháp chúng được nghe Kinh này, dù một kệ hay một câu, đều thành Phật cả, không còn gì phải nghi ngờ. Huống chi ngày nay các ông được nghe Như Lai tùy nghi thuyết hóa, lại không thành Phật sao?”*.

- **Hỏi:** Đã nói thành Phật không còn gì nghi ngờ, thế thì cần gì phải thọ ký?



- **Đáp:** Mục đích của Như Lai là muốn khiến cho chúng sanh đời mạt sanh tâm khát ngưỡng, nên mới thọ ký. Cần phải hiểu ý nghĩa thọ ký là để nói rõ hơn tâm quả giác của người ấy, đã gieo hơn gì thì sẽ đưa đến kết quả này, chắc chắn không sai, chứ không vô cớ

\* Như ngài Ca Diếp ở quá khứ, đã tu hơn dùng sắc vàng để trang nghiêm sắc Phật bị hoại. Do đó, Ngài đã cảm thụ được thân tướng, ánh sáng sắc thân của Ngài còn vượt hơn ánh sáng của mặt trăng, mặt trời. Vì thế hiệu ngài Âm Quang, được Phật thọ ký hiệu là Quang Minh Phật, cõi nước Quang Đức, kiếp số Đại Nhon, hiệu là Diêm Phù Kim Quang Như Lai. Đời sống của Ngài rất bình dị, vì tâm tư bình dị, nên Như Lai tánh địa tự nhiên sáng rõ, cõi nước của



Ngài bằng phẳng, đất như lưu ly. Tất cả các tướng biểu hiện trên đây đều do nhơn tâm của Ngài sở cảm mà có; tà ma ngoại đạo không xâm phạm được.

\* Ngài Mục Kiên Liên, thần thông đệ nhất trong hàng đệ tử Phật, do nhơn tu từ quá khứ đã dùng hương báu cúng dường Phật, nên được thọ ký, hiệu là Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Phật, tự tâm và hiệu là biểu tượng của thần thông, kiếp số Hỷ Mãn, cõi nước Ý Lạc. Thần thông là thành tựu đạo lực, thân tâm trong ngoài sáng sạch, lấy pha lê làm đất, tất cả đều do tự tâm sở cảm mà có.

\* Như ngài Ca Diếp tu pháp Diệt tận định, ý thức vắng lặng, liễu đạt các pháp là không; ngài Tu Bồ Đề giải không đệ nhất, biện tài vô ngại; ngài Ca



Chiên Diên biết rõ tâm địa chúng sanh; ngài Mục Kiền Liên thần thông đệ nhất. Tất cả danh xưng của các Ngài trên đây, đều là biểu tượng tâm tu hành, đều do sở cảm của tự tâm mà ra. Thế nên, hành giả muốn chứng được tự tâm, trước hết phải diệt ý thức. Còn vấn đề được thọ ký thành Phật, đây là nói lên phần chơn hơn, nếu ai muốn thành tựu quả giác, tất nhiên phải thừa sự và cúng dường Chư Phật, tạo các công đức tu bồi thiện pháp, mới có thể trông mong thành tựu sở nguyện giác ngộ giải thoát.

Thế thì, muốn hơn tâm thành quả giác, cần đủ điều kiện là: *Phước huệ lưỡng toàn, phương tác Phật*. Nói: “*Hàng Nhị thừa, đồng vào pháp tánh, há có hai tâm sao?*”, cần phải biết là hàng Nhị thừa, khi mới nghe Phật nói



pháp “*Tịnh Phật Quốc Độ, thành tựu chúng sanh*” có người chưa hiểu, tâm họ không ưa thích, nên thành ra có sự cao thấp, sai khác thể thôi.

Nói đến lòng thao thức của ông Trưởng giả mong gặp đứa con để giao phó sự nghiệp lại cho nó. Tất nhiên đứa con đó phải không còn chí khiếp nhược như trước kia nữa, phải có tài năng, trí tuệ và trách nhiệm, phải lập thân thành danh, không để cho sự nghiệp ấy sa sút, có vậy mới hy vọng thành Trưởng giả ở tương lai.





# PHẨM HÓA THÀNH

(Thứ Bảy)

*Hóa thành* chẳng phải thật, *Bảo sở* chẳng phải *Chơn*, hiển rõ cả hai đều phi, nên nói dụ này.

Trước Phật hứa cho ba xe, cuối cùng chỉ cho một, pháp chúng toan cho rằng ba là giả, một là thật, mà đâu biết một cũng chẳng phải thật. Nếu một là thật, làm sao lại nói ban cho các thứ. Nếu ban cho các thứ thì ai được, ai không được. Bởi hàng Nhị thừa trệ vào tiểu quả, không có chí cầu tiến, nên Phật quyền thuyết “Hóa thành” này. Nhưng cuối cùng lại kêu gọi họ ra khỏi Hóa thành, cần hướng đến Bảo sở, tuy nói Bảo sở mà



không chỉ rõ nơi chốn, chỉ nói gần đây mà thôi. Thế thì đã thấy rõ *ba và một* đều không thật, chỉ tạm thi thuyết, chủ đích Phật muốn họ trở về tự tâm. Nói đến tự tâm, thì vốn không có hình dáng tướng mạo gì cả, không để dùng trí để biết, thức để hiểu, nhưng phải tạm mượn dụ để phát minh lý này.

Còn Phật Đại Thông Trí Thắng là biểu tượng tánh đức tự tâm của mỗi chúng sanh sẵn đủ. Nghĩa là đạo thì bao trùm tất cả, gọi đó là Đại; Đức thì không đâu không phổ biến, gọi đó là Thông; Trí là khuôn phép của tất cả người trời, gọi là Thắng. Tất cả hình ảnh này đều là biểu tượng tự tâm. Tâm này bao trùm hết, lớn không gì ngoài, nhỏ không gì trong, không ngoài nên Đại, không trong nên



Thông, lưu xuất tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, nên gọi là Trí Thắng.

Kinh Hoa Nghiêm ghi: “*Một niệm thâu hết vô lượng kiếp*”, không đến đi, không dừng trụ, biết rõ việc ba đời như thế, vượt quá phương tiện, được thành tựu Thập lực. Một niệm gồm thâu hết vô lượng kiếp là Đại Thông, siêu phương tiện thành thập lực ấy là Trí Thắng, căn cứ như thế chẳng phải tự tâm ư?

Ngài Táo Bá nói: “*Cổ kim mười đời trước sau không lìa đương niệm, vô biên, sát hải như đầu sợi lông, không còn ngăn cách*”. Đó là chỉ thẳng tâm này không còn dính mắc thời gian và nơi chốn nữa. Nếu không mượn dụ, thì không nhận biết rõ được, nên mượn vô lượng, vô biên A tăng kỳ kiếp, để làm thí dụ. Nếu đem tự



tâm dung nhiếp, thời phải hiểu tự tâm không có quá khứ, không có thời gian và không gian. Vì không có thời gian, nên dùng sức thấy biết của Như Lai, quán thời gian lâu xa, cũng như nửa ngày mà thôi. Vì không nơi chốn xứ sở, nên năm trăm muôn ức Phạm Thiên Vương, ở các cõi nước, trong mười phương đều mang vật báu đến cúng dường Phật. Cõi phương Đông thì thấy Phật phương Tây, cõi phương Nam thì thấy Phật phương Bắc, những đến thượng phương thì thấy Phật hạ phương. Vì không có thời gian, xứ sở, nên thấy được như thế, chẳng phải Đại Thông ư? Tùy nơi chỗ thấy Phật chẳng phải Trí Thắng ư?

*Mười kiếp ngồi đạo tràng mà Phật pháp không hiện tiền, nghĩa là khi hành*



giả trụ vào chánh định thì không thể nói pháp, nên bảo rằng: “*Phật không thuyết pháp*” là vậy, vì pháp này không thể chỉ bày, tướng ngôn từ tịch diệt. “*Hơn mười tiểu kiếp Phật pháp mới hiện tiền*”, đây là siêu việt chánh vị, để phương tiện thùy hóa, vì năm vị Tỳ kheo mà nói pháp.

Phương thức thùy hóa của Chư Phật quá khứ đã thành hạnh phương tiện lực, nay đạo sở đắc của Ta, Phật cũng nên thuyết Tam thừa. Còn Đại Thông Trí Thắng chính là nhất tâm, mười sáu vị Vương Tử là tám thức. Vì tám thức chuyển thành bốn trí, trí thì có sự có lý, thể thì tám thức, bốn trí, sự và lý triển khai thành mười sáu, nhưng thể là tàng thức, vì thức này hàm tàng tất cả công đức của thế gian và xuất thế gian, nên Vương Tử thứ nhất tên là Trí Tích. Vì



tâm vốn vô vi, nhưng thức thì không có việc gì là không làm, nên khi các con ân cần ba phen cầu thỉnh, Đức Đại Thông Trí Thắng hứa khả, chuyển bánh xe pháp bằng phương thức Tam luân, Tứ đế pháp, Mười hai hành, đây là khai phương tiện. Khi phương tiện đã được khai mở, sẽ dẫn tới Phật đạo, nên nói: *“Các Đại đức Thanh Văn này đã thành tựu và vì chúng Ta nói pháp A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề”*. Đây là biểu tượng dụng thức quán tâm.

Khi Phật nhận lời khái thỉnh thuyết pháp, thì tất nhiên đệ tử được khai ngộ, để biểu tượng tâm trí đã chuyển được thức. Bảy giờ, bên trong thì bảm thọ giáo pháp của Phật, bên ngoài thì giáo hóa những người đồng học, ấy là tâm vương đã có năng lực chuyển hóa. Bên trong



bẩm thọ giáo pháp thì tự lợi đầy đủ, bên ngoài hóa thành tự hạnh lợi tha, khi cả hai lợi được hoàn mãn, nên nói thành Phật thể thôi.

Nếu hành giả biết được tự tâm vốn đầy đủ, lại được lãnh thọ giáo pháp thì tự nhiên trí tuệ sáng ra, không nhờ ngoại cầu nữa, hàng lợi căn lãnh hội ngay lời nói, biết mình vốn sẵn thành Phật, nên bảo rằng: “*Quá khứ đã thành tựu*”.

Những pháp nói ở phẩm này, thực ra đã được nói từ “Phẩm Tựa”, ngài Di Lặc thấy các thụy tướng liền khởi nghi và được ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát quyết nghi bằng cách dẫn Phật xưa để nói lên lý đương niệm, xưa và nay chỉ là một, hàng Thanh Văn nghi cho việc này là của Bồ Tát, chứ không phải của Thanh Văn, nghĩ



như thế cho là Thanh Văn không có phân  
dự vào, đó là cái biết còn bị hạn chế, nên  
sinh tâm hạ liệt, mới kẹt vào Hóa thành.  
Đức Như Lai biết bịnh chấp pháp quá  
nặng của hàng Nhị thừa, nên ngài Quyên  
thuyết ra Bảo sở để phá bịnh chấp kia,  
khiến cho họ ra khỏi Hóa thành. Khi ra  
khỏi rồi, thì Bảo sở cũng không có thực,  
nên nói ở gần, mà không chỉ nơi chốn  
nhất định. Nếu hành giả ngộ được tự tâm  
thì biết, thành Phật còn không thể được,  
thế thì có pháp nào Thanh Văn và Bồ Tát  
đáng được.

( Đây là thực rất ráo).





# PHẨM NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ

## (Thứ Tám)

Do được khai ngộ, dụ Hóa thành là nói rõ nhân duyên xa xưa của pháp chúng Thanh Văn, đã gieo trồng pháp Nhất thừa duyên chúng, từ thời Phật Đại Thông Trí Thắng, thì tất cả là nhân của Bồ Tát. Do đó, Mãn Từ Tử nhân đây được khai ngộ, nhà dịch Kinh bày rõ ba việc để hiển rõ ý này, nghĩa là khi pháp chúng được nghe dụ Hóa thành rồi, tâm họ thanh tịnh, vui mừng hớn hở, tán thán khen ngợi Phật, cho là ít có, và khởi niệm nghĩ: “Đức của Như Lai thì vô lượng, chúng ta không thể dùng ngôn từ nào để thuyên bày hết được. Hơn nữa,



chúng ta là pháp chúng nội bí, ngoại hiện, thân tâm chúng ta nghĩ gì, bốn nguyện của chúng ta như thế nào, Phật đều biết rõ, Ngài sẽ vì chúng ta tuyên nói chỉ bày”. Quả thật, Như Lai biết hết, Ngài bảo pháp chúng rằng: “Phú Lô Na là bậc thuyết pháp đệ nhất trong ba đời Chư Phật”, để chứng minh điều này, Phú Lô Na thật là Bồ Tát, ngoài hiện Thanh Văn thế thôi.

Mãn Từ Tử đã biết điều này và biết Thân tử khi được thọ ký thành Phật, tâm Ngài còn kinh hãi nghi ngờ. Ngài Ca Diếp tự thuật việc Phật nói pháp Tịnh Phật Quốc Độ, thành tựu chúng sanh, tâm Ngài hoàn toàn không ưa thích. Những sự kiện trên đây đều là tâm bệnh của người đời sau, Thanh Văn và Bồ Tát tuy có hai tên, nhưng về mặt



chân tâm thì chỉ có một. Tâm đã không có hai, chúng ta nào có hai, mà cho rằng mình không phải là Phật, thật là vô lý. Hàng Thanh Văn chưa đủ khả năng để nhận định mình vốn là con Phật, thuộc nội bí ngoại hiện và đã khởi hạnh, đồng sự nhiếp, thế thì đủ biết Mãn Từ Tử đã thành tựu Phật sự lớn lao rồi. Thật ra, ý này để khai phá nội bí ngoại hiện của Bồ Tát, vì nhơn hạnh sâu xa, nên biết được thọ lượng của Chư Phật vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp.

Mãn Từ Tử thuyết pháp như tiếng rống sư tử, vì đã phát minh được trí vô lậu, nên khi thành Phật được hiệu là Pháp Minh Như Lai, do công đức nói pháp rộng lớn, nên cõi nước của Ngài rộng hẳng hà sa Tam thiên Đại thiên thế giới làm cõi Phật. Ngài tuyên dương



chánh pháp, khiến chúng sanh nghe rồi dứt ác, sanh thiện, được thành tựu, nên cõi nước không có gò nông, cao thấp, v.v... những đến không còn người nữ có tâm dâm dục, chỉ có thuần thiện mà thôi, do đó người và Trời được giao tiếp nhau. Ngài có thần thông tướng hảo như Phật, thuyết pháp giáo hóa cho chúng sanh, hàng Nhân Thiên thừa, thế mà vô lượng Bồ Tát thấy tợ hồ như Ngài nói Đại thừa giáo. Còn số chúng Thanh Văn nhiều không thể tính đếm được, họ thấy tựa hồ như Ngài thuyết Tiểu thừa giáo.

Số pháp chúng Thanh Văn một ngàn hai trăm vị đều mong được Phật thọ ký, nên Phật nói dụ như người gặp bữa tiệc nhà vua, nhưng vua chưa ra lệnh cho phép ăn, nên không dám tự ăn. Pháp chúng Thanh Văn này đối với Đại



pháp cũng thế, chưa đủ niềm tin mình có khả năng thành Phật, vì thế nói dụ này và được thọ ký, đồng là hiệu Phổ Minh Như Lai. Do cùng nghe pháp Tứ đế, phát minh được tâm địa và hiểu pháp, đồng gọi là ngộ, vì pháp Tứ đế là đầu mối then chốt của Tam thừa giáo. Trong số chúng một ngàn hai trăm vị, Kiều Trần Như được thọ ký trước, vì Ngài liễu giải pháp này trước. Trong Kinh văn, Phật hứa (thọ ký) cho một ngàn hai trăm vị mà thôi, còn những người không có mặt trong Pháp hội, ông Kiều Trần Như sẽ vì họ mà tuyên nói lại.

Như trước, ngài Ca Diếp, Tu Bồ Đề, v.v... bốn vị trung căn trong hàng Thanh Văn đã hiểu ý Phật tùy nghi thuyết hóa, nên đã tự thuật mình như những đứa con không thuận theo lời dạy



bảo của cha mẹ, để rồi chấp nhận cuộc sống nghèo nàn, lang thang đây đó, mà không biết thừa hưởng của báu trong nhà sẵn có. Hàng Nhị thừa cũng thế, vì căn trí cạn hẹp, chưa biết tự nhận gia tài Pháp bảo vốn sẵn có, nên ông Trưởng giả phải nhọc lòng tìm đủ mọi phương cách, khiến con ra khỏi cảnh nhà cháy nguy khôn.

Đức Như Lai cũng thế, vì thấy chúng sanh, tâm quá mê muội ngu si, tham đắm cảnh dục lạc, cam chịu cảnh khổ trôi lăn trong ba cõi sáu đường. Lòng từ bi của Phật không nở nhìn thấy chúng sanh khổ lụy, mà không cứu giúp. Do đó, Phật dùng các thứ phương tiện dẫn dắt họ, suốt thời gian hai mươi năm, đến thời Phật thuyết Bát Nhã, họ mới biết có dự phần giác ngộ giải thoát. Thật



đơn giản, qua dụ hạt minh châu trong chéo áo, ý này Phật khai thị cho họ biết, vốn chẳng phải vật ở bên ngoài mà tìm cầu được, mà chính ngay nơi tự tâm mình, chỉ cần hồi đầu bĩ ngạn là tự tiện sử dụng được của báu sẵn có ấy. Vì căn cơ pháp chúng còn cạn hẹp, nên không nhận ra, đành cam chịu cảnh nghèo nàn khốn khổ, người bạn thân thể chỉ cho biết, có vật quý trong chéo áo, hỏi sao không đem ra sử dụng, mà phải chịu khốn khổ như thế này, thật là quá khờ dại. Chúng ta cũng thế, bản giác tánh tịnh sẵn đủ hằng sa công đức, nhưng vì tâm mê quá nặng, nên mất bản thể chơn tâm ấy, rồi chấp nhận vọng tâm, vọng tưởng là mình, nên bị phiền não tham sân trói buộc, không có ngày ra khỏi cảnh luân hồi sanh tử.



Phật vì mười sáu vị Vương tử nói Kinh Pháp Hoa, đó là gieo nhơn chúng Nhất thừa cho họ, chính là chỉ cho họ biết sẵn, có hạt minh châu trong chéo áo. Đức Phật Thích Ca là người bạn thân nhiều kiếp của pháp chúng, từ thời Phật Đại Thông Trí Thắng, Ngài đã ứng hiện nơi đời, khai mở tâm trí cho chúng sanh. Trong đó có những vị nay gặp lại Ngài, được Ngài giáo hóa và trao (thọ) ký cho, đó cũng chính là hạt châu trong chéo áo, Ngài đã cột cho từ thời Phật Đại Thông Trí Thắng.

Xưa ngài Nam Nhạc đến tham vấn Đức Lục Tổ, Tổ hỏi: “*Ông từ đâu tới?*”. - Đáp: “*Con từ Tung Sơn đến*”. Tổ nói: “*Dường như ông có mang vật gì đến phải không?*”. Ngài Nam Nhạc không hiểu. Trải qua tám năm sau, Ngài lại



thưa Tô: “Con tên Đắc Đạo”. Tô hỏi: “Người lấy gì sanh đạo?”. - Đáp: “Nói giống vật gì không đúng”. Tô hỏi: “Lại hiểu tu chứng chằng?”. - Đáp: “Tu chứng chằng phải không, nhiễm ô chằng thể được”. Tô nói: “Đúng thế, đúng thế! Một lần cột, một lần mở, trong tám năm cũng cột, cũng mở”.





# PHẨM THỌ HỌC VÔ NHƠN KÝ (Thứ Chín)

**A** Nan và La Vân là hai vị huyết mạch thân thích của Phật, thế mà cuối cùng mới được thọ ký, chắc chúng ta không khỏi thắc mắc, phải hiểu ý này là nói lên tinh thần bình đẳng của Phật, không đặt nặng vấn đề thân, sơ. Nhưng với công đức tu hành thâm sâu của hai vị, tuy thọ ký rốt sau nhưng từ thọ mạng, danh hiệu, cõi nước, quyết thuộc, v.v... tất cả đều vượt hơn các vị trước.

Kinh nói: Đức Thế Tôn, La Vân và A Nan đã đồng thời phát tâm từ thời Đức Phật Không Vương. A Nan vì tâm không cầu vợi chúng, mà thế nguyện hộ



trì tạng pháp theo mật (phạm) hạnh Bồ Tát, còn La Vân cũng đồng tu với Phật trong một kiếp, nhưng thị hiện làm chúng tử của Bồ Tát, phạm hạnh mật tu. Mục đích khai phát tâm trệ phược của Nhị thừa Thanh Văn, do đó được thọ ký ở địa vị Bồ Tát. Hai vị được thọ ký kiếp số, cõi nước, thọ mạng đều đồng, đó là hiển bày hạnh giải đồng như.

A Nan là người giữ gìn tạng Phật pháp, trì pháp thì tất nhiên liễu tri Phật pháp. La Vân (giữ gìn) mật hạnh, hạnh do giải sanh khi làm chúng tử Bồ Tát, hạnh khởi thì giải vong. Phật thọ ký La Vân thành Phật, từ hiệu rồi khởi hạnh, do hạnh thành giải, cả hai đáp đối cho nhau.

Hai ngàn vị thuộc về hữu học lần lượt được thọ ký hết, ba căn Thượng,



Trung, Hạ. Thanh Văn nêu trước là thuộc bậc thượng, còn hai ngàn sau thuộc hạ và phàm, cũng nên hiểu dù Phàm hay Thánh, đều giải hạnh nhiếp hết.

Xét về giải và hạnh, ở đây nêu căn bản sẵn có của tự tâm, chẳng phải ở ngoài đến. Khi hành giả đã tin và hiểu thành Phật tự tâm, thì ai mà chẳng phát tâm liễu giải. Từ đó tất nhiên phát tâm tinh tấn tu trì.

Nếu hiểu mà không tu, thì phân lợi lạc cũng kém, ngay nơi tự tâm hiểu, thì mỗi niệm sát na ứng dụng, thấy trí huệ như Thân tử và tối dốt như Long Nữ, mau và chậm đã rõ ràng, không còn nghi ngờ nữa./.

\*

\* \*



# PHẨM PHÁP SU

(Thứ Mười)

Các phẩm trước, tất cả số pháp chúng Thanh Văn, lợi căn hay độn căn, Phật đều thọ ký cho. Còn chúng Bát bộ, Trời, Rồng, Da xoa, đến đây được thọ ký toàn diện không sót.

Bảy phẩm trước, từ phẩm “Thí Dụ” đến phẩm “Thọ Học” vô nhơn học phẩm, số pháp chúng đã được gieo duyên nghe pháp từ thời quá khứ, họ luôn tinh tấn dũng mãnh thọ trì, tu tập, cúng dường, và khát ngưỡng mong được thọ ký. Còn phẩm này hiển rõ số pháp chúng hiện tại được nghe pháp liền thọ trì tấn tu, v.v... biểu thị rõ sự hoằng



truyền Kinh điển là cấp bách, nên đặt tên phẩm là “Pháp Sư”.

Khi Phật còn tại thế, người thầy truyền giáo lực dụng đã thù thắng, tất nhiên người trò lãnh giáo cũng thù thắng. Vì được trực tiếp nghe pháp với Phật và thụ trì tấn tu, thì sự hiệu lực kết quả là chắc chắn. Kinh nói: *“Sau khi Phật diệt độ, căn cứ ở người nghe pháp thọ trì, thấy có Thánh, Phạm hơn kém sai khác. Nhưng thực ra, đối với pháp Phật thì không hai, chỉ là nhất vị bình đẳng mà thôi, nên thọ ký toàn diện hết. Nếu người nhất tâm thọ trì, chỉ một câu hay một kệ cũng được thành tựu”*.

Nói tóm lại, về mặt văn tự dường như có vấn đề thiếu và đủ, nhưng về phần ý nghĩa thì không sai khác. Vì bình đẳng,



nên Như Lai sai khiến làm việc Như Lai, người được sai khiến, chắc đã có gieo trồng chút phước đức nhân duyên công đức, tất nhiên thành tựu đại nguyện. Nhưng vì lòng từ bi thương xót chúng sanh, nên sanh vào cõi nhân gian, đời tương lai sẽ thành Phật và được tất cả Người, Trời kính ngưỡng.

Xét Kinh này hoàn toàn nói về bản tâm, tất nhiên cần khai ngộ, nên Chư Phật nói Pháp từ thủy chí chung, đều nói lý tự tâm, bản hoài của Ngài là mong tất cả đều thành Phật. Nếu hành giả nào biết được thành Phật là tự tâm, thời Như Lai luôn luôn hiện tiền.

Ngay khi Thân tử vừa nghe Phật nói, liền sanh tâm nghi cho Phật là ma, chứ không phải Phật, nên đã sợ hãi,



huống gì sau khi Phật diệt độ, chúng sanh nghe nói Kinh này, làm sao không hủy báng. Khi Phật còn tại thế, còn có nhiều kẻ oán ghét, huống gì thời mạt. Tuy nhiên, nếu người nào có đủ lòng tin, không còn nghi ngờ, thì người này tuy chưa chứng đắc, nhưng cũng đã vượt hơn hàng Nhị thừa. Do đó, quả vị Phật chắc chắn không xa vời đối với họ.

Như Kinh ghi: *“Thấy đất ướt biết nước ắt gần, công khó nhọc đào giếng nơi cao nguyên, đến đây hy vọng chắc chắn được nước”*. Người tu hành tự tin thì dễ, còn muốn khiến cho người khác tin rất khó, nên dặn dò pháp chúng phải nên ứng dụng ba việc của Như Lai (Vào nhà, mặc áo, ngồi tòa Như Lai), vì một câu kệ cũng không khác, ý chỉ toàn bộ Kinh.



Hành giả tu hành ở đời mạt, đều y vào một câu, một kệ để tấn tu, như Bồ Tát Thường Bất Khinh đã ứng dụng hoằng Kinh. Ngài nói: “*Không dám khinh Quý ngài, Quý ngài sẽ thành Phật*”. Thế mà vẫn bị xô đuổi quở mắng, thậm chí còn dùng gậy gộc đánh đập, ngói đá quăng ném, nhưng Bồ Tát đứng ở xa, vẫn cất tiếng tán thán khen ngợi họ, thấy như thế đủ biết lời Phật dạy, thật là khẩn thiết./.





# PHẨM HIỆN BẢO THÁP

(Thứ Mười Một)

Từ trước đến nay, Phật đã dùng các thứ ngôn thuyết, thí dụ, diễn nói Tam châu (*Thuyết pháp, thí dụ, nhân duyên*) và sáu dụ (*Nhà lửa, cùng tử, được thảo, hóa thành, hạt châu chéo áo, cao nguyên đào giếng*).

Qua những phần trên, đối với pháp chúng Thượng căn và Trung căn, đã tỏ ngộ căn tánh của mình sẵn có, và được Phật thọ ký danh hiệu, cõi nước, v.v... Họ không còn nghi ngờ nữa, nên đã tự thuật những gì trước kia hiểu sai, không đủ niềm tin mình sẽ thành Phật, và nói



lên sự cảm nhận của mình cùng niềm vui khôn siết. Nhưng còn hàng pháp chúng Hạ căn Thanh Văn, dù đã được nghe bao nhiêu lời lẽ ẩn dụ của Phật, hơn nữa lại được Phật tổng thọ ký, nhưng Phật vẫn e rằng, tâm đối đãi của họ chưa dứt, nay bàn đến thánh cảnh cao xa, có thể họ chưa tin nổi, nếu tin chưa được rốt ráo thâm sâu, thì phần lợi lạc không sao thỏa mãn được. Do đó, Phật tạm đưa hình ảnh tháp Đa Bảo để cụ thể hóa tự tánh, khiến cho pháp chúng có niềm tin chắc thực, là mỗi chúng sanh sẵn đủ tự tánh Đa Bảo, mà tánh ấy ngay trong thân tứ đại sanh diệt, chứ không ở đâu khác.

Phật ở trong tháp là tiêu biểu cho chơn tâm, chơn tâm ấy mỗi chúng sanh sẵn đủ. Dù tu hành chưa giác ngộ, tâm



ây vẫn ẩn tàng nơi ta hằng giây, hằng phút, hằng giờ, chỉ tại ta không trực nhận ra đó mà thôi.

*Tháp cao và rộng năm mươi do tuần (chiều rộng), và hai trăm năm mươi do tuần (cao), tượng trưng cho chơn tâm giác tính đã vượt ra ngoài thời gian và không gian (ngũ vị tu tập và hai mươi lăm cõi cảnh giới của hữu tình nương ở). Tháp từ đất vọt lên hư không, chỉ cho tánh giác vượt khỏi vô minh địa, y vào thực tướng mà trụ. Thế nên, nói pháp trụ trong hư không, thật tướng thì vô tướng, tuy vô tướng mà không pháp nào chẳng phải là tướng, không phải là tướng, nên nó không ngại các thứ trang nghiêm. Tất cả các thứ trang nghiêm như lan can, tràng phan, bảo cái, linh báu, v.v... những ảnh tượng này đều*



tiêu biểu cho tánh đức tự tâm, tánh đức ấy cao xa vời vợi, tiêu biểu cho tứ biện tài, tuyên dương Diệu pháp. Khi pháp được lan truyền khắp nơi, thì hương giới đức tự nhiên tỏa khắp, nên tứ phía đều có mùi thơm chiên đàn là vậy. Hành giả nhận chịu việc khó để hoằng Kinh, tất nhiên phải thể hiện từ tâm làm trước, khi nhân lực đã đủ, thì sẽ tạo thành công đức như sở nguyện.

*Tất cả được trang nghiêm bằng bốn báu, nghĩa là chúng sanh sẵn đủ chơn tâm giác tánh, mà tánh giác chơn tâm thì không bị nhiễm ô sanh diệt, nên Kinh ghi: “Tháp cao vọt đến cõi Trời Tứ Thiên Vương”, tiêu biểu tánh này đã vượt khỏi tứ sanh (noãn, thai, thấp, hóa), để ảnh dụ cho chúng thiên ở cõi này, đã tu bạch nghiệp để trang nghiêm tự tâm,*



nên họ dùng hoa trắng dâng lên cúng dường tháp.

Tất cả chúng sanh, khi đã biết hướng thiện giải thoát, đều trang nghiêm tâm này, nên Kinh ghi: “*Trời, Rồng, Bát bộ,... đồng đến cúng dường Bảo tháp*”. Hơn nữa, trong tháp còn có âm thanh phát ra tán thán và khen ngợi, Phật Thích Ca dùng bình đẳng đại huệ thuyết pháp. Bồ Tát thừa thỉnh là đại biện tài hoằng Kinh tuyên dương giáo pháp. Ý này nói lên tự tâm luận rõ tự tâm.

*Trong tháp ấy có toàn thân Như Lai*, chỉ cho chúng sanh đều có đủ đức tướng trí tuệ của Như Lai (Quá khứ vì bỏ thời gian đã qua), Đông phương thì quân động, mà tâm chơn như thì chẳng phải tịnh, chẳng phải động, nên nói vượt



hơn ngàn muôn ức A tăng kỳ thế giới. Chơn tâm thì luôn thanh tịnh, sáng suốt không nhớ, nên cõi nước tên là *Bảo Tịnh*. Chơn tâm thanh tịnh, sanh ra tất cả công đức báu, nên Phật hiệu là Đa Bảo, Đức Phật Đa Bảo Ngài đã phát ra lời đại thế nguyện, đó là phương pháp hoằng truyền Kinh Pháp Hoa nơi chơn tâm.

*Khi Phật diệt độ, bất cứ nơi nào có người nói Kinh này, thì tháp Phật Đa Bảo đều hiện ở trước để chứng minh, ý này là những gì đã nói đều là thực cả. Còn thọ ký là nói tự tâm ứng hợp, chứ chẳng phải cầu ở ngoài mà được, điều này thể hiện rõ hành giả, khi chứng được thật tướng là sở nguyện viên mãn.*

*Từ chúng thấy Phật Đa Bảo, là nói lên tâm của hành giả mong được khai thị,*



nên Phật nói: “*Muốn thấy Phật Đa Bảo thì phải tiêu hết phân thân trở về*”, ý nói là phải dứt hết vọng tâm. Vì vọng tâm luôn chạy theo lục trần, khi biết được lục trần không thật, thì tâm không còn rong ruổi, nên gọi là *trở về*.

*Khi cõi nước ba phen biến thành Tịnh độ, thì Phật Đa Bảo mới xuất hiện, ý nói vọng hết thì giác hiện. Bảy giờ hai Phật ngồi chung một tòa, tức là Quyền và Thực đã dung hội. Tất cả đại chúng đã đồng chứng thật tướng, nên đồng trụ trên hư không.*

Xưa có vị Tăng ngồi kiết già trên cầu, ông nghe hai con quỷ nói chuyện với nhau, con thứ nhất nói: “*Ngày mai sẽ có người đến thay ta*”, con thứ hai hỏi: “*Người đó ra làm sao?*”. - Đáp:



“Người đó trên đầu đội nón sắt”, vị Tăng nghe vậy bèn đợi xem sao. Ngày hôm sau, thấy một người đội mũ nồi trên đầu, xuống dưới cầu để rửa chân, vị Tăng bèn bảo người này đừng xuống đây, con quý nghe được lấy làm căm tức, giận dữ và bảo rằng: “*Những kẻ ngu dốt phá việc tốt của Ta*”. Trong tâm con quý muốn hại vị Tăng, vị Tăng nghiệm biết bèn nhập định, quý tìm chẳng thấy vị Tăng ở đâu, bèn nói: “*Lạ thay! Vì sao chỉ thấy tháp Đa Bảo, mà không thấy vị Tăng?*”. Một lúc lâu vị Tăng lại khởi niệm bảo: “*Quý phải đi*”, quý đáp: “*Đến cũng chẳng đến*”. Vị Tăng lại kiểm niệm, như thế ba lần, Tăng hoát nhiên đại ngộ, người đương thời cho rằng quý bức ngặt Thiên sư. Căn cứ vào việc này để suy xét, Phật nói Bảo Tháp,



tức sắc thân tứ đại, chẳng phải không căn cứ. Hơn nữa, chỉ nghiệm một niệm mà quý tim bắt không được, thì lời nói của Phật đâu có ngoa, hằng ngày chúng ta, nên thân kiểm thì cần gì phải tìm cầu nhiều số kiếp. Hành giả nếu không pháp an tâm thì nhọc công, Chư Phật, Chư Tổ, phải dùng nhiều phương tiện để khai ngộ. Đối với việc này, Phật Tổ của chúng ta rất minh bạch, không dấu diếm, hành giả cần phải thâm tín, ngỗ hầu được chứng đắc, mới thành tựu việc khó làm. Nên văn kệ tụng đã nói rõ, Kinh này khó thọ trì, và tán thán những người năng trì, để phát huy ý chỉ lưu thông trì Kinh.

\*

\* \*



# PHẨM ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA

(Thứ Mười Hai)

Các phẩm trước, Phật đã khuyến khích các Tỷ kheo nhận nại để hoằng truyền Kinh Pháp Hoa. Dù đã có người hoằng Kinh, nhưng họ vẫn chưa biết áp dụng phương pháp hoằng truyền, để đạt kết quả lợi ích nhiều hơn. Do đó, Phật dẫn tích xưa về một vị Chuyển Luân Thánh Vương cầu pháp, để khai phát cho chúng sanh đời mạt tu hành tránh được những hoạn nạn.

Bậc Chuyển Luân Thánh Vương là chủ trong loài người, được tất cả tôn quý kính trọng, thế mà đã xả tâm kiêu mạn để cầu pháp. Đối với người thuyết pháp,



Ngài đã thệ nguyện làm tôi tớ hầu hạ, thừa sự, cúng dường với cung cách hạ tâm tự ngã của bậc vua chúa. Điều này nói lên tinh thần vong ngã triệt để của người cầu đạo, tất nhiên người tu hành cầu pháp mong được giác ngộ là chủ yếu. Nhưng vấn đề hạ tâm không phải dễ, hình ảnh một bậc vua chúa, đã xả tất cả hình thức bên ngoài như địa vị, quyền uy, tiền của, v.v... cho đến tự ngã quên mình, để dốc lòng cầu pháp, còn hành giả chúng ta thì sao? Nên tự kiểm.

\* Phương pháp cầu Pháp có hai điều kiện cần thiết:

1. Không nên quán hạnh nghiệp của Pháp sư.

2. Không nên quán dòng họ chủng tánh của Pháp sư.



- Không nên quán hạnh nghiệp của Pháp sư, như Đề Bà Đạt Đa nhiều đời là ác hữu của Phật, mà Phật đã xóa bỏ hạnh nghiệp ấy đối với Ngài, nên Ngài nói: “Do Đề Bà Đạt Đa, là thiện hữu tri thức của Ta, khiến cho Ta nay đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, cho đến thần thông đạo lực, thành Đẳng Chánh giác, độ khắp chúng sanh”, đây là hình ảnh từ nghịch chuyển thành thuận. Nhân Nhục tiên nhọn bị Ca Lợi Vương chặt hết tay chân, mà vẫn không khởi niệm sân hận, để thành tựu đại nguyện. Ví như những thanh gỗ, thanh sắt, phải qua tay người thợ khéo bào chuốt, nung luyện, rồi mới trở thành dụng cụ hữu dụng. Vàng quặng lẫn lộn phải qua lò nung luyện, gạn lọc mới thành vàng ròng. Chúng sanh tu hành cũng thế, hữu



tình hay vô tình, đều từ nghịch duyên mà thành tựu.

Trong Khế Kinh, Phật nói: “*Thuận tuy dễ làm nhưng khó tiến, nghịch tuy khó nhận mà dễ thành tựu*”, chỉ cho người trí cần phải khéo quan sát. Sở dĩ ngài Vĩnh Gia nói: “*Quán lời dữ là thiện tri thức, chính đây là thiện tri thức của Ta*”. Vì nếu chấp lời phỉ báng mà khởi tâm oán giận, thì lấy gì biểu hiện sự Vô sanh nhẫn. Căn cứ nơi đây suy ra đã thấy rõ.

Phật theo Đề Bà Đạt Đa nghe pháp, đây là nghịch hạnh, nghịch duyên. Từ nghịch duyên mà sớm thành tựu Bồ tát hạnh, nên Phật thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa thành Phật, hiệu là Thiên Vương, dùng oai lực chế ngự người. Như Trời Tự Tại



Thiên Vương là Thiên Đạo, cũng như khí hậu thời tiết mùa thu, hay làm cho muôn vật suy tàn, nhưng cũng từ sự suy tàn đó lại phát sanh mầm mống khác, ấy cũng là nghịch duyên thành tựu vậy.

Như Lai đưa ra những trạng huống như thế, thực ra để sách tấn răn nhắc người sau. Bởi vì người đời sau tu hành cầu Pháp, nếu gặp nghịch duyên phần nhiều hay thối tâm, như ông Xá Lợi Phất móc tròng con mắt bồ thí cho người làm thuốc, trái ý chút thành thối tâm Bồ Tát. Người tu hành nếu có thể chuyển nghịch duyên thành thuận duyên, thì không có ai mà không phải là thiện tri thức của mình, nghĩa là tất cả nghịch thuận, tốt xấu đều thành thiện tri thức cả.



- Không nên quán dòng họ chúng tánh của Pháp sư, điển hình như Long Nữ để chứng minh việc đó. Phật Đa Bảo là thể, trí tích là dụng của thật tướng. Khi muốn trở về bạch Phật, đây là biểu tượng nhiếp dụng trở về thể. Khi Trí tích xưa trở về, Đức Phật Thích Ca không hứa khả, và bảo ở lại để cùng với Bồ Tát Văn Thù luận bàn rõ diệu pháp, đó là hiển rõ không phé bỏ đại dụng.

*Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cùng với vô số các vị Bồ Tát từ biển vọt lên, ý nói trí và hạnh từ nơi biển tâm sanh ra. Tất cả đã từ biển tâm thì đâu có Thánh, Phạm ngăn cách và Người, Rồng phân chia. Do không còn phân chia ngăn cách, nên Long Nữ là súc sanh mà tu được Bồ Tát hạnh. Và lại, Rồng là dị loại, nữ chẳng phải nam, con nít chẳng phải*



trường lão kỳ đức, tu tập thời gian chốc lát chẳng phải lâu xa, chỉ một niệm hiển Bảo châu, liền thành Phật vị. Đây là chứng minh Phật tánh bình đẳng.

*Thành Phật phải về phương Nam,*  
ý nói phương Nam thuộc cung ly, trong tâm ly tướng, biểu tượng hư tâm (Tâm rỗng rang không có pháp nào để cầu chứng đắc). Vì pháp sở chứng đã không, nên tướng hảo và thần thông đều y vào đó thành tựu.

*Từ chúng đều kính nể,* ý nói không còn chấp chúng tánh ấy nữa, Long Nữ chỉ một niệm hiển châu liền thành Chánh giác. Chúng ta há có thể tự vùi lấp tánh linh sẵn có sao.

\*

\* \*



# **PHẨM TRÌ**

## **(Thứ Mười Ba)**

Các phẩm trước như hiện Bảo Tháp, tán thán ngợi khen người trì Kinh, Đề Bà Đạt Đa nhắc lại vấn đề cầu pháp phải chí thành, khẩn cầu kiên trì nhẫn nại. Phẩm “Trì” này nói Bồ Tát Dược Vương cùng với hai muôn Bồ Tát đã thâm hiểu ý Phật, dù gặp họa hoạn tai ách cùng những sự chống đối của đối phương, dù bị họ mạt sát mạ lị, Bồ Tát vẫn kiên trì nhẫn nại, phát nguyện trì Kinh, không tỏ thái độ sân nhuế và khiếp nhược.

Lại có năm trăm chúng vô học và tám ngàn chúng hữu học, dù đã được



Phật thọ ký, nhưng nhân lực chưa hoàn toàn đầy đủ, nên họ chỉ nguyện trì Kinh ở phương khác, chứ không dám phát nguyện hoằng Kinh ở phương này, đây là hiển rõ trí lực của hành giả chưa thâm, nhân lực chưa kiên cố. Hơn nữa, hàng Tỳ kheo Ni như bà Đại Ái Nhạo và Da Thâu (Du) Đà La, chưa xả được bịnh chấp quyền giáo, nên quan niệm rằng nữ tánh không phải là pháp khí. Dù đã nghe hàng Thanh Văn được thọ ký, nhưng vì không thấy Phật nhắc tới tên mình, nên bà vẫn hồ nghi nữ nhân tuyệt phần Vô Thượng Bồ đề. Đến nay, thấy Long Nữ được thành Phật, bà sanh tâm trông mong Phật thọ ký cho. Khi đó, Phật liền quở trách và bảo: *“Trước ta đã nói chung tất cả Thanh Văn đều được thọ ký, Ta đâu có lựa chọn nam nữ, sao bà*



không hiểu, mà còn đem tâm mong cầu ư?”. Phật lại nói: “Mai sau bà thành Phật, hiệu là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Như Lai. Vì nhân tu của bà là Ái Đạo, nên thành tựu quả vị được mọi người ưa thấy là vậy. Còn Đại phi Da Du Đà La, thành Phật mai sau quả hiệu là Cự Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai, bà là bạn đời của Bồ Tát, là tiêu biểu cho Pháp Hỷ, người đầy đủ ngàn muôn tướng sáng ngời, cũng là hình ảnh Pháp Hỷ”.

Trên đây chúng ta đã thấy hai diện trì Kinh, Bồ Tát cứu trụ vì đã đầy đủ đạo lực, nhân lực, nên phát nguyện trì Kinh ở phương này, còn Bồ Tát sợ phát tâm chưa đủ đạo lực, nên xin trì Kinh ở phương khác.



Đức Thế Tôn đã thấy tám muôn ức na do tha Bồ Tát ở khắp mười phương hoằng truyền Kinh Pháp Hoa, ý này hiển rõ hành giả khi đã phát tâm hoằng Kinh, tất nhiên đã ấn định nơi đến. Vì tự giác phát nguyện, biểu thị sự thâm thiết của hành giả, nên bảo rằng Bồ Tát kính thuận ý Phật, để làm tiếng rống Sư tử, nên họ mới nguyện rằng: “Sau khi Như Lai diệt độ, chúng con sẽ qua lại khắp mười phương thế giới hoằng truyền Kinh này”.





# **PHẨM AN LẠC**

## **(Thứ Mười Bốn)**

Như ở phẩm “Trì”, Bồ Tát Dược Vương và các Bồ Tát phát nguyện thực hành pháp nhẫn nại để hoằng truyền Kinh Pháp Hoa ở thời mạt. Nên biết, đã khởi tâm năng nhẫn tất nhiên có cảnh sở nhẫn, năng sở còn đối đãi, ắt phải đối đầu với ách nạn, chi bằng hành giả trước hết tránh sự ty hiềm. Vì tâm hiềm nghi đó kỵ là đầu mối của ách nạn, nếu hành giả, biết đề phòng trước, thì tâm không nhẫn mà nhẫn, cảnh an ổn tự nhiên sẵn có.

\* Phật chỉ bày ba cách hành xử của Bồ Tát, cần phải thể hiện:



1. Trụ nhân nhục địa là mặc áo Như Lai.

2. Thể hiện tâm nhu hòa là vào nhà Như Lai.

3. Phương tiện hành các pháp sở hành là ngôi tòa Pháp không.

Bồ Tát tự hành hạnh an lạc, tuy không cầu người khác biết đến mình, nhưng đức của Bồ Tát, tự tỏa ra cũng khiến người ta tự biết đến. Khi đã biết thì tất nhiên họ ái mộ, tôn trọng và cầu thân gần, khi đã thân gần cần phải lựa chọn không nên cầu thả, mới mong tránh khỏi những họa nạn xảy ra.

Nếu thân gần bậc vua chúa, quan quyền thế lực, dễ sanh tâm kiêu mạn, ý thế ; gần hàng ngoại đạo tà giáo, dễ tăng trưởng tâm tà kiến ; gần kẻ viết sách thế tục, dễ sanh trở ngại chánh hạnh giải



thoát ; gần kẻ chiên đà la (Đồ tể), dễ sanh khởi tâm ác ; gần hàng Thanh Văn, Nhị thừa, dễ bị xa lạc vào tư tưởng Tiểu giáo, chỉ có chí tự lợi không có chí lợi tha ; gần người nữ tuổi trẻ, góa bụa, dễ sanh tâm dục nhiễm. Tất cả cảnh trên đây, Phật dạy người xuất gia tu hành không nên thân gần, cần tu ba nghiệp: thân, khẩu, ý cho nghiêm mật.

1. *Thân nghiệp*: Nên chọn nơi vắng vẻ yên tĩnh thiên tọa tư duy, quán sát các pháp như thế nào.

2. *Khẩu nghiệp*: Không nên nói chớ hay dở, tốt xấu của người khác. Nếu có người gạn hỏi, chỉ đem giáo lý Đại thừa mà nói, không nên dùng Tiểu thừa đáp và cần phải thâm hiểu. Bồ Tát muốn thành tựu sự nghiệp, độ sanh ở đời mật pháp, dù cảnh thuận hay nghịch, đều



phải ứng dụng phương tiện thiện xảo, mới có thể vượt qua chướng nạn.

3. *Ý nghiệp*: Bồ Tát đối với những cảnh khinh mạn, tật đố, không nên để tâm suy nghĩ, hình dung tốt xấu. Nên tùy thuận căn cơ xứng hợp với pháp nào để thuyết hóa họ, không nên để tâm nghi ngờ, hoặc tổn hại họ, không tâm nào hại dù kẻ đó không tốt với mình, ta cũng chỉ một bề thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh mà thôi.

*Không tâm nào hại*, nghĩa là không nói những sự buông lung biếng nhác của họ, không bảo rằng họ không được Nhứt thiết chủng trí. Thượng cầu Phật đạo, là ta đối với Đức Như Lai tưởng như cha lành, đối với các Bồ Tát tưởng như bậc Đại sư. *Hạ hóa chúng sanh*, nghĩa là đem tâm bình đẳng thuyết pháp giáo hóa



họ, không lựa chọn là thân hay sơ, không nói nhiều, không nói ít.

Như trên đã nói, Bồ Tát tu đủ ba nghiệp thân, khẩu, ý, nhưng chỉ thuộc về hạnh tự lợi mà thôi, còn hạnh lợi tha là phải phát tâm từ bi cứu độ tất cả. Phát tâm từ bi và thể hiện hạnh từ bi, thì đối với tất cả chúng sanh xuất gia hay tại gia, Phật tử hay không Phật tử, Bồ Tát phải luôn luôn đem tâm bình đẳng giáo hóa họ, khiến cho tất cả được lợi ích. Khi tu hạnh từ bi, nếu hành giả không phát tâm Bồ Tát, thì chúng sanh không đủ lòng tin. Thế nên, hành giả phải lập bi nguyện giáo hóa chúng sanh, khiến cho họ được giải thoát an vui.

Pháp “An Lạc” này, tuy nói bốn hạnh, nhưng thực ra chỉ có hai hạnh *Bi* và *Trí* mà thôi. Đức Như Lai đã thành



tự hai hạnh này, do đó được Tứ chúng cung kính cúng dường, Chư Thiên các cõi tùy tùng hộ vệ.

Kinh này nói rõ tự tâm vi diệu nhiệm mầu, nên tất cả Chư Phật tôn sùng, ví như bậc Chuyển Luân Thánh Vương có hạt châu trong búi tóc. Hàng Tam thừa Hiền Thánh mới chứng được một phần tâm này, thế nên chưa trọn phần nhiệm mầu, chỉ được ban thưởng các vật, còn hàng Tiểu cơ nhất niệm tự tin tâm này, nên được Phật thọ ký. Các bậc Hiền Thánh tâm nghi chưa dứt sạch, ví như quyền thuộc nhà vua, khi nghe nói tự tâm là Phật, họ sanh tâm kinh sợ, hãi hùng, vì lòng tin chưa trọn.

Chư Phật nói pháp Đệ nhất nghĩa đế, tự tâm đã thành



Phật. Đối với các Kinh khác, Kinh Pháp Hoa là Đệ nhất thậm thâm vi diệu, khó tin, khó hiểu. Khi Phật còn tại thế, còn có nhiều người oán ghét, huông chi sau khi Như Lai diệt độ, kẻ nhứt xiển đề làm sao không sanh tâm oán ghét, chê bai, hủy báng.

Hành giả phải ứng dụng bốn hạnh “An Lạc” trên đây như trong cảnh mộng, Bồ Tát thấy các việc nhiệm màu, thì chúng sanh càng cường cũng đâu có khó hóa độ. Nên biết Bồ Tát luôn thành công trong cảnh nghịch, thế mới là thành tựu được sự nghiệp độ sanh.

\*

\* \*



## PHẨM TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT (Thứ Mười Lăm)

Trước nói các Bồ Tát ở phương khác, muốn trì Kinh Pháp Hoa ở phương này, Phật đã từ chối để chứng minh rõ quyền giáo là phương tiện. Vì trong pháp quyền giáo an lập danh tướng quá nhiều, tất cả hơn tám hằng hà sa danh tướng, phương tiện đều thuộc về ngoại cảnh, đã có ngoại cảnh ắt có nội tâm, thế thì *năng* và *sở* đối đãi nhau làm sao có thể hộ trì Kinh này được. Do đó, Phật không chấp nhận và nói: “*Cõi Ta Bà đã có sáu muôn hằng hà sa Bồ Tát*”. Ý này tiêu biểu cho hành giả tu hành đã chuyển hóa được sáu căn thanh tịnh, sáu căn này tương quan



hỗ dụng cho nhau. Nếu muốn hành trì Kinh này, thì phải do tự nguyện, chứ không do người khác hoằng truyền mà mình được lợi ích.

*Mỗi mỗi Bồ Tát đều có sáu muôn hằng hà sa quyến thuộc, tiêu biểu cho hành giả khi được sáu căn thanh tịnh, sáu căn này tác dụng hỗ tương với nhau, mỗi mỗi căn đều đầy đủ tướng công đức. Kinh Lăng Nghiêm ghi: “Nếu chẳng nhờ năng lực sáu căn hỗ dụng, thì căn bản vô thí vọng tướng của pháp chúng làm sao bạt trừ hết được”. Nên biết rằng hộ trì Kinh này, là ngay nơi sáu căn hỗ dụng mà thôi.*

*Các Bồ Tát từ đất vọt lên, thân sắc vàng óng, tiêu biểu cho tâm hành giả, đã vượt ra ngoài vô minh vọng động, bấy*



giờ nhất niệm giác tánh, hằng an trú vào Trung đạo thật tướng. Phương dưới là đất, biểu tượng của đạo mềm mại, chính là nhu hòa nhẫn nhục, nhẫn hạnh của tám phương ở trên là Trời. Trời có khả năng che trùm muôn vật, tiêu biểu cho đức từ bi trùm khắp không gian, biểu tượng pháp không. Khi sáu căn đều đủ ba pháp trên đây, mới có thể hộ trì Kinh này.

Số Bồ Tát nhiều từ sáu muôn, bốn, ba, hai, một, v.v... cho đến vô lượng cũng chỉ là tiêu biểu cho một mà thôi. Chỉ một mình đã không quyền thuộc, số chuyển hóa lại vượt hơn số trước, trụ trong hư không, tiêu biểu trụ ở lý Trung đạo. Trung đạo cũng không ngoài *quyền* và *thật*, nên tất cả hướng lên hư không, lễ dưới chân Đức Thế Tôn (Đa Bảo và



Thích Ca), dù nương vào quyền hay thật cũng không bỏ việc ứng hóa độ sanh. Do đó, hướng vào hóa Phật làm lễ, để chứng minh rằng, khi hành giả ngộ được bản tâm, thì vô minh tự tiêu dứt, nên có số đông “*Bồ Tát từ đất vọt lên*”. Nghĩa là hành giả khi tâm vô minh vọng động không còn, chỉ trong một sát na vượt khỏi thành trì ngũ ấm, nương vào tri kiến tự tâm. Nên bảo rằng, thời gian năm mươi tiểu kiếp chỉ bằng nửa ngày mà thôi.

Bấy giờ tâm hành giả tự biết rõ, căn và trần đều là thật tướng, nên thấy số đông Bồ Tát khắp trên hư không. Bồ Tát tuy nhiều vô kể, nhưng tất cả đều y theo bốn hạnh làm thượng thủ, bốn hạnh ấy là *Vô thương hạnh*, *Vô biên hạnh*, *Tịnh hạnh* và *An lập hạnh*, tiêu biểu cho



tánh đức. Ba nghiệp của thân Thượng hạnh thuộc về khẩu nghiệp, hay thuyết pháp lời lẽ chia chẻ phân biệt, lý luận không cùng tận, nên gọi là Vô biên hạnh. Đã dứt hết tâm ý nhiễm ô, chúng được tâm thanh tịnh, nên gọi là Tịnh hạnh. Bồ Tát đầy đủ tâm đại bi bình đẳng an lập cho tất cả chúng sanh nên gọi là An lập hạnh.

Bồ Tát kính thuận pháp Phật, nên khi ngài Văn Thù hỏi về pháp “An Lạc”, Đức Thế Tôn cũng dùng pháp “An Lạc” để trả lời, chứng minh rằng pháp “An Lạc” trước phải tự hộ trì. Ngài hỏi Phật dùng phương pháp nào, để dễ hóa độ chúng sanh, Phật trả lời rằng: “*Những người này rất dễ hóa độ, vì họ đời đời thường do Ta đã hóa độ*”. Bồ Tát được nghe Phật nói số chúng này đời đời



thường được Ngài hóa độ, như thế đủ biết họ đã thuần thực và dễ hóa độ, nên phát tâm vui theo. Đây là mật ý nói về thọ lượng của chơn tâm.

Ở “Phẩm Tựa” đã nói, Di Lặc dùng tám muôn hằng sa Bồ Tát, tuy đã ngộ được xưa và nay chỉ là một niệm. Lại biết được nhơn tâm như thế, toan cho rằng Phật quả, quyết định nhờ nhơn tu mà được, mà không biết nhơn đã thành Phật từ lâu. Do đó sanh tâm nghi ngờ thỉnh hỏi, các vị thị giả của Chư Phật, hóa thân cũng đồng sanh nghi thỉnh hỏi. Đây là tiêu biểu cho trí phương tiện, còn quả đức bốn thọ chẳng phải trí phương tiện, có thể biết được, hiểu được.

Phật bảo các vị thị giả của Chư Phật hóa thân: “*Việc này Bồ Tát Di Lặc đã*



thưa hỏi, các người nhân đó sẽ được nghe. Đây là việc chỉ có bậc trí tuệ Đẳng giác mới thấu đáo được”. Tiếp đến, Phật chỉ rõ bốn nhơn xa xưa cho pháp chúng hiểu, muốn cho họ trước hết phải có lòng tin kiên cố, nên Ngài nhắc phải mặc áo giáp tinh tấn, phát ý bền vững.

Trong Kinh ghi: *Pháp chúng thấy số đông Bồ Tát, sanh lòng kinh lạ, bèn hỏi Phật rằng: “Các vị Bồ Tát này do ai giáo hóa, từ đâu được phát tâm và họ diễn nói Phật pháp như thế nào?”*. - Đức Thế Tôn trả lời: *“Những Bồ Tát này do Ta giáo hóa, theo Phật phát tâm và diễn nói đạo pháp của Phật”*.

Bồ Tát Di Lặc lại hỏi: *“Các Bồ Tát này từ cõi nước nào đến?”*. - Phật đáp: *“Ở ngay thế giới Ta Bà”*. Di Lặc hỏi: *“Họ từ đâu mà đến?”*. - Phật đáp: *“Họ*



từ phương dưới hư không mà đến”. Di Lặc lại hỏi: “Họ thọ trì Kinh nào? Đối với tự tánh, có đọc tụng thông rành không? Mà sao từ xưa đến nay, tôi chưa từng thấy biết một người trong số ấy?”.

- Phật đáp: “Các Bồ Tát này không ưa chỗ ồn ào huyên náo, nói bàn nhiều, mà chỉ ưa chỗ vắng lặng, nên không y chỉ vào cõi Trời, cõi Người. Vì họ hằng ưa thích cõi Tịnh quang, cõi này chẳng phải tâm thức biết được. Nên trước nói, trần kiếp về xa xưa, Thân tử đã được hai muôn Đức Phật giáo hóa, thay nhau giảng Kinh Pháp Hoa”. Đây là nói rõ hơn xa xưa như thế. Vì Sao Bồ tát Di Lặc chấp về tích (duyên gân) để gạn hỏi hơn xa xưa, do trước nói chú trọng về Nhơn, nay gạn hỏi là chú trọng về Bản. Bởi căn cơ hàng Tam thừa chỉ biết sơ



qua về nhơn lâu xa, chưa biết tường tận lâu nay đã thành Phật quả. Nhơn tu chúng là nói về Báo thân, còn nói xưa nay thành Phật, là nói về Pháp thân.

Trước nói về nhơn tu chúng, nên có dụ ba xe, một xe. Đến đây nói rõ khai tích để hiển bốn, nên có dụ cha trẻ con già. Vì Báo thân là thật chứng trang nghiêm đầy đủ pháp lạc, nên nói tiêu biểu Pháp thân là bốn nhiên không còn sanh diệt, vì đã đầy đủ đạo đức nên bảo là con già. Con trụ cõi Tịnh quang, cha trụ cõi Thực báo, nên hàng Tam thừa không thể nhận biết (*Bảo rằng chưa thấy một người là ý này*). Đến đây Như Lai đã khai rõ Tịnh quang và Thật báo là không hai, không khác, nên bảo rằng: “*Ngay nơi thế giới Ta Bà này, nói rõ Pháp thân cùng với Báo thân là một thể,*



*nên nói những người này đã được Ta giáo hóa”.*

Phẩm “Tùng Địa” khai tích, phẩm “Thọ Lượng” hiển Bản, mà tích và Bản không ngoài vọng tâm, nếu trệ vào viển nhơn (mê chơn) thì nhiều kiếp khó thành tựu giác ngộ. Tâm hay giác ngộ, nói đã thành Phật từ trần kiếp số về trước, nên Kinh ghi: “*Chưa ly Đâu Xuất thiên, đã giáng sanh hóa thành thân vào cung vua Tịnh Phạn, chưa ra khỏi thai mẹ, đã thuyết pháp*” là ý này.





# PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG

## (Thứ Mười Sáu)

Phẩm này Bồ Tát Di Lạc căn cứ vào Ứng thân Phật để thừa hỏi bốn nhơn xa xưa của Như Lai, Đức Thế Tôn y cứ vào bốn quả Thường Tịch Quang trả lời. Mục đích của Như Lai là để phá chấp của hàng Nhị thừa, vì họ chấp Ứng thân Như Lai thị hiện là Phật thật. Họ không biết Phật thật thì bất sanh bất diệt, nên ở phẩm này Phật đã chỉ bày rõ ràng, tường tận đâu là Ứng thân, đâu là Pháp thân, khiến cho hành giả, đời sau nhận biết được để tỏ ngộ bản tâm của mình, chớ đem tâm vọng cầu tìm kiếm Phật ở bên ngoài nữa. Thế nên, dùng dụ cha trẻ con



già, để biện minh rõ bốn quả Phật, đã thành tựu từ lâu xa. Do đó, Phật ba phen ân cần nhắc nhở pháp chúng, và nói pháp này quá sâu xa khó tin, khó hiểu. Nếu căn cơ chưa thuần thực, thì không thể nào lãnh thọ nổi, Đức Thế Tôn nhắc đi nhắc lại, để khiến cho họ đem lòng tin kiên cố, mới nhận hiểu được pháp này.

Di Lặc và các vị Bồ Tát trong pháp hội thâm hiểu ý Phật, nên ba phen thưa thỉnh và Đức Như Lai đã hiểu ý này. Đây là hiển rõ bốn nhân mỗi chúng sanh sẵn có, nên Phật bảo: *“Các ông cho rằng Ta thành Phật ở thành Già Đa, thực ra các ông đâu biết Ta đã thành Phật từ lâu xa vô số kiếp, nhiều như vi trần, không thể dùng văn tự và ngôn thuyết tính đếm, tỷ dụ cho hết được. Lại nữa, các ông chỉ thấy Ta thành đạo nơi*



thành Già Đa, mà không biết Ta đã thành đạo, trải qua trăm ngàn muôn ức kiếp na do tha A tăng kỳ cõi nước và từng thuyết hóa làm lợi ích chúng sanh, các ông còn không biết hết, huống chi biết được bốn nhơn, bốn quả, thù ứng hóa tích của Như Lai. Thật vậy, chẳng phải riêng mình Ta, mà mười phương ba đời Chư Phật đều như thế cả, nên Ta nói Phật Nhiên Đăng quá khứ thành Phật, nay đã diệt độ, tất cả đều là “phương tiện quyền xảo, phô bày ứng tích Phật mà thôi”.

Nếu luận về bốn nhơn của Như Lai, nào từng vượt qua một niệm, lý đã hiển nhiên như thế, chính là chỉ cho rõ bản tâm, để phô bày ứng tích thân Như Lai. Do phần bốn nhơn tự tâm mỗi chúng sanh đã sẵn đủ, nhưng vì chúng sanh



vọng tưởng mê chấp, hằng ngày theo vọng động trôi lăn theo trần cảnh, trái với bản tâm, thành ra căn trí có lợi độn sai khác, nên pháp mới phân ra Tiểu thừa và Đại thừa khu biệt, để thích ứng với căn cơ.

Đức Như Lai biết rõ nghiệp cảm căn tánh của chúng sanh, kẻ nào đáng độ, Phật liền điều phục thuyết hóa. Vì thế, giáo pháp có nhiều tên gọi khác nhau, Ngài đã phương tiện thị hiện tám tướng thành đạo khác nhau. Tuy nói phương tiện, nhưng vốn từ nhứt chơn thật mà ra, nên tất cả Kinh Phật nói ra đều khiến cho chúng sanh được sớm tỏ ngộ Phật đạo. Vì thế, Kinh văn đã nói: “*Hoặc chỉ thân mình hoặc chỉ thân người, v.v... đều là chơn thật không lường dối*”.



Như Lai đã biết rõ tướng của ba cõi như thật, không có sanh tử qua lại, nghĩa là Như Lai tuy ở trong tam giới, mà không đồng sanh và diệt như tam giới. Nếu Như Lai đồng như tam giới, thì làm sao biết rõ căn cơ chúng sanh trong tam giới còn hay mất, sống hay chết, qua lại đến đi, v.v... Do đó nói là không đồng.

Nay Như Lai đã biết con đường, sanh tử qua lại của chúng sanh, hoặc như hoặc chẳng như, Như Lai thấy rõ không lầm, do trí tuệ Ngài đã chiếu soi tất cả. Tuy chúng sanh sanh tử qua lại, nhưng tự tánh đức tướng trí tuệ của họ, vẫn sẵn đủ không mất. Do đó, Như Lai dùng đủ các thứ lời lẽ, như duyên thí dụ để dẫn dắt họ, khiến cho họ được mau vào Phật huệ, do Như Lai đã tu



nhơn Bồ Tát đạo, đã thành thọ lượng vô hạn lượng, huông gì thọ lượng sẵn có đâu chỉ có thể. Nếu bảo rằng Đức Như Lai thành Đạo và nhập Niết-bàn, chẳng qua tùy thuận cái thấy biết của chúng sanh, chứ đâu phải thực. Ví như ông thầy thuốc giỏi, chỉ khéo trị lành bệnh cho những người cuồng si mà thôi. Họ đâu có biết, Như Lai đầy đủ bốn trí, thông đạt tất cả pháp hữu vi, vô vi, đối với tất cả sách vở sai khác, các tướng di biệt, không gì mà Ngài không hiểu, không biết. Vì thế, Kinh nói rằng: *“Khéo lựa chọn các phương thuốc để trị lành căn bệnh phiền não cho chúng sanh”*. Hàng Tam thừa ngũ tánh đều là con của Như Lai, nên bảo rằng: *“Các con cái”* là vậy.

Nên biết sự hiện diện của Như Lai, cũng là tùy duyên, thì diệt độ cũng là tùy



duyên. Khi hóa duyên đã mãn, thì Như Lai thị hiện diệt độ, ân phương này lại hiện phương khác, nhưng tâm trí phàm phu, Nhị thừa thấy biết còn hạn cuộc, không đạt được lẽ này, mà cho rằng Như Lai thật sanh. Như Lai thật diệt vì chúng sanh đã bầm thọ tà giáo, không đủ lòng tin chánh giáo, nên bảo rằng: “*Các con uống làm thuốc độc*” là ý này. Khi đã thọ tà giáo, tất nhiên tăng trưởng tâm tà kiến, chấp đắm lấy lưng, trôi lăn trong sanh tử, nên bảo: “*Các con uống làm thuốc, sanh tâm mê muội, nằm lăn ra đất*” là vậy.

Phật suy nghĩ tìm phương cứu giúp chúng sanh, nên thị hiện giáng sanh, dụ như ông Trưởng giả, trở về cứu rỗi các con. Tứ chúng hết lòng kính tin, ngưỡng mộ đối với Đức Như Lai, cũng như sự



vui mừng của những đứa con khi ông Trương giả trở về.

Như Lai đã thuận theo phương thức độ sanh của Chư Phật ba đời, nói Tam thừa giáo, để dẫn dụ họ, như trong Kinh ghi: *“Tìm các thứ cỏ thuốc tốt, y theo phương kế, chế các vị thuốc hay”*. Đó là tiêu biểu cho Như Lai, thuyên bày các pháp Tam thừa, Tam học, Tam đức, v.v... nên nói sắc, hương, mỹ, vị thảy đều đủ.

Cảm nghĩ những pháp môn Phật nói ra, không ngoài mục đích, muốn cho chúng sanh y theo đó tấn tu, nên Kinh ghi: *“Giã nhỏ các vị thuốc, trộn lại cho các con uống”*. Nếu chúng sanh nào y vào các pháp, tu hành nghiêm chỉnh thì dứt trừ được phiền não, ra khỏi biển khổ



Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

**THƯ VIỆN HUỆ QUANG**

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: [thuvienhuequang.vn](http://thuvienhuequang.vn)



sanh tử, nên bảo rằng: “*Trừ được các khổ không còn hoạn nạn*”. Uống thuốc mà được lành bệnh, đây là chỉ cho những người tu hành, biết áp dụng đúng chánh pháp, thành tựu sở nguyện, giác ngộ giải thoát. Còn số chúng biếng nhác giải đãi, tuy ưa thích Đại pháp mà không có trí cầu tiến hướng thượng, làm sao mong thành đạo quả Vô thượng được.

Nay Đức Như Lai tuổi đã già suy, hóa duyên gần mãn, Ngài nói thời Kinh Di Giáo, để nhắc nhở pháp chúng, khiến cho họ nhớ nghĩ, nên nói rằng: “*Lưu lại chút thuốc*” là vậy. Pháp chúng cần nhớ, sau khi Như Lai diệt độ, phải tập hợp các vị hữu danh cao đức lại để kiết tập Kinh điển của Như Lai, chớ để giáo pháp phải tan hoại, đó là trách nhiệm trọng yếu của hàng đệ tử xuất gia. Như Kinh ghi:



“Người cha cho người về báo các con biết là cha họ đã chết, nhưng thực ra ông đâu có chết”. Như Lai cũng thế, chỉ ẩn thân ở cõi này thị hiện Niết-bàn, rồi thị hiện sanh cõi khác, nhưng phải nói chết để các con sanh tâm nuôi tiếc, đó là sự mất mát lớn lao đối với chúng. Chúng sanh cũng thế, đối với khi Như Lai còn hiện diện, họ không ham mộ khát ngưỡng tán tu, khi Phật Niết-bàn rồi họ mới sanh lòng khát ngưỡng giáo pháp, tự tâm tỉnh ngộ y giáo tu hành.

Khi các con được lành bệnh, ông Trưởng giả trở về. Đó là hiện rõ khi chúng sanh đã dứt trừ hết tâm mê muội, tâm trí bừng sáng. Vấn đề này hiển rõ, cha của chúng đâu có chết, mà cũng chưa từng chết. Đức Như Lai cũng thế, nào có sanh và diệt bao giờ, có chăng chỉ là tùy



duyên diệt độ và tùy duyên ứng hóa độ sanh mà thôi. Chúng sanh và Nhị thừa chưa liễu đạt được lẽ này, nên bảo Phật Đản Sanh và Phật Niết-bàn, v.v...

Phải biết ông Trưởng giả trong Kinh là chỉ cho chơn tâm, bản giác. Còn các con là chỉ cho vọng thức, vọng tưởng điên đảo. Vọng động thì có qua lại, còn chơn tâm bản giác thì bất biến, bất di, bất dịch. Vọng động, vọng kiến,... như hoa đốm trong hư không, nhưng cũng phải hiểu rằng chúng sanh tuy tâm tưởng vọng động như thế, nhưng chưa bao giờ lìa đương niệm, hành giả chỉ cần ngay đó tự giác, phản tỉnh tự tin, đó là thành Phật tức thời. Người tu hành nếu không có ý chí nối tiếp Phật chủng, thì tự luống uổng một đời vùi lấp ông Phật bản nhiên của chính mình.



# PHẨM PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC

## (Thứ Mười Bảy)

Pháp chúng trong pháp hội, khi nghe Đức Như Lai nói về thọ lượng lâu xa của Phật, họ rất lấy làm vui mừng, được điều lợi ích chưa từng có. Vì đã tỏ ngộ được bản tâm và vốn xưa nay đã thành Phật. Đức Như Lai bèn ấn khả cho họ và vời Di Lặc Bồ Tát đến bảo rằng: *“Pháp chúng được nghe thọ lượng của Như Lai, và tỏ ngộ được thời gian ba đời trong một niệm, biết được pháp chưa từng sanh, nên họ chứng được Vô sanh pháp nhẫn”*. Một khi đã tỏ ngộ bản thân thọ lượng của chính mình sẵn có và đồng với Phật, nên biết tất cả pháp



Phật nói ra đều là tùy nghi thích ứng với căn cơ chúng sanh mà thôi.

Vì mục đích của Như Lai muốn khiến cho chúng sanh hướng về đạo Nhất thừa, nên nói là văn Triền Đà La Ni. Khi họ đã liễu đạt được pháp Nhất thừa, tất nhiên thấu rõ các pháp sai biệt, nên khéo hỏi đáp và nói được vô ngại biện tài. Vì đã dung hội được các pháp sai biệt chỉ là tự tâm, cũng như nước các dòng sông, khi đã trở về biển cả chỉ có một vị mặn mà thôi. Nên nói Triền Đà La Ni là vậy, khi hành giả đã ngộ được tự tâm, biết được tám Phật chúng sanh, tam vô sai biệt. Từ xưa đến nay, tâm ấy không ra, không vào, không thêm, không bớt, mới chuyển được bánh xe bất thối, đã ngộ được các pháp chỉ là nhứt tâm, nên không cầu cảnh giới



không tịch, hằng chuyển bánh xe thanh tịnh pháp luân. Đây là hiển rõ công đức thực chứng hiện tiền, từ một đời cho đến tám đời và biết rõ tâm giác ngộ ở tương lai. Lại nói: “*Vi trần thế giới chúng sanh đều phát tâm Bồ-đề*”, nhưng cũng phải hiểu rằng hành giả tuy ngộ được bản tâm, nhưng việc thành Phật cũng y cứ vào trí lực cạn sâu, mau chậm, sai khác, thì chắc chắn quyết định không xa rớt vào pháp Thanh Văn Nhị thừa nữa.

Phần văn Kinh các phẩm trước nói là khai *quyền* hiển *thật*, ý còn trệ vào tích môn. Đến đây khai *tích* hiển *bổn*, hiển bày công đức thật chứng của Bồ Tát, thành Phật từ một đời cho đến tám đời, nên Thân tử và một ngàn hai trăm pháp chúng hữu học và vô học, dù được thọ ký thành Phật, nhưng còn phải trải



qua thời gian vô số A tăng kỳ kiếp mới thành tựu được Phật quả. Thế thì biết rằng, số chúng này chưa dứt hết phàm tâm, mà số chúng này, số lượng Thanh Văn Bồ Tát, sơ phát tâm nhiều cả hằng hà sa số vi trần, không thể tính đếm, suy lường được, việc này so sánh phần hơn kém với số chúng khác. Chẳng những pháp lợi tự nhiên như thế, người đời ít ai tin hiểu nổi, mà lại còn có các thụy tướng, như trời mưa hoa báu và sanh lòng ưa thích. Đây là tiêu biểu cho pháp chúng đã được diệu hơn, nên rải hoa lên tòa Sư tử của Phật, hóa Phật tự hiện ra, là hiện rõ pháp chúng đều đủ bốn thọ lượng.

Còn trong Bảo Tháp nói: “*Hai Đức Phật Đa Bảo và Thích Ca đồng ngồi*” là ý nói bốn quả đã hội đủ cả



quyền và thật, tức Phạm và Thánh, đồng được pháp này, nên rải Hoa lên tất cả Phật và tứ chúng. Nghĩa là khi hành giả đã ngộ được bản tâm, các đức đầy đủ, thì có các thứ y báo. Tất cả chúng sanh đầy đủ đức này, nên chuỗi anh lạc hóa thành các cõi, từ bi phương tiện hạnh, đã vượt hơn tất cả hạnh, nên có các Bồ Tát mang tràng phan, bảo cái đến cõi Trời Phạm Thiên là ý này.

\* Phần Bốn môn:

Khi pháp chúng đã nhận được thọ lượng dài lâu của Như Lai, liền hiện đủ trí tuệ độ thoát tất cả, hiển rõ sự thù thắng của Bốn môn. Do vượt hơn tám mươi muôn ức na do tha, thực hành hạnh lục độ Ba-la-mật, nên bảo rằng lợi ích thù thắng. Vì sao? - Vì khi nghe bốn



nhơn của Như Lai, được lợi ích như thế, tâm liễu giải được một phần, nên thú hướng phát khởi huệ tâm vô thượng của Như Lai, huông gì hành giả đã được nghe nhiều, hiểu rộng, mà không được lợi ích sao?.

Tự tâm duy trì để dạy người khác là *huệ*, còn tu các pháp cúng dường là *phước*, *phước* – *huệ* đầy đủ rồi thì đồng với Phật, như Kinh ghi: “*Phước huệ lưỡng toàn phương tác Phật*”. Người phát tâm thú hướng còn được lợi ích như thế, huông gì người đã thâm tín liễu giải, tỏ ngộ bản tâm, phải hiểu rõ lẽ này. Phật thật vốn không có qua lại, mới thấy được pháp hội Linh Sơn thường còn miên viễn tại Ta Bà, cũng như hội Hoa Nghiêm, luôn luôn trang nghiêm hiện hữu.

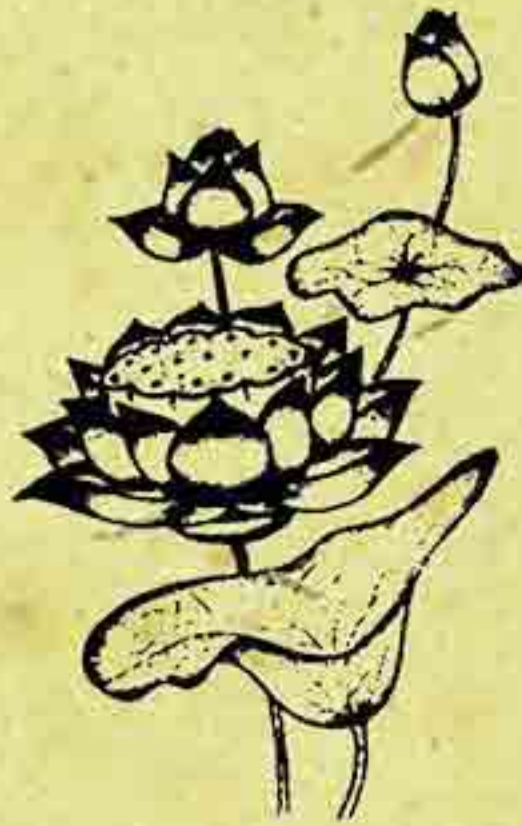


Kinh này Phật nói: “*Khi Như Lai còn trụ ở đời, nếu muốn phát khởi lòng tin còn dễ, chứ sau khi Như Lai diệt độ, rất hiếm có người phát tâm khởi được lòng tin*”. Vì sao? - Vì Kinh này nghĩa lý sâu xa khó tin khó hiểu, chẳng những khó phát khởi được lòng tin, mà còn dễ sanh tâm hủy báng nữa. Kinh này là Pháp thân của Chư Phật, ở vào thời mạt, nếu có người nào phát khởi lòng tin hiểu, phải biết người này đã có lòng tin sâu xa, còn đọc tụng thọ trì, ấy là đầu đội Đức Như Lai. Kinh là nhưt thể Tam bảo, nếu ai có lòng cúng dường thọ trì, ấy là xây Tăng phùng, Tháp tự.

Trên đây tóm yếu về lý, nên hiểu rằng: “*Lý không trái với sự, người trì Kinh là đã hành đủ sáu pháp độ là lý, còn cúng dường tạo Tăng phùng Tháp*



tự, v.v... là sự". Như thế, lý và sự cả hai đều đủ, nên bảo thành Phật chỉ trong sát na. Được Nhất thiết chủng trí là hiển rõ thú hương Đạo tràng gần tòa giác ngộ, nếu người được như thế đồng Phật thọ dụng. Trong bốn oai nghi, đâu chẳng phải là xây Tháp, rải hoa cúng dường Phật.





# PHẨM TÙY HỖ CÔNG ĐỨC

(Thứ Mười Tám)

**Ph**ẩm trước chỉ nói rõ bốn thọ lượng của Như Lai, giải thích thâm tâm tin hiểu và vấn đề, sau khi Như Lai diệt độ, chưa nói đến người nghe Kinh hay vui theo, lại hay vì người khác nói, đồng thời khuyên người khác nghe Kinh. Phẩm này nói rõ ý vui theo, người thứ nhất tức là Như Lai, thứ hai là đệ tử của Ngài, thứ ba là các Pháp sư, thứ tư là đối tượng nghe Pháp, các đồ chúng trong pháp hội, thứ năm là người truyền Đạo pháp, ... cứ như thế lần lần đến người thứ năm mươi, pháp được lan truyền đã xa, nhưng người thính pháp kham lãnh



thì quá ít. Tuy thế, nhưng cũng đã vượt hơn thế gian và Nhị thừa, huống gì người được nghe pháp đầu tiên. Vì pháp này vượt hơn tất cả các pháp thế gian, thì khả năng của một người thời gian tám mươi năm thuyết giáo cho người nghe đâu chỉ một ngày, một tháng, làm sao có thể đạt được ý chỉ Phật thừa.

Kinh ghi: “*Hai thứ tài thí và pháp thí đã không thể nghĩ bàn được, còn không thể sánh kịp với công đức của người thứ năm mươi nghe nhưt cú Kinh kệ mà tùy hỷ, huống gì người nghe Kinh này lại tự tâm giác biết ư*”. Nếu ai có thể tin được tự tâm mình, thì việc thành Phật quyết chắc trong tay, vì công đức Kinh này vượt hơn tất cả thế gian và xuất thế gian. Tự tâm là Nhất thừa Phật chủng, nghe pháp trong giây phút lãnh



thọ tin hiểu, liền được Nhất thừa thượng diệu. Vì tâm là chủ muôn vật, là vua các pháp, nên khuyên người nghe Kinh và chia tòa cho ngồi, liền được chỗ ngồi của Chuyển Luân Thánh Vương và ngồi chỗ của Đế Thích, được công đức lợi ích như thế, huông gì hành giả tự tâm mình ư. Bấy giờ được đồng sanh một chỗ với Bồ Tát và được trí huệ lanh lợi, tổng trì tất cả không sót mất, vì đã được sáu căn thanh tịnh, nên khi gặp Phật nghe pháp và khuyên người khen ngợi đạo pháp, mới được phước báo như trên. Hơn nữa, người nghe pháp chỉ trong giây phút lãnh thọ, cho đến thường nghe và chia chỗ cho người (khác), khuyên người (khác) đến nghe. Tất cả công đức trên đây, nếu đem so sánh cũng không bằng



công đức mình nghe Kinh rồi tự tâm tín ngộ.

Trên đây là nêu rõ thẳng ích công đức từng phần, nếu công đức thẳng ích trọn vẹn, đâu thể tính kể được. Nên biết rõ vấn đề hoằng Kinh rất khó kham nổi, nếu người chưa đủ lòng tự tín, thì khó đạt thành sở nguyện. Bồ Tát Thường Bất Khinh chỉ thọ trì một câu: “Tôi không dám khinh quý Ngài, quý Ngài sẽ thành Phật”, đây chỉ là khuyên nguyện tự trì mà công đức đã vượt hơn hằng sa số kiếp, đạt được thành Phật quả. Thế nên công đức tùy hỷ, đâu có thể đem công đức phước điền của nhơn thiên Nhị thừa so sánh được.





# **PHẨM PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC**

## **(Thứ Mười Chín)**

Những phẩm trước đã nói rõ pháp chúng cả ba căn Thượng, Trung, Hạ nghe giáo, lãnh giải hiểu biết, cho đến thọ trì một kệ một câu, tất cả đều được lợi ích thọ ký, có thể làm mô phạm của chúng Trời, Người. Phẩm này chỉ nêu là Pháp Sư, trong đây công đức đã vượt hơn cả Phạm và Thánh, nếu ai thọ trì đầy đủ tất cả thì công đức người ấy chắc chắn được sáu căn thanh tịnh, mà sáu căn thanh tịnh đã là việc hệ trọng trong vấn đề tu tập.

Nếu quả thực như thế thì các vị đã chúng đắc được quả vị A La Hán và



được sáu pháp thân thông cùng tam minh, sáu căn đã được thanh tịnh chứ, sao lại nói: “*Không bằng công đức tùy hỷ nghe Kinh Pháp Hoa?*”. Bởi vì A La Hán là nói trên mặt chứng quả, còn trì Kinh là trong hơn tu tập, nên A La Hán tuy đầy đủ thân thông, nhưng bịnh chấp pháp vẫn chưa xả, như thế đã bị quả trói buộc rồi, không thể phát tâm Bồ-đề Tịnh Phật quốc độ, giáo hóa chúng sanh. Còn người trì Kinh là được viên hơn, tuy chưa đắc quả nhưng công đức tự tâm đã bằng với quả vị A La Hán. Thế nên công đức trên, quả của người trì Kinh không thể nghĩ bàn được, như nói: “*Trì Kinh là hơn tự tâm*”.

- **Hỏi:** Ở thế gian có người nào được như thế không?



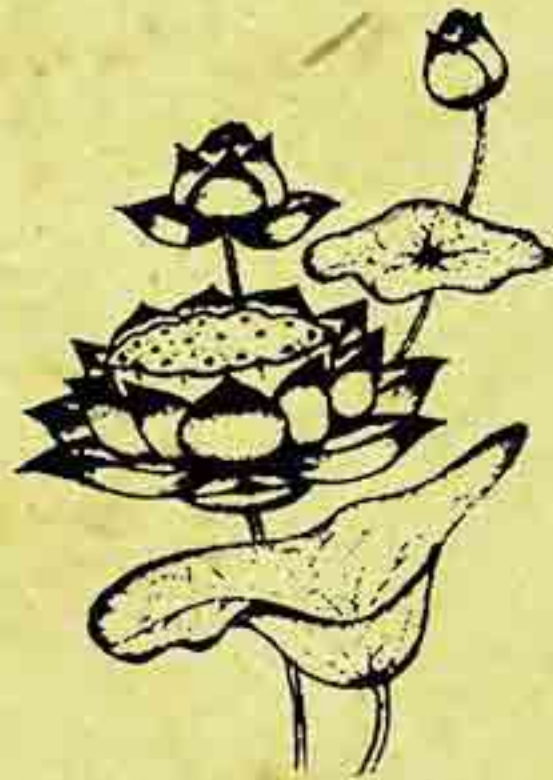
- **Đáp:** Thật có những người như thế, mà tôi lấy làm hổ thẹn, vì cái biết của mình còn hạn cuộc, không thể rộng biết hết được, lại không có bậc Thánh trí soi xét, xin nêu ra đây những gì tôi đã được nghe, để giải thích phần nghi này:

- Ly Tao thấy kiến bò vách núi, đó là được nhãn căn thanh tịnh.
- Văn Cơ nghe ngoài vách đứt dây đàn, đó là nhĩ căn thanh tịnh.
- Long Thọ Bồ Tát hiện rõ bá vị hoàn, đó là thiệt căn thanh tịnh.
- Đồ Trưng biết rõ quân lữ trong tay, đó là thân căn thanh tịnh.
- Khang Tiết biết suốt đời vị lai, đó là ý căn thanh tịnh.



Những người như thế, tuy không trì Kinh mà được công đức này, đây là nói đã vượt ra ngoài ngôn từ và sự luận bàn rồi.

*Hồ* thẹn không có bậc Thánh trí soi xét, là ý để chứng minh làm sao biết được đời trước mình đã trì Kinh chưa?. Nên tin chắc lời Phật dạy không dư dối, để nỗ lực tấn tu.





# **PHẨM THƯỜNG BẤT KHINH**

**(Thứ Hai Mười)**

Trong phẩm “Tuỳ Hỷ” nêu rõ chỉ một niệm tùy hỷ công đức đã vượt hơn quả vị Nhị thừa, còn hành giả khi đọc tụng thọ trì đạt được sáu căn thanh tịnh. Tuy được sáu căn thanh tịnh rồi, nhưng về phần công đức chưa được tường tận, Phật hiểu thâm ý của pháp chúng, nên đã dẫn chúng Thường Bất Khinh Bồ Tát, nghĩa là đem người chứng minh cho pháp.

\* Thường Bất Khinh có hai nghĩa:

1. Bồ Tát Thường Bất Khinh không hay đọc tụng thọ trì Kinh điển,



vậy mà khi trì một câu tán thán khen ngợi, khuyến khích người khác, đã được sáu căn thanh tịnh.

2. Pháp tu tán thán khen ngợi này là đôn ngộ tự tâm, nghĩa là hành giả chỉ cần một niệm không sanh là Phật hiện tiền, Phật tánh là như vậy. Mỗi chúng sanh vốn đủ tánh ấy, tán thán khen ngợi quyết chắc thành Phật, không dám khinh mạn là hạnh khiêm kính, vọng ngã của Bồ Tát.

- **Hỏi:** Làm sao biết được pháp này đôn ngộ tự tâm?

- **Đáp:** Như văn trước nói rõ về công đức của sự trì Kinh và tội lỗi của kẻ chê bai phỉ báng người trì Kinh. Vì trì Kinh là sống trở về với tự tánh Phật chúng, nên nói công đức này hơn tất cả



vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn, cũng không thể toán số tính đếm được. Còn tội lỗi của kẻ chê bai hủy báng người trì Kinh là đoạn mất hột giống từ bi thanh tịnh. Thế nên, Phật tánh và bản tâm thì không thể dùng ngôn ngữ diễn tả và thời gian mà tính đếm được, vì nó đã vượt ra ngoài thời gian và không gian, ...

Phật Oai Âm Vương là chỉ cho bản thể chơn tâm, mà bản thể chơn tâm thì vô âm. Vì vô âm oai đức lớn không gì bằng, nên tự tại như vua, gọi là Oai Âm Vương. Như bậc Thiên đạo phát sanh thiện pháp, thì tất cả thiên hạ đồng phát sanh, giả sử có một thế lực nào ngăn cản không được phát sanh, thì họ vẫn tự tâm tuân theo, không ra lệnh mà họ tự thi



hành, không thông báo mà họ tự tin hiểu.

Trời đất là vô âm của thế gian, sẵn có oai linh ấy phổ hóa tất cả, đâu chẳng phải là tự tại. Thật tướng của tự tâm cũng như thế, nếu dùng ngôn ngữ để thuyên bày tự tâm, thì từ xưa đến nay, Thánh – Phàm, nhơn – ngã, tà – chánh, phải – quấy, còn dính mắc vào ngôn ngữ, đâu có lực cảm hóa bằng vô âm tự tâm được. Vì ngôn ngữ phải quấy, nhơn ngã thuộc vào pháp đối đãi, còn oai linh của tự tâm vượt ra ngoài tất cả, nhưng lý của thật tướng tuy không lời, mà không ngại lời. Do đó, Phật tạm mượn Tam thừa để giáo hóa chúng sanh.

Thọ lượng Như Lai là lý của đạo vô ngôn, không còn lạc vào thêm cấp



giai vị nữa, nhưng đây nói công đức của bốn mươi vị Bồ Tát vượt hơn bốn mươi vạn ức na do tha là tạm nói thế thôi, pháp chúng cần phải thâm hiểu.

Còn nói Chánh pháp và Tượng pháp của Phật Oai Âm Vương đã trải qua thời gian, không gian, như thế giới vi trần xưa và nay, cũng chỉ là tạm dụ thế thôi. Thực ra phải hiểu không có pháp nào mà không từ Oai Âm Vương lưu xuất, thế thì đâu có thể hạn cuộc trong số lượng được.

Lại nói, có Phật ra đời cũng hiệu là Oai Âm Vương, tuyên xưng Đệ nhị nghĩa môn, nhưng cần phải hiểu rằng thật của Đệ nhất nghĩa môn không có ngôn giáo, nhưng cũng không ngại Đệ nhị ngôn giáo. Vì ngôn giáo là quyền lập



đề phô bày lý Nhất thừa, khai, thị, ngộ, nhập cho chúng sanh mà thôi, những đến có hai muôn Đức Phật cũng đồng một hiệu như thế, y phương thức từ Nhất thừa khai làm hai, ba thừa sai khác. Vào thời Tượng pháp của Phật Oai Âm Vương, đây là thời kỳ đã dùng ngôn giáo, ngôn giáo nếu hưng thịnh thì thật giáo lu mờ, nên nói rằng pháp diệt, khi thật giáo bị hoại diệt.

Bấy giờ tứ chúng nầy sanh tâm tranh chấp hơn thua, nên bảo rằng, Tỷ-kheo tăng thượng mạn có thể lực lớn là vậy. Bồ Tát Thường Bất Khinh vì lòng từ bi thương xót những kẻ hay sanh tâm tranh chấp ngôn giáo vì không biết trở về tự tâm của mình, Bồ Tát đã chỉ thẳng cho họ biết tự tâm mỗi người sẵn có và thanh tịnh, nên bảo họ vốn xưa nay



thành Phật là vậy. Đồng thời lại tán thán khen ngợi: *“Tôi rất kính quý và không dám khinh mạn các Ngài, các Ngài đồng hành Bồ Tát đạo, tương lai sẽ thành Phật, đó là lời chỉ thẳng”*.

Bồ Tát Thường Bất Khinh, chỉ thực hành hạnh lễ bái, không tụng đọc Kinh điển. Vì tâm bốn chúng còn chấp vào ngôn giáo, nên khi nghe Bồ Tát tán thán khen ngợi, chẳng những họ không tín thọ, mà còn dùng lời ác mắng nhiếc hủy nhục, dùng dao, gậy, ngói, đá, đánh đập. Mặc dù gặp cảnh trái ngược như thế, Bồ Tát vẫn thản nhiên nhẫn nại chịu đựng, không chút oán giận trách móc, còn cao thình tán thán khen ngợi và nói: *“Tôi không dám khinh quý Ngài, quý Ngài sẽ thành Phật”*. Điều này nói lên



hạnh trì Kinh Pháp Hoa kiên cố của Bồ Tát.

*Đến khi Bồ Tát mạng chung, lại được nghe pháp của Phật Oai Âm Vương, sáu căn liền thanh tịnh, ý này nói rõ hành giả đã chứng được pháp này rồi, nên bảo là mạng chung. Vì phần đoạn sanh tử đã dứt hết, được thọ mạng lâu dài, hai ức na do tha tuổi, tu cả hai pháp nhọn không và pháp không, hai thứ chấp đã phá thì ứng dụng hai trí quyền và thực tùy nghi nói pháp cho chúng sanh, nên nói được tứ chúng thấy đều tín phục.*

*Khi Bồ Tát mạng chung gặp được hai muôn Đức Phật, ý nói hành giả đã phá trừ được hai thứ chấp nhọn và ngã. Bảy giờ biến dịch sanh tử tự dứt trừ, liễu*



đạt hai pháp vốn không rõ hai trí quyền thực gần bậc Tam trí, nên gặp được Đức Phật Nhứt Nguyệt Đăng Minh, như thế tam trí viên minh, mà trí này không ngoài quyền và thực, nên có số hai ngàn ức là vậy, gần bậc Tam trí hay song hành cả Bi và Trí. Bi làm lợi muôn vật, Trí thì phá trừ mê hoặc tối tăm, như đèn rọi vào nhà tối, tối sẽ tự ảm.

Vua là nghĩa tự tại, nên được gặp Đức Phật Vân Tự Tại Đăng Vương, Ngài đã thuyết pháp cho tất cả chúng sanh, khiến họ được sáu căn thanh tịnh, ý này nói trước chúng được pháp không, là có rồi mới không, nên chỉ nói thanh tịnh.

Hành giả chúng được pháp không, chính là ngay nơi thân hiện hữu, đã thấy



không rồi. Vì giả tướng không thật, nên bảo rằng thường thấy, nếu không như thế thì có lỗi trùng điệp.

Cúng dường bao nhiêu Phật như thế, là chỉ cho ta thấy rõ mỗi niệm phản chiếu, trở về tự tâm, nên Tịch Âm nói: *“Cúng dường thân căn là tùy thuận quán chiếu”*, nên biết Phật Oai Âm Vương đâu khác nghĩa này, luôn luôn tự tâm ly niệm, tự thanh tịnh. Còn Nhựt Nguyệt Đăng Minh là nghĩa tự tâm viên minh, sáng suốt, Vân Tụ Tại Đăng Vương là nghĩa tự tâm Bi và Trí song vận, lần lần tiêu dứt nhiễm ô, phiền não, trở về bản minh sáng suốt, nên Kinh nói: *“Thường Bất Khinh chính là thân Ta”*.

Căn cứ vào Kinh văn thấy rõ, biểu thị đốn ngộ tự tâm, chẳng phải là vọng



đàm. Hành giả nếu có thể tin tự tâm là Phật, dù hiện chưa thành Phật, nhưng chắc chắn tương lai sẽ thành, nên bảo rằng: *“Ta do đọc tụng Kinh này nên mau được Bồ-đề, còn tứ chúng tâm chấp vào ngôn giáo danh tự quá nặng, nên không tin lý tự tâm, nhưng dù họ không tin, lý tự tâm vẫn không giảm”*. Thế nên, chúng sanh dù nhiều kiếp chưa gặp được Tam Bảo, dù đọa nhiều kiếp, vẫn có thể gặp được Bồ Tát Thường Bất Khinh để thành Bồ-đề, há chẳng phải là trở về bản tâm để được thành tựu giác ngộ ư. Tứ chúng tuy dùng lời ác, mắng nhiếc hủy nhục và dùng dao gậy ngói đá đánh đập, liệng ném Bồ Tát ... Do gieo nhân xấu ấy ví như người không ưa cây Chiên đàn, dùng ác tâm chặt phá, dù đã chặt cây, nhưng mùi thơm Chiên đàn vẫn bám



theo. Chơn tâm bản tánh của chúng sanh cũng thế, vốn có từ vô thủy vô chung, ở Thánh không tăng, ở Phàm không giảm, cũng như hư không, tìm kiếm nó không thể được, bỏ nó cũng không thể được. Phật rõ tâm bịnh của chúng sanh, dẫn ra nhiều dụ để phát minh, hành giả nếu ngộ được bản tâm liền biết Phật, vốn không dối Phật để nói./.





# **ĐẠI Ý PHẨM THƯỜNG BẤT KHINH**

**(Thứ Hai Mười)**

**Phẩm “Tùy Hỷ”** nói rõ, chỉ một niệm tùy hỷ công đức vượt hơn quả vị Nhị thừa, còn hành giả đọc tụng thọ trì đã được sáu căn thanh tịnh, chưa biết công đức như thế nào, nên Phật liền dẫn tích Bồ Tát Thường Bất Khinh, đem người để chứng minh cho pháp.

\* Nêu Thường Bất Khinh có hai ý:

1. Không hay đọc tụng thọ trì, chỉ trì một câu tán thán, khen ngợi khuyến khích người khác, là hiển rõ ý chỉ thẳng cho người khác nhận được bản tâm.



2. Khi đã nhận được bản tâm là đốn ngộ, chỉ cần một niệm không sanh, đó là Phật hiện tiền, Phật tánh như thế, mỗi chúng sanh sẵn đủ.

Bồ Tát Thường Bất Khinh chỉ hành trì một câu tán thán khen ngợi: *“Tôi không dám khinh quý Ngài, quý Ngài sẽ thành Phật”*. Đây là lời chỉ thẳng, là phương pháp trực chỉ chơn tâm, nhưng hàng tứ chúng vì còn tâm chấp danh tự Kinh điển quá nặng, nên không nhận ra lời chỉ thẳng ấy của Bồ Tát Thường Bất Khinh, mà còn sanh tâm hủy báng mắng nhiếc, thậm chí còn dùng dao gậy, gạch ngói liệng ném.

Nói đến Phật Oai Âm Vương là chỉ cho tâm thể của chúng sanh, tâm thể ấy có bản tâm là vô âm. Tuy vô âm

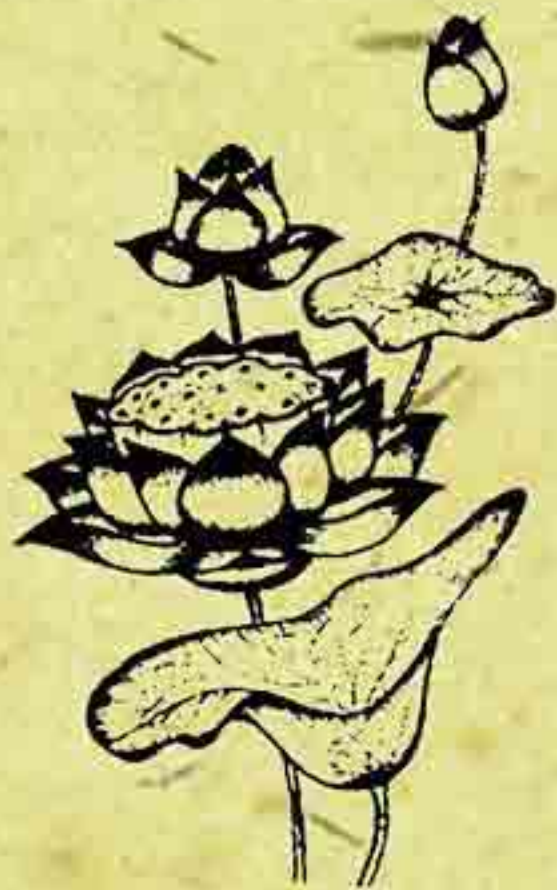


nhưng tâm lực của tâm thể lớn vô cùng, không thể dùng ngôn ngữ văn tự diễn tả được, phải cần khi nào hành giả ngộ được bản tâm, thì có lực cảm hóa vô song không gì bằng, vượt hơn tất cả, nên hiểu lý của thật tướng hay bản tâm, tuy có lời nhưng cũng không ngại lời. Bấy giờ tâm thuyết Tam thừa để giáo hóa chúng sanh, còn thọ lượng của Như Lai là ý của đạo vô ngôn, không còn lạc vào thêm cấp giai vị nữa. Đây là nói công đức của ngôi vị, chẳng qua tạm mượn thể thôi.

*Bồ Tát khi mạng chung được gặp hai muôn Đức Phật, hiển rõ hành giả nghe Pháp chứng được hai pháp không nhơn và ngã. Nghĩa là thân biến dịch sanh tử không còn, mà mạng chung là phiền não hữu lậu đã dứt hết, liễu đạt hai*



pháp vốn không, thấu rõ hai trí quyền và thực. Gần bậc Tam trí, gặp Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, mà Phật này là tự tâm vốn sáng, hành giả nhứt hương trở về nơi tâm, nên bảo Thường Bất Khinh chính là Ta vậy./.





# PHẨM NHƯ LAI THẦN LỰC

(Thứ Hai Mười Một)

*Số Bồ Tát đông như ngàn thế giới vi trần, tượng trưng cho thế giới chúng sanh. Do được nghe Bồ Tát Thường Bất Khinh nói rằng: “Tất cả đều thành Phật”, đây là lời chỉ thẳng cho chúng sanh trong ba cõi đồng ngộ lý nhưt tâm.*

*Từ đất tâm vô minh vọt lên, ý nói hành giả tự khai ngộ bản tâm, sanh lòng thương xót chúng sanh chưa được nghe, chưa được ngộ, nên họ đối trước Phật phát nguyện trì Kinh vào thời gian sau khi Phật diệt độ.*

*Phân thân là chỉ cho Kinh giáo của Phật, đối với chúng sanh ở đời mạt*



pháp, phước mỏng, nghiệp dày, cầu trọng, chánh pháp suy vi, tà kiến lẫy lừng, họ không được nghe Kinh giáo của Phật, nên bảo rằng Phật diệt độ. Thực ra Pháp thân đâu từng diệt, chỉ Ứng hóa thân mới bị diệt mà thôi.

Khi Bồ Tát đã tỏ ngộ bản tâm diệu pháp, biết rõ chính mình sẵn có và mỗi chúng sanh vốn đủ tâm này, nên phát nguyện trì Kinh. Mục đích khiến cho họ dứt lưới tà kiến, trở về khai ngộ tự tâm. Thế nên có số Bồ Tát nhiều như ngàn thế giới vi trần, phát nguyện trì Kinh là vậy. Còn thế giới Bồ Tát của Phật Thế Tôn hằng cứu trụ cõi Ta Bà, luôn thể hiện thần lực hiện tiền vì tứ chúng, là nói lên ý nghĩa tự tâm và tha tâm châu lưu khắp cả.



*Tướng lười suốt đến cõi Trời Phạm Thiên và các lỗ chân lông đều phóng quang chiếu khắp mười phương, nghĩa là khi Bồ Tát đã ngộ được bản tâm, thì chơn ngữ phô bày giáo thể, suốt cả ba đời đồng nhất không sai khác. Trí tuệ soi khắp mười phương không nơi nào bị chướng ngại, là hiển rõ ý nghĩa thời gian không gian mười phương cũng không ngoài tự tâm của hành giả. Nên trong phần “Chúc Lụy” của Kinh này, Phật dạy truyền nhau khuyến chuyển, mỗi mỗi tự hoằng trì, khiến cho không đoạn mất Phật chủng. Phật lại dạy: “Pháp này chẳng phải riêng Ta ngày nay như thế, cho đến tất cả Chư Phật mười phương phóng quang, phó chúc dặn dò thấy đều như thế cả”.*



Phẩm “Phương Tiện” đã dẫn Chư Phật mười phương đồng chứng tâm này, phẩm này nói Chư Phật mười phương đồng phó chúc tâm này, trước sau như một không khác, thời gian chưa đời khởi pháp hội, mà dung suốt cả trăm ngàn năm. Do thần lực của Chư Phật không thể nghĩ bàn, chỉ một âm thanh rất nhỏ, như khảy móng tay hay tiếng đặng hắng, mà vang khắp cả mười phương, chỉ một động tác nhỏ mà hiển phát toàn thể diệu pháp. Khi diệu pháp hiển phát rồi, thì vô minh tự dứt, như đèn vào nhà tối, có ánh sáng rồi tối ắt tự lui, bấy giờ cõi nước có sáu thứ chấn động.

Vì chúng sanh từ vô thủy kiếp bị màn vô minh che khuất, nên thấy biết bị hạn cuộc. Hành giả nay ngộ được bản



tâm, vô minh tự lui tan, ánh sáng trí tuệ soi suốt cả mười phương, nên bảo thấy cõi này vô biên hóa Phật Thích Ca Đa Bảo, Bồ Tát và tứ chúng, v.v... ngay nơi pháp hội tổ ngộ, khởi lòng từ thương xót chúng sanh khắp mười phương, nên được nghe tiếng Chư Thiên trong hư không bảo Đại chúng rằng: *“Mỗi mỗi đều nên xưng quy y và cúng dường, liền được khai ngộ tự tâm và phát khởi diệu hạnh, từ nhơn vi diệu này, ắt thú hương Phật quả. Do cúng dường đầy đủ, biến thành tràng phan báu, che trùm lên thân Phật”*.

Khi hành giả đã phá hết vô minh hoặc nghiệp rồi, bấy giờ tự và tha không còn ngăn cách, nên thấy mười phương cõi nước như một cõi Phật. Đến đây hành giả tự tâm không còn mảy may



phiền não, ấy là việc làm đã xong, bấy giờ kham lãnh lời dặn dò của Phật, nên kêu Thượng hạnh Bồ Tát, v.v...

Nhưng Diệu Pháp thì không thể nghĩ bàn, nên Ta và Chư Phật mới dùng thần lực như thế. Trải qua vô lượng ức kiếp khen ngợi tán thán công đức này, không thể nào nói cho hết được.

\* Tóm lại mà nói: Không ngoài bốn thứ.

1. Tất cả pháp đã có là nói chung tổng quát Pháp thân.

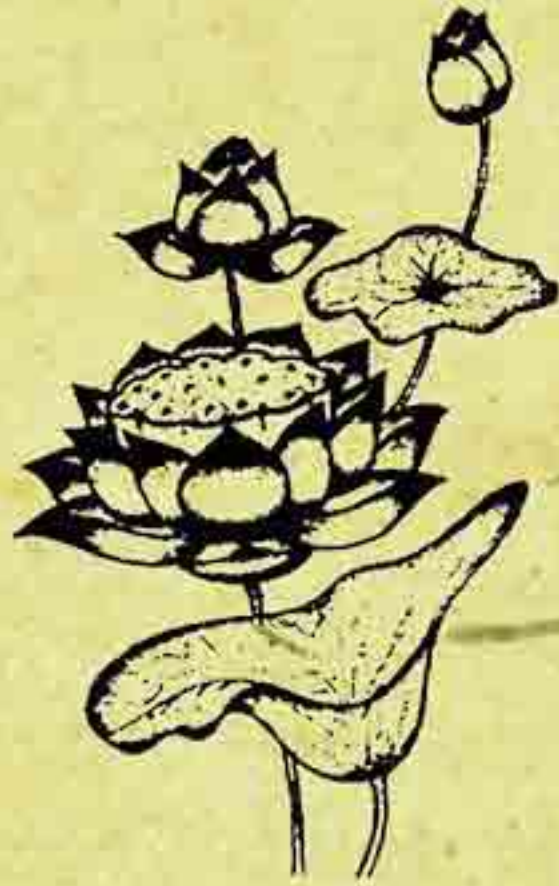
2. Tất cả thần lực tự tại là Bát Nhã.

3. Tất cả tạng bí yếu là giải thoát.

4. Tất cả việc thậm thâm là Pháp thân.



Các pháp như thế đều tuyên bày  
nói rõ trong Kinh Pháp Hoa, thế nên các  
ngươi phải nhứt tâm thọ trì.





# PHẨM CHÚC LỤY

(Thứ Hai Mười Hai)

*Phật dùng tay phải xoa đầu các Bồ Tát, tiêu biểu sự an ủi và cũng hiển rõ chánh pháp thuận giải thoát, nên xoa bằng tay phải. Pháp này là pháp tối thượng, Chư Phật và Bồ Tát đã trải qua trăm ngàn muôn A-tăng-kỳ kiếp tu tập được pháp Bồ-đề giác ngộ này. Đây là pháp vi diệu tự tâm, tâm này đối với hàng sơ tâm cho đến Nhị thừa cũng khó tin, khó hiểu nổi, nay Phật muốn khiến cho Đại chúng tỏ ngộ, nên bảo họ rằng: “Nay đem phước chúc cho các người” và nhắc Đại chúng: “Sau khi ngộ đặng tâm này rồi, phải phổ biến cho tất cả chúng*



sanh ở đời vị lai”. Nên nói: *Nhứt tâm lưu bố khắp, khiến cho tất cả tăng thêm lợi ích.*

*Ba phen xoa đầu, mỗi mỗi phó chúc,* nghĩa là hiển rõ ý Phật phô bày pháp này tận cùng không còn sót. Mục đích của Như Lai là ban vui, cứu khổ cho chúng sanh. Ban vui nên cho trí tuệ của Như Lai, trí tuệ này chúng sanh mỗi mỗi vốn sẵn đủ. Cứu khổ cho chúng sanh vì họ không đủ lòng tin pháp thâm thâm này, nay Phật hết lời chỉ giáo, khiến cho họ được tỏ ngộ và được lợi ích an vui.

Phật không tâm lẫn tiếc, không lựa chọn thân hay sơ, điều cần nhất là khiến cho họ được nghe pháp vô sở úy, bấy giờ họ sẽ không còn sợ tà ma ngoại đạo



nữa, vì thế Phật cao thinh phó chúc. Phật tâm như thế, các người phải sanh tâm khát ngưỡng thể hiện theo hạnh của Như Lai, chớ sanh tâm bòn xén đối với chúng sanh mà nên rộng nói Kinh này, đó là báo ân Phật.

Chư Phật Bồ Tát chí thành ân cần lễ Phật, đã ba phen vào pháp hội lãnh mạng lệnh, khi pháp hội sắp mãn, Chư Phật phân thân tùy chỗ an định, còn tháp Đa Bảo vẫn hoàn như cũ. *Phân thân Chư Phật* tức là pháp “Phương Tiện” tùy duyên thuyết pháp, tháp Đa Bảo là lý chơn tâm thật tế, không có duyên khởi. Vì Phật pháp là vô tánh, nhưng tùy duyên phát sanh, do chúng sanh mê mất bản tâm, khiến phải trôi lăn trong luân hồi sanh tử, Phật phương tiện nói pháp Tứ đế, khiến cho họ tỏ ngộ, cầu cảnh



giới Niết-bàn an vui. Khi sanh tử khổ đã dứt hết thì cảnh giới Niết-bàn cũng không còn, ví như Phật giả lập hóa thành để dẫn dụ hàng Nhị thừa, nhưng vì không nhận ra là Phật tùy nghi, nên họ đã chấp chặt vào hóa thành, cho là cảnh cùng tột để hướng tới. Vì thế Phật phải nói ra lý Nhất thừa, để dẫn họ đến Bảo Sở, nhưng khi họ đã ra khỏi hóa thành rồi, thì Bảo Sở cũng chẳng có. Thế nên chỉ nói Bảo Sở ở gần, mà không nói nơi chốn nhất định.

Đối với hành giả hàng căn cơ sắc bén, Phật chỉ ngay pháp Lục độ, độ lục tộ, đó là duyên khởi. Khi hành giả không còn cầu tâm như tham lam, tật đố, ngu si, biếng nhác, v.v... thì không còn áp dụng pháp Lục độ. Ví như bệnh nhân khi còn



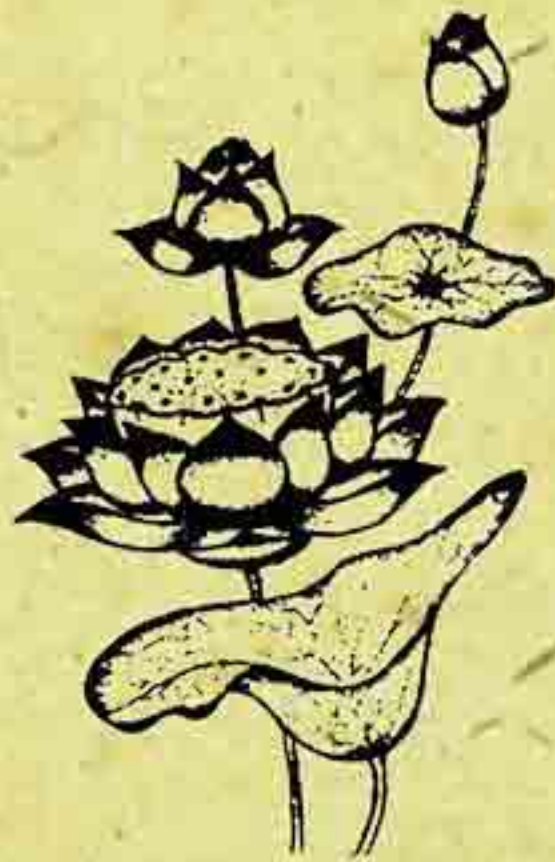
bệnh, bệnh nào thuốc nấy rất cần thiết, khi hết bệnh rồi, thuốc đâu cần đến nữa. Pháp cũng thế, khi tâm mê còn thì pháp được có hiệu lực, ngược lại thì không, nên nói Bồ Tát mỗi mỗi tùy chỗ an lạc.

Kinh Lăng Nghiêm ghi: “Ánh sáng trở về ban ngày, tối trở về ban đêm, các pháp có thể trở về, chẳng phải người thì ai, nên nói da thịt rơi rụng, chỉ còn lại chơn thật tế” là vậy. Hành giả rõ được duyên khởi là vô sinh, thời bốn tế bất động, nên nói trở lại như củ, là ý nói phân thân thì trở về, còn tháp Đa Bảo y như củ.

Như thế, Như Lai đã phó chúc hết cho Bồ Tát việc hoằng trì Kinh Pháp Hoa, chúng ta cũng phải theo đó mà hoằng trì để lãnh ngộ. Cứ như thế, hành



giả lần lần tiêu dung phiền não, không còn tâm chấp đắm, sẽ tự trở về Đa Bảo tự tánh sẵn có của mình, tuy dung chứa mà hội hợp các hóa Phật. Vốn chẳng phải pháp bên ngoài, hành giả chỉ cần vâng giữ mỗi mỗi sát na, không xen hở liền thời thành tựu. Nếu hành giả nào còn chút tâm nghi ngờ, thì cùng kiếp cũng không trở về tự tánh được./.





# PHẨM DƯỢC VƯƠNG

## BỒ TÁT BỒN SỰ

(Thứ Hai Mười Ba)

Phẩm này nói rõ quá trình tu tập, của Bồ Tát từ nhiều kiếp xa xưa, đã phá được hai thứ chấp, nhơn không và pháp không, thành tựu kết quả tu hành, trở thành Vua pháp. Do trí tuệ của Bồ Tát thấy rõ chúng sanh mang hai thứ chấp này quá nặng, nên Ngài chỉ thẳng cho chúng sanh biết và hướng dẫn phương pháp tu tập để phá trừ hai thứ bịnh ấy. Do đó Ngài có tên là Dược Vương (Vua Pháp).

Bồ Tát Tú Vương Hoa do nhơn hạnh từ quá khứ, đã chứng được túc



mạng trí tự tại hành trì. Thế nên, có khả năng thuật lại chuyện xưa của Bồ Tát Dược Vương để hỏi Đức Thế Tôn. Câu hỏi này có hai ý nghĩa:

1. Bồ Tát Dược Vương dạo đi trong cõi Ta Bà như thế nào? (Cũng như câu hỏi của ngài Vô Tận ý hỏi việc làm của Bồ Tát Quan Thế Âm trong phẩm “Phổ Môn”).

2. Bồ Tát Dược Vương đã làm bao nhiêu hạnh khổ khó làm?.

Qua sự ân cần thưa hỏi của Bồ Tát Tú Vương Hoa, trước hết Đức Thế Tôn giới thiệu nguyên quán xa xưa của Bồ Tát Dược Vương, qua hình ảnh y báo, chánh báo cõi nước của Ngài, thấy rõ cõi nước và con người siêu vượt hẳn, ngoài tầm thấy nghe của tâm sanh diệt. Vì tâm và cảnh ở cõi này không còn bị



hai thứ chấp chi phối nữa. Bồ Tát vì muốn cho chúng sanh thấy rõ, nên Ngài tạm mượn Bồ Tát Dược Vương thưa hỏi thế thôi.

*Phật hiệu Tịnh Minh Đức*, ý nói hành giả đã chứng được pháp và *nhơn không*, thường dùng trí tuệ phá trừ tâm mê tối cho chúng sanh, nhưng chưa được rớt ráo, như ánh sáng mặt trăng chiếu soi ban đêm, thấy chưa được tường tận rõ ràng. Khi nào hành giả chứng được ngã pháp song vong, bấy giờ trí tuệ sáng tỏ, như ánh sáng mặt trời chiếu soi ban ngày, thấy được thấu suốt, si mê hoặc chướng không còn, đến đây hai trí viên dung, viên chiếu, hai bình ngã và pháp tiêu hết, trí tuệ thấy rõ ba đời tánh không, nên nói: “*Vượt hơn hằng hà sa số kiếp mới thấy có Phật*” là



ý này. Bảy giờ, hai trí đồng vận hành, các chúng Bồ Tát và Thanh Văn đồng làm quyền thuộc.

*Phật được hai trí*, là ý nói rõ tâm hành giả chỉ một niệm sẵn đủ, chẳng phải trước, chẳng phải sau, mà đã vượt hơn bốn mươi ngôi vị Bồ Tát, thế nên nói: “*Phật thọ hơn bốn mươi hai ngàn kiếp*” là thế.

Hành giả khi được hai trí sáng tỏ, tự nhiên xa lìa các niệm nhiễm ô, nên nói: “*Cõi này không có đường ác và các người nữ*”. Khi tâm nhiễm ô không còn, tự nhiên cảm nhận được đất báu, những đến các thứ trang nghiêm như bình, đài, tràng phan, bảo cái, v.v...tất cả đều do công đức báu tạo thành.

Nói đến thể của Tịnh Minh Đức thì không phải ly nhiễm mới có tịnh, mà



ngay nơi nhiệm đã sẵn có tịnh rồi. Thế nên, vì Đại chúng nói Kinh Pháp Hoa.

*Bồ Tát hiệu là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến, nghĩa là hàng Nhị thừa không nhận được lý, ngay nơi nhiệm tức tịnh. Do đó, đem tâm cầu tịnh ở bên ngoài, bị Phật quở trách, những gì Bồ Tát coi thường, thì chúng sanh và Nhị thừa đấm trước, ái mộ. Bồ Tát nghe Kinh Pháp Hoa nhận hiểu ngay nơi nhiệm là tịnh, nên bảo rằng: “Khéo hiểu và tùy nghi thuyết pháp, xứng hợp với căn cơ, khiến cho họ được lợi ích, nên được tất cả chúng sanh ưa thích”.*

*Tu hành mãn một muôn hai ngàn tuổi, là nói rõ hạnh hằng tu pháp quán mười hai như duyên, chúng được ngã pháp câu không. Bảy giờ tùy theo tâm mong cầu của chúng sanh mà hiện thân*



thuyết pháp, vì đã được nhứt thiết sắc thân Tam muội.

Tuy được đạo lực như thế, nhưng Bồ Tát vẫn nghĩ dù được thân lực mưa các hương thơm, hoa thơm, cũng chưa bằng thể hiện đem thân cúng dường. Vì như vậy, nếu đem thân cúng dường thì mới hiển rõ rốt ráo ngã chấp tiêu vong, không còn gì để dựng lập. Thế nên nói dù hay cúng dường cũng không bằng xả thân cúng dường. Nhưng trước khi hành giả hạ thủ công phu, phải biết bịnh chấp ngã là chướng ngại nhất cho tiến trình tu tập, cần nội lực mạnh mẽ bằng pháp quán mười hai nhơn duyên và pháp Lục độ. Kinh ghi dùng các thứ dầu hương thơm xông ướp, là hiển rõ hành giả ứng dụng pháp quán mười hai nhơn duyên và pháp Lục độ, v.v....



*Một muôn hai ngàn tuổi, ý nói mười hai nhơn duyên trên phương diện lưu chuyển. Tuy lưu chuyển mà không ngại sự ứng hiện của Bồ Tát, vì đã được nhứt thiết sắc thân tam muội. Đến đây chỉ nói một ngàn đã gồm đủ một muôn, là ý nói hoàn diệt mười hai nhơn duyên, đem ba mươi bảy pháp làm trợ đạo, nên nói: “Dùng hương dầu xoa thân”.*

*Y trời quán thân, là biểu hiện nói rõ nội tâm đã có nhãn lực, nhờ công đức của Phật mà nói là tưới các thứ dầu thơm. Như thế, trong nhờ ngoài mượn, nội ngoại tự và tha lực sẵn đủ. Bảy giờ ngã pháp tự tiêu vong, chơn trí hiển lộ, ánh sáng trí tuệ liền thời chiếu khắp tám mươi ức hằng sa cõi thế giới. Trong đó, tất cả Chư Phật đồng thanh tán thán bảo*



rằng: “*Đây là chơn tinh tấn, là pháp cúng dường tối thượng*”. Vì cúng dường các phẩm vật thế gian làm sao sánh bằng được.

Như Kinh văn trước đã ghi: “*Không bằng dùng thân cúng dường, bèn dùng lửa đốt thân, cứ như thế trải qua thời gian một ngàn hai trăm năm, thân mới cháy hết*”. Đây là hiển rõ hành giả tận tâm dụng lực quán mười hai nhơn duyên thấy rõ các pháp, không có pháp nào có thể nắm bắt về ngã chấp hoàn toàn là sai lầm, nên cả hai tâm chấp ngã và pháp không còn tồn tại nữa. Bảy giờ sanh tử phiến não tự dứt, nên hóa sanh vào bốn quốc. (Vì cả hai thứ sanh tử đã đoạn diệt, hai thứ chấp không



còn, nên tự nhiên sanh vào nhà người cha tên là Tịnh Đức).

*“Đức Phật Nhứt Nguyệt Tịnh Minh hiện nay vẫn còn, Ta nay phải đến cúng dường Đức Phật này”,* hiện rõ quả địa bất động ba đời tánh không, đâu còn có sanh tử qua lại nữa. Do đó, ý chỉ Kinh Pháp Hoa làm phần lưu thông.

Hàng Nhị thừa chấp thân là thực ngã, có sanh tử cần phải ra khỏi, có quả vị Niết-bàn cầu chứng đắc, đó là một sai lầm lớn. Bồ Tát đốt thân để hiển rõ lỗi chấp của Nhị thừa là sai lầm, vì nếu thật có cái Ta thì Bồ Tát đốt thân còn ai ra khỏi sanh tử, ai chứng Niết-bàn. Ngoại đạo chấp thân là vô ngã, khi chết là đoạn diệt, không còn gì sanh trở lại, mà Bồ



Tát đốt thân lại hóa sanh, thì đâu phải là đoạn diệt.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật bảo vua Ba Tư Nặc, đem lý này để so sánh với quan niệm của họ, cho rằng thân này chết rồi là đoạn diệt không còn gì cả. Đức Thế Tôn bèn dùng tỷ lượng cho nhà vua, ông cảm nhận, quán xem nước sông Hằng vốn không có sanh diệt, giống như Bồ Tát Dược Vương đốt thân để chỉ rõ cái sanh diệt và không sanh diệt rất tinh tường.

*Bồ Tát xin vua cha đến chỗ Phật, là biểu hiện rõ từ nhân hướng quả. Phật thấy cha con Bồ Tát, liền xướng diệt độ, là biểu tượng nhân thành, quả mãn. Ví như hạt lúa gieo xuống đất, khi mầm mộng nảy sanh thì hạt lúa tiêu vong, ý*



này hiển rõ diệt mà bất diệt (diệt vỏ bọc bên ngoài, còn cốt lõi hạt lúa nảy thành mầm, tồn tại sang hình dáng khác).

*Bồ Tát buồn râu áo não*, nghĩa là buồn vì con mắt huệ thế gian đã mất, cảm nhận tâm truyền, nên xây tám muôn bốn ngàn tháp để thờ Xá lợi, khiến cho người đời sanh lòng kính ngưỡng báo ơn Phật. Vì thế, Bồ Tát nghĩ tâm cúng dường còn chưa đủ, vì pháp chưa quên, các thứ cúng dường trên đây còn thuộc vào hữu vi của thế gian, nên nói là chưa đủ. Nếu đem tâm cúng dường bằng cách đốt tay thì được trăm phước trang nghiêm, vì đốt tay là biểu tượng phá trừ ngã chấp. Pháp có khuôn pháp, tay có khả năng nắm bắt, nên trước phá ngã chấp, sau y vào pháp quán mười hai nhân duyên, mà bảo rằng tu tập thời



gian một ngàn hai trăm năm. Vì hai thứ chấp này y vào đệ thất thức, nếu hành giả muốn phá nó, cần phải phá thức thứ bảy, nên nói bảy muôn hai ngàn năm.

Hàng Nhị thừa tuy đã phá được sáu thức trước, nhưng thức thứ bảy vẫn tồn tại. Lại không tin có thức thứ tám, nên chấp thức này là Niết-bàn, khi nào thức thứ bảy được phá trừ, thì tự nhiên thức thứ tám hiển lộ. Bây giờ, hành giả mới thấy rõ thức này (thứ tám) hàm chứa tất cả hột giống thế gian và xuất thế gian. Hột giống ấy là nhân chủng của mỗi chúng sanh đều có thể thành Phật. Thế nên khiến cho vô số chúng Thanh Văn đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề, được nhất thiết sắc thân tam muội.



Bảy giờ, tất cả chúng người trời thấy Bồ Tát không có tay, họ sanh lòng buồn rầu, khóc lóc. Việc Bồ Tát độ chúng người trời thuộc về phần tu hạnh hữu vi, còn việc dùng thân cúng dường mới là hạnh chính yếu của Bồ Tát. Nay hạnh hữu vi đã phá, ví như mất một tay, nên bảo là thân không đầy đủ. Bồ Tát quyết tâm xả hữu vi để thể nhập vô vi, câu “Nhất thiết chủng trí”. Trí này tuy vô vi, nhưng không có việc nào là không làm, nên nói: “*Ta xả bỏ hai tay, ắt sẽ được thân Phật sắc vàng*”, và quả quyết: “*Nếu lời nguyện này của Ta không luống dối, thì khiến cho hai tay Ta hoàn phục như cũ*”, đây hiển rõ. Hành giả đã phá tâm chấp, không phải phá pháp tu. Nếu hai thứ chấp đã phá hết rồi, thì vô minh không phá cũng tự dứt.



Khi ngã và pháp đã phá hết, thì đất liền có sáu thứ chấn động, trời mưa hoa báu. Đây là biểu tượng mê tâm đã chuyển hóa thành giác tâm, hai bình chấp không còn, nên mới quyết tâm đốt thân và cánh tay để thể nhập vào cảnh giới ngã pháp song vong, cảnh giới của Bồ Tát. Bồ Tát đã thể nhập vào cảnh giới ngã pháp câu không, mới trở thành lương y của mọi chúng sanh, nên được danh hiệu là Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến, chính là Bồ Tát Dược Vương không ai khác.

Vì vô minh của chúng sanh thì còn nguyên vẹn, hàng Tam thừa chỉ mới phá được chút phần, Bồ Tát phá từng phần, Chư Phật thì hoàn toàn tận diệt, hàng Tam thừa phá được một phần rồi mới tu đạo. Tuy nhiên, họ đã siêu việt hơn hàng



phàm phu nhiều, dù chưa thực hiện xả thân, xả cánh tay như Bồ Tát, nhưng họ cũng có thể đốt một ngón chân hay một ngón tay, như vậy vẫn hơn là đem tiền tài, của báu hay cõi nước, vợ con để cúng dường.

Người đời đọc Kinh, thấy nói đốt tay cho là thật sự, cũng đem đốt một ngón chân hay ngón tay mà sao vô minh phiền não vẫn còn nguyên vẹn, thật đáng thương thay. Nếu cũng đem một chút công đức ngón chân hay ngón tay, mà vô minh phiền não không tận xả, ý vẫn muốn vượt hơn người nên đem tài sản, quốc thành, vợ con bố thí cúng dường, điều này thật là phi lý. Hành giả phải hiểu, khi nào xả hết tâm vô minh, mới hưởng được công đức vô lậu.



Vì đốt thân và cánh tay là tiêu biểu cho hết vô minh, còn dùng bảy báu trong tam thiên đại thiên thế giới để cúng dường Chư Phật là chỉ cho phước hữu lậu, nên Phật nói: “Việc làm trên không bằng người trì Kinh Pháp Hoa một kệ, một câu”. Thế nên, Kinh ghi: “Ai gặp được Kinh này, như rét được lửa, rách được áo, đói được cơm, khách buôn được biển, như qua sông gặp đò, ... Người được nghe Kinh này, không ai là không phá hết vô minh, không phiền não si mê nào mà không trừ. Kinh này ví như ánh sáng mặt trời và ánh sáng bó đuốc lớn, có công năng phá trừ tất cả tối tăm. Nếu người nào siêng năng biên chép Kinh này để cúng dường Phật, thì công đức ấy không thể lường hết được. Nếu ai được nghe phẩm “Bốn Sự” của Bồ Tát Dược Vương, công đức



*cũng vô lượng vô biên, còn người nữ nào được nghe Kinh này sẽ đặng vãng sanh về thế giới của Đức Phật A Di Đà, không còn bị cảnh tham dục làm bức nã nữa”.*

Phật tán thán công đức Kinh này như thế, nên trong phần lưu thông để hiển rõ phần vi diệu khuyến trì. Cổ Đức có nghi: “*Trăm ngàn các dòng sông, chỉ có biển là rộng hơn hết, trong vạn tượng xum la, thì hư không là cùng tốt, trong tất cả Thánh Hiền thì Phật là hơn cả, trong tất cả muôn pháp thì tâm là tốt”.* Vì tâm tổng trì thấu muôn pháp, là đáy nguồn của tất cả, nên Đức Thế Tôn đã dụ Kinh này là biển Phật pháp, còn chủ yếu soạn giả cho rằng Kinh này là bản tâm để chúng ta tự suy xét, mong rằng ý này không luống dối./.



# **PHẨM DIỆU ÂM**

**(Thứ Hai Mười Bốn )**

Trước đã nói Bồ Tát Nhứt Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến được tất cả chúng sanh ưa thấy, do Ngài trì tụng Kinh Pháp Hoa, được Nhứt Thiết Sắc Thân Tam Muội. Sắc thân là thân căn, dù nói chúng đắc sắc thân, nhưng chưa biết thân chúng đắc kia như thế nào, còn Bồ Tát Diệu Âm được giải Nhứt Thiết Chúng Sinh Ngũ Ngôn Đà La Ni, ý nói rõ về thiết căn. Kế đây nói rõ tướng lười của nó. Bởi vì, Bồ Tát hiện thân ắt sẽ thuyết pháp, thuyết pháp thì phải hiện thân, vì thân và thuyết không thể tách rời được, thân tướng là thường như, ví



như mặt trời lên cao chiếu soi đại địa, nhưng người tiếp thu ánh sáng và thấy mặt trời thì không đồng nhất, có người thấy mặt trời từ biển xuất hiện, có người thấy từ ngang núi xuất hiện, ... hoặc có tiếp thu ánh sáng mặt trời thấy sáng sủa, mát mẻ, có người thấy nóng bức ép ngực, ... Như vậy, cái thấy thì có sai khác, nhưng ánh sáng mặt trời đâu có sai khác. Cũng như thế, thân và thuyết của Bồ Tát chỉ có một, nhưng do căn cơ chúng sanh có sai khác, nên sự hiện thân và thuyết pháp của Bồ Tát cũng tùy thuận không nhất định, vì thế Kinh ghi: *“Hoặc hiện thân này, hoặc hiện thân khác để nói Kinh”*.

*Phật phóng quang từ đại nhục kế, là hiển rõ tâm này vô thượng đánh pháp, còn bạch hào tướng quang hiển rõ tâm*



này từ Trung đạo vô si phát xuất. Phóng quang từ phương Đông, chiếu suốt một trăm tám muôn thế giới Chư Phật, hiển rõ Đông phương là quần động, chúng sanh chỉ một niệm dấy lên là tâm động cả trăm lẻ tám phiền não sanh khởi. Hàng Thánh nhơn liễu đạt lý này, thấy động mà chẳng động, thì đã vượt ra ngoài một trăm lẻ tám phiền não, đã chứng thật tướng thanh tịnh, nên Kinh nói: “*Có thế giới Tịnh Quang Trang Nghiêm, Phật hiệu là Tịnh Hoa Tú Vương Trí*”, hiển rõ hành giả tâm đã xa lìa phiền não, là tịnh nhơn của thật tướng, dụng nhơn như thế liền phát khởi tức trí, đối với các pháp được tự tại.

“*Ánh sáng hào quang chiếu rọi đến nước kia*”, ý nói xứng với bốn đức



của Bồ Tát, vì đã gieo trồng căn lành từ lâu, nên tức trí được phát khởi.

Khi Bồ Tát gặp ánh sáng này chiếu đến, liền bạch Đức Phật cõi ấy rằng: “*Con muốn đến cõi Ta Bà để thăm Đức Phật Thích Ca*”. Đức Phật cõi ấy liền nhắc nhở Bồ Tát phải dùng tâm bình đẳng quan sát chúng sanh ở cõi Ta Bà, chớ đem lòng khinh khi, thấy họ bé nhỏ mà cho là hạ liệt. Ý này hiển rõ Đức Phật Thích Ca thị hiện Ứng tích thân, chứ không phải Phật Báo thân.

“*Bồ Tát dùng sức tam muội để hóa hiện tám muôn bốn ngàn hoa sen*”, ý nói Bồ Tát đã chuyển tám muôn bốn ngàn trần lao phiền não, thành tám muôn bốn ngàn pháp môn tu tập. Trần lao là *nhiễm*, pháp môn tu tập là *tịnh*, nhưng chẳng



phải ly nhiễm trần lao, có được pháp môn thanh tịnh để tu tập, nên hiểu ngay nơi trần lao phiền não đã sẵn có pháp môn thanh tịnh, chỉ cần tự tâm chúng ta chuyển hóa, không để trần lao làm phược (trói buộc) nên nói: “*Hóa tám muôn bốn ngàn hoa sen*”.

Bồ Tát Văn Thù thấy việc này rồi liền bạch Phật, để hiển rõ ý ngay nơi trần lao nhận ra pháp môn thanh tịnh. Nếu chẳng phải căn bản trí thì làm sao biết để hỏi việc này, Bồ Tát do đã gieo trồng công đức thâm sâu, nên mới hiểu thấu được.

Bồ Tát Văn Thù thưa hỏi, được Phật đáp: “*Do Phật Đa Bảo hiện tướng, Bồ Tát Diệu Âm hiện hoa sen*”, ý này hiển rõ trần lao và pháp môn là một



không hai, chỉ có thật trí mới thấu suốt để dẫn đạo, nên dụng thật trí thấu nhiếp tất cả trần lao và pháp môn.

*Phật Đa Bảo kêu Bồ Tát Diệu Âm,* là hiển rõ dụng thật chỉ quyền. Bồ Tát Diệu Âm ản cõi kia cùng với tám muôn Bồ Tát, mang theo trần lao để thể nhập pháp môn. Hành giả phải hiểu, khi đã nhập pháp môn rồi vô minh tự phá, nên Kinh nói: *“Trải qua các cõi nước đất đều chân động”*. Đến đây tâm của hành giả không còn mảy may vô minh thì công đức tự hiển, nên trời mưa các hoa báu, các thứ nhạc trời đồng thời tự trỗi.

Bảy giờ thân tướng Bồ Tát hiển lộ, mặt sáng rõ hơn cả trăm ngàn mặt trăng, mắt trong suốt như lá sen xanh, tất cả các tướng thấy đều đầy đủ vì tâm đã vượt



khỏi trần lao, chúng được thật tướng. Bây giờ ba thân nghiêm nhiên hiển lộ, nên thấy Phật tỏ bày sự cung kính.

“*Con nay muốn ra mắt Phật Đa Bảo, cúi xin Đức Thế Tôn chỉ bày cho được thấy*”. Đa Bảo là thật trí, Thích Ca là quyền trí, Bồ Tát Diệu Âm là quyền hạnh, dùng phương tiện quyền hạnh, thị hiện có tướng qua lại.

Kinh ghi: “*Trước ở cõi kia xa nghe, Ta thấy rõ quyền và thực tựa hồ xa mà chẳng phải xa, ngay nơi trước mắt mà không thấy*”, ý hiển rõ quyền và thực giống như gần mà chẳng phải gần.

Tháp Đa Bảo kêu là dụng thực vạch rõ quyền, đến đây Đức Thích Ca chỉ rõ hiển bày quyền dẫn đến thực. Phật



Đa Bảo tán thán khen ngợi đã nói lên ý nghĩa trí và hạnh khế hợp nhau.

Phần trước Văn Thù khái thỉnh, Hoa Đức hỏi lại. *Hoa* tiêu biểu cho hơn hạnh, *Đức* là công đức thành tựu rồi, tự nhiên phát sanh công đức căn lành nhiều đời, đáp lại lòng cầu thỉnh của Văn Thù Bồ Tát.

- **Hỏi:** Gieo trồng căn lành gì? Tu công đức nào? Xin Bồ Tát chỉ bày rõ Đức Phật mà Ngài đã sở y.

- **Đáp:** Phật ấy tên là Vân Lô Âm Vương, *Vân* là tiêu biểu cho lòng từ, *Lôi* tiêu biểu cho oai lực, đầy đủ hai đức này thì thuyết pháp được tự tại, nên gọi là Oai Âm Vương (Cũng chính là bốn tánh mỗi người sẵn đủ).

Diệu Âm tiêu biểu cho hạnh, hạnh y vào thể hiển, nếu hạnh diệu thì tất nhiên do thể diệu.



- **Hỏi:** Làm sao biết?

- **Đáp:** Ví như tiếng sấm hoặc tiếng chuông đánh vang dội cả trăm dặm, người ở xa nghe tiếng tuy có sai khác, nhưng đó vẫn chỉ là một tiếng động. Có người nghe được tỏ ngộ, có người nghe được phát tâm tu hành, có người nghe sanh tâm hoan hỷ vui mừng, có người nghe sanh lòng sợ sệt. Còn một tiếng Diệu Âm khéo ứng hợp với căn cơ chúng sanh, đâu chẳng phải Diệu hạnh từ Diệu thể lưu xuất ư. Từ Diệu thể lưu xuất, nên nói người chỉ thấy thân Bồ Tát Diệu Âm ở cõi này, mà không biết Ngài vì chúng sanh hiện đủ các loại thân hình ở khắp mọi nơi, mọi chỗ, để diễn nói Kinh này.

- **Hỏi :** Tam muội Bồ Tát đã chúng đắc gọi là Nhứt Thiết Sắc Thân Tam Muội mà tám muôn bốn ngàn Bồ



Tát cũng chúng tam muội ấy. Như Kinh nói: “*Một chúng tât cả đều chúng, căn căn trần trần đều vào viên thông ư*”.

*Làm Phật sự xong trở về Bốn quốc* là ý nói Diệu hạnh không ly bản trí, người đời không hay không rõ được việc này. Hành giả đã thành tựu về pháp thân thông tam muội của Thánh Hiền, nên sanh tướng kỳ lạ, không biết các Ngài đã bao kiếp gieo trồng căn lành công đức, mà đến nay được thành tựu như thế. Do vì chúng sanh không biết, nên không chịu tu hành. Vì thế, Đức Thế Tôn nói Diệu hạnh này, để làm phần Khuyến phát lưu thông./.





# PHẨM PHỔ MÔN

(Thứ Hai Mười Lăm )

Phẩm trước đã nói Bồ Tát Dược Vương là tiêu biểu cho thân căn, Diệu Âm là thiết căn, đến phẩm này Bồ Tát Quán Âm là chỉ cho ý căn. Tất cả hành nghiệp của chúng sanh đều do ba nghiệp si mê gây nên, do đó có ba chương làm ngại. Còn Bồ Tát đã chuyển được ba chương này thành ba đức Bi, Trí, Hạnh (Dược Vương trí, Diệu Âm hạnh, Quán Âm bi).

Bi, trí, hạnh, kiêm tu cả tự lợi và lợi tha. Nhưng trí và hạnh lấy tự lợi làm trọng, còn tâm bi lấy lợi tha làm trọng. Kinh nói: *Tự Quán Âm dùng trí quán sát.*



\* Kinh Lăng Nghiêm nói: “Đầu mối vào đạo, do từ nhĩ căn, đây hiển bày công đức”. Nên nêu ý từ bi, chỉ một ý căn nhiếp hết công đức của sáu căn, nên Kinh nói được hai thứ thù thắng của Như Lai là:

1. Trên kệ hợp từ lực của mười phương Chư Phật.

2. Dưới hợp với tâm bi ngưỡng của chúng sanh trong Lục đạo.

Vì đồng từ lực của Chư Phật, nên Bồ Tát ứng hiện ba mươi hai thứ thân và chín thứ thuyết pháp.

Vì đồng bi ngưỡng của chúng sanh trong Lục đạo, nên Bồ Tát giải tỏa được bảy nạn và đáp ứng được như ý sở cầu, mười bốn thứ vô úy cho chúng sanh.



Phẩm “Dược Vương” nói về thân căn được Nhứt thiết sắc thân tam muội, chỉ nêu tên mà chưa nói rõ tướng kia, còn Diệu Âm chỉ cho thiết căn. Tuy đã chỉ bày tướng ấy, nhưng chỉ hiện rõ sự từ hóa của Bồ Tát, mà chưa đề cập đến vấn đề bi ngưỡng ra sao.

Trong đây nói: *Từ* là thuyết pháp và ban vui, *Bi* là tâm thanh cứu khổ. Như thế ba nghiệp đều gọi là *Diệu*, nhưng ngầm hiểu ba nghiệp tuy có chia hơn kém, nhưng tất cả cùng hoằng truyền Diệu Pháp. Thuyết pháp chỉ có thân và khẩu, còn cứu khổ chúng sanh thì sáu căn đồng ứng hiện, nên gọi là “Phổ Môn”.

- **Hỏi:** Sao gọi là “Phổ Môn”?



- **Đáp:** Trước hết nêu danh nghĩa, nếu chúng sanh bị khổ ép ngặt bức bách, thành tâm xưng danh hiệu Bồ Tát, Ngài liền quán sát âm thanh kêu cứu ấy rồi chúng sanh liền thời được thoát khổ, đâu chẳng phải là khắp ứng ư? Vì thế gọi là Phổ Môn.

*Dầu vào lửa lớn không thể đốt cháy, ý nói thấy và biết thuộc về tánh hóa, hóa thuộc về tâm. Nếu tâm duyên với ngoại cảnh, thì liền bị tâm năng, cảnh sở nó che khuất chơn tánh, nên bị cảnh thiêu đốt. Hành giả mỗi niệm phản quán trở về tâm không, cảnh tịch, đó là không bị lửa thiêu đốt.*

Xưa ngài Linh Nhuận pháp sư cùng với đạo chúng dạo núi. Tự nhiên thấy lửa ở đồng trống bay tấp đến, các



đạo chúng khuyên Ngài tránh đi, nhưng Ngài vẫn bình ổn thản nhiên, vẫn đi bình thường và nói: “*Ngoài tâm không lửa, lửa thật tự tâm mình*”. Nếu bảo thấy lửa nên tránh, lửa không thể tránh được, lửa đến rồi diệt, há chẳng phải do sức phản quán ư? Xưa ngài Thông Thiên sư ở đất Thạch Môn, bị quan Thái thú quở trách, xô Ngài xuống nước, nhưng thấy Ngài không bị chìm. Đây cũng là do sức phản quán, quán trở về tự tánh.

*Bị nước lớn làm trôi dạt, xưng danh hiệu Quán Thế Âm, ý này chỉ rõ âm thanh thuộc về thủy là tiêu biểu cho nước ái. Mỗi niệm thường trở về thì căn trần liền tiêu dứt, tâm ái giảm dần, nên bảo rằng thoát nạn lên chỗ cạn là vậy.*



*Cầu vàng bạc bảy báu, v.v..., ý nói hành giả lặn trở về biển tâm để cầu báu vật, chính là chỉ cho pháp báu tự tánh sẵn đủ. Hắc phong là chỉ cho gió vô minh, nó hay khiến cho hành giả bị chướng ngại đạo giải thoát. Quỷ La Sát chỉ cho ác tâm phiền não nổi lên, người tu hành nếu tâm đắm trước cảnh vật, thì bị quỷ La Sát phiền não ám hại nhiều loạn. Nếu hành giả biết mỗi niệm trở về phản quán tự tánh, thì phiền não tự dứt, nên bảo rằng không bị hại.*

Xưa có vị Tướng công ở đất Hiệp hỏi Thiên sư Tử Ngọc Thông rằng: “*Thế nào là hắc phong phiêu đọa nước La Sát*”. - Thiên sư bảo: “*Tướng công ! Làm việc xứ Hán, đồng với việc làm khách xứ Ngạt có khác gì?*”. Vị Tướng công liền biến sắc mặt. Thiên sư nói:



“Đó là trôi dạt vào nước quý La Sát, há chẳng phải La Sát là phiền não hắc phong: Vô minh là gì?”.

*Lâm dương bị hại*, nghĩa là ngay khi căn và cảnh xúc đối, nếu bình tâm xưng danh hiệu Bồ Tát, mỗi niệm phản quán liền thấy tâm không cảnh tịnh, cảnh đối nghịch tự tiêu. Nên nói: “*Đạo tâm đoạn đoạn hại*”.

Xưa Thái Võ Đảo đời nhà Ngụy nghe lời xâm tâu của Thôi Hạo, nên giết hết các Sa môn trong nước. Một hôm Pháp sư Đàm Thi mang tích trượng đến đứng trước cung vua, vị quan coi cửa thấy thế, bèn vào tâu với nhà vua. Võ Đảo liền sai quân Pháp đem chém Pháp sư, Pháp sư thản nhiên không lo sợ, cuối cùng không bị tổn thương.



Như Cảnh Đức sắp bị hành hình, tự nhiên đao trượng tự gãy, cũng là do sức phản quán tự tâm mà được. Còn nói ba ngàn đại thiên cõi nước đầy các giống quý trong đó như Dạ Xoa, La Sát, v.v... Nói rằng: *“La Sát là chỉ cho phiền não tâm của chúng ta, còn quý Dạ Xoa trong cõi nước này chính là những con người có tâm niệm xấu ác, muốn nào hại người khác, bằng cách tìm tòi lỗi dở của người khác để kẻ gạch chỉ trích”*.

Khi gặp nạn xung niệm danh hiệu Bồ Tát ấy là tâm thiện phát sanh. Bấy giờ cảnh xấu tự nhiên tiêu vong. Nếu chúng ta đem tâm xấu để đối đãi nhau, tất nhiên cảnh ác càng tăng, chắc chắn hậu quả không thể thoát khỏi cảnh bất trắc. Nếu chúng ta chỉ nhất tâm niệm nghĩ đến điều lành, làm điều tốt, thì chắc



chấn trong tâm kẻ ác tự khổ, không hại được. Đây là biểu tượng chế ngự hàng phục nội và ngoại La Sát quỷ.

Xưa hai ông Lân Tương Như và Liên Phả Công cùng là bề tôi của vua nước Triệu. Phả Công là người tự thị công cao, hay ganh ghét và hạ nhục Tương Như. Tương Như luôn né tránh Phả Công, tự nhiên Phả Công biết lỗi, bèn vác cỏ đến tạ lỗi với Tương Như. Đây cũng là phương kế chạy chôn nghịch cảnh, nghĩa là chúng ta khi gặp cảnh nên bình tâm là thắng kế, đừng chạy trốn.

*Nữ giới già tảo, kiểm hệ kỳ tâm.*  
Nữ giới già tảo là chỉ cho ngũ dục, lục tình, danh lợi. Nếu ta để tâm tham đắm thì bị nó trói buộc, khó ra khỏi sanh tử



khô. Nên hành giả chúng ta phải luôn phản tỉnh bình tâm, niệm một niệm danh hiệu Bồ Tát, đó là ta đi trên con đường trở về bản tâm. Bấy giờ khô nào không còn chi phối được nữa, ngược lại không biết tu hành thì bị lợi danh trói buộc cũng như gông cùm. Nếu biết lợi danh không thực, thì gông cùm ngũ dục tự tiêu tan.

Xưa ngài Thiên Nhiên vào kinh đô Trường An để tấn quan, đi đường tình cờ gặp vị Thiên sư. Thiên Nhiên hỏi vị Thiên sư: “Đến Trường An đi lối nào?”. - Thiên sư hỏi lại Thiên Nhiên: “Người đến Trường An để làm gì?”. - Thiên Nhiên đáp: “Để tuyền quan”. - Thiên sư nói: “Tuyền quan không bằng tuyền Phật”. - Thiên Nhiên hỏi: “Tuyền Phật ở đâu?”. - Thiên sư đáp: “Há không



nghe ở Giang Tây có Mã Tổ Đại sư khai  
tuyên Phật trường ư?”. Thiên Nhiên  
nghe thế xong liền phát tay và đi đến  
Giang Tây. Ngài Tịch Âm nói: “Thiên  
Nhiên giống như Hương Tượng Vương,  
đã thoát sự ràng buộc của danh lợi,  
được tự do tự tại”. Thế đủ biết, danh lợi,  
ngũ dục, há chẳng phải gông cùm xiềng  
xích là gì?

Các người thương buôn mang các  
thứ vật quý báu đi qua những con đường  
hiểm nạn, là chỉ cho những người trì  
Kinh Pháp Hoa trong thời ác. Vì kinh  
này là trân bảo tối thượng xuất thế gian,  
nên gọi là vật báu. Vì đời ác nhiều kẻ tà  
mạn, chẳng những không tin còn khinh  
khì hủy báng, nên nói đó là đường hiểm.  
Ở đời mạt ác, nếu có người trì tụng Kinh  
này, phải biết đây là Phật phó chúc việc



hoàng Kinh, phải đủ ba Pháp. Khi ấy, trong hư không phát ra âm thanh bảo rằng: “*Mỗi mỗi phải kiên trì, nhẫn nhục hoàng Kinh*”.

*Xưng danh hiệu Bồ Tát được giải thoát, ý nói hành giả gặp việc khó phải kiên trì nhẫn nhục, thì bọn tà mạn kia không thể làm hại được. Như Bồ Tát Thường Bất Khinh trì Kinh Pháp Hoa, thường bị người ta chẳng những mắng nhiếc phỉ báng, mà còn đánh đập, nhưng Ngài vẫn nhẫn nhục. Cuối cùng chẳng những không bị nã loạn mà họ còn theo thọ hóa lời dạy của Ngài. Hành giả lấy đó làm kinh nghiệm, bảy nạn vượt qua đều do sức phản quán tự tâm mà thành tựu.*

Hành giả sau khi ngộ nhập rồi, mỗi niệm từng sát na thâm nhiếp để nghiệm



xét. Nếu căn cứ vào sự để giải thích sự mong cầu ở người khác, cho đến ngàn đời mỗi mỗi niệm lần lần trở thành xa. Chi bằng quán tâm trở về tự mình, rất thực tiễn và chánh yếu.

Sau đây nói đến trừ tam độc (*tham, sân, si*) và nhị cầu (*phước đức, trí tuệ*), mười bốn thứ vô úy cùng mười chín thứ thuyết pháp. Tất cả đều là cảnh của tự tâm, ý nói hành giả phải tự chuyển hóa tâm mình và tùy thuận quán chiếu. Nếu hành giả thực hiện được như thế thì siêu vượt hơn các thứ cúng dường. Vì cúng dường vật chất dù nhiều đến đâu vẫn thuộc về hữu lậu, còn nhất niệm phản quán trở về tự tánh là phước vô lậu. Nên nói, có sáu mươi ức Bồ Tát thọ trì là vậy.



Hành giả nếu trọn đời đem vật chất cúng dường và thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, cho đến hằng lễ bái cúng dường. Ba sự kiện trên, công đức bằng nhau không khác. Nếu biết mỗi niệm phả quán việc trở về tự tâm thì công đức vượt hơn tất cả.

*Giải cảnh chúng bảo bảo châu anh lạc*, nghĩa là Bồ Tát Quán Thế Âm do được nghe mọi người tán thán khen ngợi công đức của Phật, nên cõi báu vật chuỗi anh lạc trên cổ dâng lên cúng dường Phật, trải qua một kiếp cho đến nhiều kiếp như thế. Đây là biểu hiện trí và hạnh đã tích lũy đầy đủ, đem lòng từ bi hồi hướng cho tất cả chúng sanh. Vì trí hay phá trừ sự tăm tối vô minh, như hạt minh châu phá trừ sự tối tăm, khả



năng thực hành liên tục, như chuỗi hạt châu anh lạc.

*Bồ Tát không nhận, ý nói trong cõi viên thông thì vô sở thọ. Tuy vô thọ nhưng cũng không ngăn ngại nơi thọ. Vì thế Phật khuyên Bồ Tát thọ nhận, thọ rồi tùy thuận nên cúng dường hai vị Thế Tôn. Do lòng từ bi y vào hai trí quyền và thực để kiến lập như thế. Vô Tận Ý Bồ Tát và Quán Thế Âm Bồ Tát ở nơi người là báu trọng, nói pháp là bi trí, đều không ngại tự tâm. Học giả cần phải hiểu và biết ý thú của Kinh điển.*





# PHẨM ĐÀ LA NI

(Thứ Hai Mười Sáu)

**Đ**iệu Pháp chính là tự tâm vi diệu của mỗi chúng sanh. Tâm này ly tất cả danh tướng, hình dáng, dấu vết, v.v... Tâm này vẫn tự và ngôn ngữ không thể phô bày, luận bàn được, nên nói Pháp này không thể chỉ bày tướng ngôn từ tịch diệt, không thể dùng lời lẽ phô diễn, cũng không thể dùng tâm suy lường phân biệt để hiểu được. Vì Pháp này nghĩa nó sâu xa vi diệu, ít có người tin nổi.

Do đó, nói dụ như hạt minh châu trên đánh nhà vua ban cho mọi người.



Tất cả đều kinh sợ, như trân bảo trong kho tàng nhà vua giao phó cho mà không đủ can đảm để nhận lãnh. Họ liền ngã quy xuống đất và kêu oan. Hay như gặp thầy thuốc giỏi trị lành bệnh, trái lại tâm ngu cho là thuốc không hay, không tâm tôn trọng nghĩ là thầy thuốc dối gạt. Pháp này thật khó tin, phần nhiều gặp sự oán ghét, chê bai, phỉ báng, nên Phật nói đủ thứ lợi ích của sự trì tụng và cũng nói rõ lỗi phỉ báng của những người không đủ niềm tin Đại pháp, sanh tâm chê bai người trì Kinh. Phật ân cần khuyên nhắc người hoằng truyền Kinh này cần phải đủ ba Pháp.

Bồ Tát Dược Vương thâm hiểu ý Phật, nên nói thần chú hộ trì người trì Kinh ở đời mạt, xa lìa ma chướng. Thần chú Bồ Tát nói ra, chú này hoặc là sáu



mười hai ức hằng hà Chư Phật đã nói, hoặc bốn mươi hai ức Chư Phật đã nói. Ý này hiển rõ Phật đã truyền trao mạng lệnh chú này, để hộ trì người hoằng truyền Kinh.

Hành giả cần hiểu chương nạn hoằng Kinh từ xưa còn vậy, há riêng gì ở đời sau. Nếu không được các vị Thánh Hiền, Thiên Thần ủng hộ, thì sau Phật nhập Niết-bàn, người hoằng trì Kinh này muốn không có chương nạn thì làm sao không có chuyện ấy được (thực vô hữu thị xứ).





# **PHẨM DIỆU TRANG NGHIÊM BỒN SỰ**

**(Thứ Hai Mười Bảy)**

**Ph**ẩm này nói rõ bốn sự của Bồ Tát Dược Vương. Vì cội đức nhơn tu của Ngài là cầu pháp, nên cúng dường Phật. Thế nên, tên phẩm tuy là “Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự”, nhưng thực ra đã hiển rõ sự khéo léo việc độ sanh của hai vị Bồ Tát Dược Vương và Dược Thượng.

Từ xa xưa, từ nhiều kiếp đã tu nhơn, hai vị này đã từng là Tỳ-kheo kết bạn với nhau đồng hành. Một hôm hai vị Tỳ-kheo này đi khất thực, tình cờ gặp



lúc nhà vua đi kinh lý. Vị Tỳ-kheo bỗng chợt khởi tâm ham muốn ngũ dục lạc, nên tâm không còn kính ngưỡng ngôi Tam Bảo nữa. Trong số bốn vị đồng hành ấy, nay đã giác ngộ Phật đạo, được giải thoát. Bồ Tát vì muốn cứu bạn, hai vị Tỳ-kheo nguyện vào làm con nhà vua, để chuyển tâm tà của nhà vua trước là bạn đồng hành, nay là Diệu Trang Nghiêm Vương. Thế nên, tu hành cũng cần biết phương pháp hóa độ chúng sanh, cũng có đa diện, không phải đơn giản. Nếu Bồ Tát chưa đủ đạo lực, thì chẳng những không chuyển hóa được đối tượng nghịch cảnh mà còn bị nghịch cảnh lôi kéo mình là khác.

Như Bồ Tát Thường Bất Khinh hóa độ tứ chúng. Dù dùng lời tán thán khen ngợi họ, nhưng họ vẫn không bằng



lòng, còn dùng lời mắng nhiếc xỉ nhục lại. Thế đủ biết nhọc công tốn phí tinh thần.

Bồ Tát Đại Trí Văn Thù hóa độ Long Nữ. Dược Vương, Dược Thượng chuyển tâm tà của Diệu Trang Nghiêm Vương, muốn khiến cho họ tin hiểu đâu phải đơn giản. Vì căn cơ có cạn, có sâu. Vấn đề thọ hóa của chúng sanh cũng có khó, có dễ. Nên phương tiện thiện xảo của Bồ Tát cũng phải đa dạng mới thành tựu sự nghiệp độ sanh.

Còn nói danh hiệu Đức Phật ở cõi nước tên Quang Minh Trang Nghiêm, Phật hiệu Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí, kiếp tên Hủy Kiến. Nhà vua nước ấy tên Diệu Trang Nghiêm Vương, phu nhân của nhà vua tên Tịnh Đức, Bồ Tát



đầu thai sanh vào nhà vua Tịnh Đức. Đoạn Kinh văn trong phẩm “Diệu Âm”, Phật hỏi việc làm xa xưa của Bồ Tát Dược Vương ở thế giới tên Tịnh Quang Trang Nghiêm Phật. Cõi ấy tên là Tịnh Hoa Tú Vương Trí, cõi ấy có Bồ Tát tên là Diệu Âm. Về quá khứ có Phật tên Vân Lô Âm Vương, cõi nước tên Hiện Nhứt Thiết Thế Gian, kiếp tên Hỷ Kiến. Hai đoạn văn trên đây, chúng ta thấy đều là việc nhứt quán.

Nếu căn cứ vào sự đề nói, thì Diệu Trang Nghiêm là một ông vua, phu nhơn nhà vua là người nội trợ. Tịnh Tạng, Tịnh Nhân là hai người con bảo trì gia nghiệp.

Còn căn cứ vào lý đề luận bàn, thì Diệu Trang Nghiêm Vương là Phật tánh



sẵn có của mỗi chúng sanh. Tịnh Đức  
phụ hơn là tiêu biểu bản tánh sẵn đủ vô  
lượng công đức không thể nghĩ bàn.  
Tạng thức thanh tịnh nên gọi *Tịnh Tạng*,  
pháp nhãn thanh tịnh tên gọi *Tịnh Nhãn*.  
Nghĩa là Phật tánh của chúng sanh sẵn  
có đầy đủ vô lượng tánh công đức. Nên  
xưa nay vẫn được tự tại tốt đẹp trang  
nghiêm, không phải do tu hành mới  
thành tựu.

Bởi chúng sanh bất giác vọng  
niệm khởi, vọng khởi, lại sanh tâm chấp  
đắm, liền rơi vào tà kiến. Nếu người tu  
hành không biết chuyển hóa nội tâm trở  
về chánh niệm, thì không bao giờ tâm  
thanh tịnh, không thành Diệu Trang  
Nghiêm được. Pháp nhãn không thanh  
tịnh thì không thành Diệu Trang  
Nghiêm. Thế nên, phải nhờ chuyển tạng



thức khai pháp nhãn, vạn đức thanh tịnh, rồi sau Diệu Trang Nghiêm Vương mới tự tại vô ngại. Tóm kết đoạn Kinh này theo Kinh Lăng Nghiêm gọi là “Diệu Trang Nghiêm”, Kinh Hoa Nghiêm gọi là “Diệu Nghiêm”.

Hành giả nếu muốn nối dòng Vương vị, ắt phải theo y phương thức này tu hành, rồi sau mới có thể đạt đến chỗ viên mãn cứu cánh sở nguyện.

Còn về phần phát khởi phẩm Kinh, từ đây sắp xuống, nêu rõ đức của hai người con đã đầy đủ hai trí quyền và thực. Đối với giáo pháp Tiểu thừa và Đại thừa, họ đều thông rành rõ suốt, nên tất đại đều được thanh tịnh tam muội.

Do chuyển nhiễm thành tịnh, nên được Tịnh tam muội; chuyển hóa được



tâm tham đắm, nên được Nhứt Thiết Tinh Tú tam muội; do chuyên được sắc pháp, nên được Tịnh Sắc tam muội; do được trí tuệ vô lượng, nên được Chiêu Minh tam muội; do được phước đức không ngăn mé, nên được Tướng Trang Nghiêm tam muội; do oai đức vô cùng, nên được Đại Oai Đức tam muội. Tất cả các tam muội trên đây đều do chuyên bảy thức trước mà thành tựu.

Phật vì muốn dẫn dắt nhà vua vào cảnh giới Đại thừa, nên Ngài nói Kinh Pháp Hoa, để khai phát lòng tin của nhà vua. Kinh nói: “*Phật chủng tùy duyên khởi. Vì thế nói Đại thừa*”.

Khi hai người con Tịnh Tạng và Tịnh Nhân khuyên mẹ đến nghe pháp. Mục đích muốn hóa độ Phụ Vương, mà



thỉnh người mẹ trước. Vì người mẹ là đầu mối phát khởi, lần lần huân tập để lãnh đạo. Hoàng hậu bảo hai con: “Sao không thỉnh Phụ Vương con trước? Phụ Vương tà tâm, theo ngoại giáo Bà La Môn quá thâm trọng, lại thêm ngã mạng công cao, nên tâm chấp tà pháp quá nặng, sao không khuyên hóa Phụ Vương đến chỗ Phật để nghe pháp?”, và bà nói: “Nếu các con muốn ta đến chỗ Phật nghe pháp, thì phải khuyên cha con đồng đi”. Bởi vì bà đã biết rõ tâm lượng nhà vua tin sâu tà pháp ngoại đạo, ít muốn ra mắt Phật (ý nói chưa có niệm trở về), nên bà kích phát các con để dẫn dắt là vậy.

Hai người con nghe thế rồi sanh tâm buồn rầu liền thưa với mẹ rằng: “Chúng con là con đáng pháp vương,



đầy đủ chánh tri, chánh kiến, thâm tín Phật pháp, lại phải sanh vào nhà tà kiến. Mẹ bảo các con nên nghĩ đến Phụ Vương của các con. Vì ông đã tin sâu tà giáo, thâm nhập tà đạo. Hai con phải lo nghĩ việc này, bằng cách hiện thân thông biến hóa, để hóa độ ông. Nếu không chuyển hóa được tâm tà của ông, thì khó lòng cho mẹ con chúng ta đến chỗ Phật và khó lòng cho các con xuất gia tu đạo”.

Tịnh Đức phu nhơn là tiêu biểu cho đạo lực nội huân, đạo lực nội huân được sung mãn kiên cố rồi, thì chánh tri, chánh kiến, tự phát. Hành giả khi đã được chánh tri, chánh kiến. Bảy giờ lực vô minh của tiềm thức không phá cũng tự tiêu dung.



Đến đây, hai con khuyên hóa Phụ Vương ra mắt Phật không còn trở ngại nữa, nên bảo rằng: “*Nhờ thần lực biến hóa của hai con, mà chuyển đổi tâm tà của Phụ Vương không phải khó*”.

Vì tâm phát sanh đạo lực thần thông biến hóa cũng là chỗ tà tâm phát sanh. Hành giả phải hiểu ngay nơi hiện thần thông, nếu không có tà kiến thì dù có thần thông cũng không có chỗ hiển bày.

Khi nhà vua thấy được thần thông biến hóa của các con, tâm ông rất vui mừng. Vì căn lành nhiều đời khi gặp thiện cảnh tự nhiên phát kính tâm, và hỏi các con rằng: “*Thầy các con là ai? và hiện giờ ở đâu?*”. Hai con trình bày giáo pháp của Phật. Vì đã dùng thần



thông biến chuyển được tà tâm của Phụ Vương rồi. Nên tiếp theo, dùng pháp thủy để rửa cấu tâm cho ông, và dẫn ông đến ra mắt Phật. Ông nói: *“Ta rất muốn thấy Phật”*, ý này hiển rõ cấu tâm của hành giả toàn tịnh, nhờ pháp lực của Phật mà thành tựu. Kinh nói: *“Bấy giờ, chính giờ phút đến chỗ Phật nghe pháp là cơ duyên phát minh đại sự, chớ chẳng phải là việc nhỏ”*.

Sau khi hai người con đã chuyển hóa tâm tà của Phụ Vương xong, liền xin mẹ đến chỗ Phật để xuất gia. Sở dĩ thưa mẹ, vì biết mẹ căn lành đã thuần thực. Đây là hiển rõ ý mẹ và con đặng cơ hợp pháp. Nên người mẹ hứa cho đi và đồng thời khuyến hóa cha các con cùng nhau đến chỗ Phật và nghe pháp.



Khi ấy, Đức Phật Vân Lô Âm Vương đang nói Kinh Pháp Hoa. Hai người con khuyên Phụ Vương mau đến đễ cúng dường thân cận chớ nên bỏ qua. Vì từ nhiều kiếp đã gieo căn lành thâm tín Tam Bảo, nay sanh ra mới gặp được Phật pháp. Vì Phật pháp khó gặp, chần chẫn Phụ Vương sẽ hoan hỷ và phát khởi thiện tâm đến gặp Phật. Ý đoạn này muốn nói rõ nhân duyên của hành giả đã thuần thực, tất cả đều là quyền thuộc của Giác ngộ, Bồ-đề, Giải thoát. Như Kinh nói: “*Toàn gia hội tụ, đồng thuyết lời vô sanh*”.

Do được khai Phật tri kiến, nên được Pháp Hoa tam muội; do xả tàng thức, nên được Viên Ly Ác Thú tam muội; do biết được tạng bí mật của Như



Lai, nên được Tập Phước Vương tam muội.

Đoạn sau đây nói hai người con nêu ra phương tiện, nghĩa là hai người con làm tăng thượng duyên. Vì Diệu Trang Nghiêm Vương đã tin ngoại giáo, không thâm tín Phật pháp, không đủ lòng tin chánh giáo. Ý này muốn nói rõ, chúng ta tu hành, dù sẵn có Diệu Trang Nghiêm làm chánh nhơn, nếu tàng thức chưa thanh tịnh, pháp nhãn chưa được khai mở, tịnh công đức chưa đủ, tất nhiên Diệu Trang Nghiêm vẫn bị mai một.

Thế nên biết, khi chánh nhơn sẵn đủ, lại được trợ duyên tăng thượng, thì chỉ trong khoảnh khắc liền được nhập đạo, nên văn sau nói đồng thời thấy Phật.



Đây là đậu cơ thính pháp. Hành giả khi tâm đã thuần thực rồi, tự nhiên cắt ái ly gia, thành tâm cúng Phật.

Khi ấy, hai người con biết tâm Phụ Vương đã ái kính ngưỡng mộ Phật, nên dùng thần lực hóa đài hoa và hóa Phật hiện ngồi trên đó thuyết pháp, giáo hóa nhà vua. Bấy giờ, Diệu Trang Nghiêm Vương thấy được thân Phật qua tướng hảo vi diệu, trở lại quán sát thấy thân mình là uế trược. Vì từ trước tới giờ, nhà vua cho thân quốc chủ là địa vị tối thượng. Đến nay tỏ ngộ Phật pháp, mới thấy thân mình là huyễn mộng không thật.

Do đó, Phật thọ ký cho ông và nói: *“Nếu nhà vua làm Tỳ-kheo sẽ thành Phật”*, chính là muốn khiến ông xả bỏ



vương vị, xuất gia tu hành tấn đạo mà thôi.

Nhà vua nghe Phật nói thế, cảm nhận được lẽ thực.

Ông bèn giao phó quốc sự cho người em, rồi xuất gia tu hành. Chẳng những ông xuất gia, mà tất cả quân thần, quyền thuộc, phu nhon, thê nữ hậu cung cũng đồng quyết liệt dũng mãnh phát tâm xuất gia tu hành.

Đoạn này nói rõ hành giả đã liễu ngộ tiên nhon, trở về với bản tâm thanh tịnh của mình, nên tán thán hai con. Nghĩa là khi tâm trí còn mê muội chưa tỏ ngộ, sau khi tỏ ngộ rồi, mới nhận ra cái của mình sẵn có.

Đến đây, nhà vua cùng hai con thấy nhau, liền được Như Lai ấn chứng,



và bảo người từ xa xưa đã trồng căn lành, nên nay được nhập Bồ-đề tam muội, đều do lực thiện tri thức. Đó là phát minh bồ xú của hai người con.

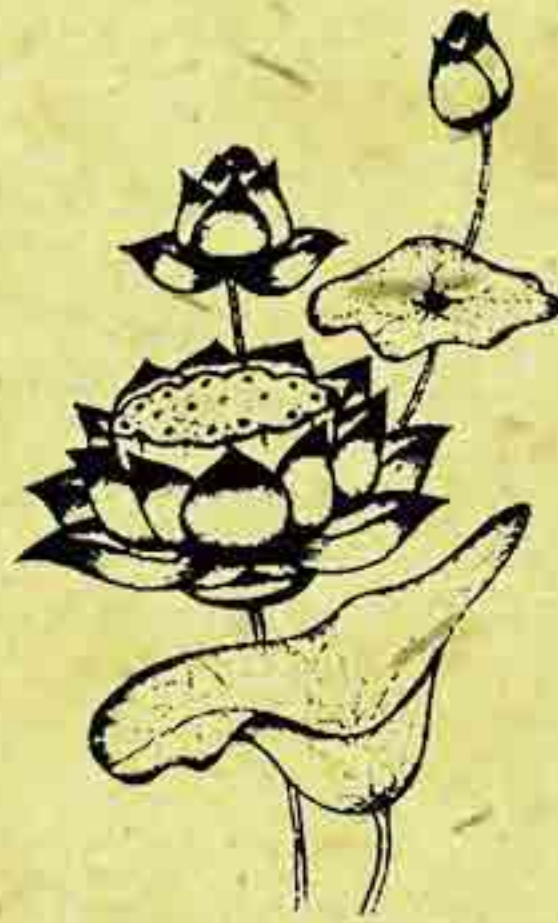
Đoạn trên đây là nhà vua tán thán khen ngợi Phật và nhận ra được rằng, khi chưa được gặp Phật, thì ông cho ngôi vua là tối thượng tốt đỉnh không ai bằng.

Sau khi được gặp Phật, mới biết Như Lai thành tựu vô lượng công đức, mà còn răn nhắc chúng ta hàng ngày, khiến cho chúng ta được an lạc giải thoát. Nay ta được nghe chánh giáo của Như Lai, không theo tâm lượng của mình, mà nghe bằng trí tuệ trực giác.

Đây là Diệu Trang Nghiêm, từ chỗ không biết Phật, nay được thấy Phật,



ssanh tâm ái kính ngưỡng mộ, hết lời tán thán. Ý này nói rõ, tất cả chúng ta đều không định tánh, nếu gần cảnh xấu thì bộc lộ thói xấu. Ngược lại, được thân gần thiện hữu tri thức thì trở thành người tốt.





# PHẨM PHỔ HIỀN BỒ TÁT KHUYẾN PHÁT

(Thứ Hai Mười Tám )

Các thánh chúng trong hội Hoa Nghiêm, hầu hết đã ngộ được biển tánh Tỳ Lô, nhưng chưa thể nhập được hạnh môn Phổ Hiền. Nên đề Phổ Hiền Bồ Tát ở trước, đề cho pháp chúng phát khởi hạnh môn Phổ Hiền. Sau đề Văn Thù Đại Trí đề sau.

Còn pháp chúng trong hội Pháp Hoa, hầu hết là căn cơ Tam thừa, còn mê nơi biển tánh, chấp mắc nơi am chanh. Phật phải dùng đủ thứ ngôn từ dẫn dụ họ, đề lần lần tiến tới Bảo Sở. Nếu bậc Thượng thủ không phải là trí



tuệ sắc bén, thì không thể lãnh hội được. Do đó, để Văn Thù ở trước và Phổ Hiền ở sau.

Xưa, các vị Bồ Tát ba phen cầu gặp Bồ Tát Phổ Hiền, bằng cách thế nhập tam muội cũng không gặp được.

Phật mới dạy khiến cho tâm niệm tưởng đến Phổ Hiền, thì sẽ thấy Phổ Hiền Bồ Tát ngồi gần bên Phật. Như thế, thấy rõ Phổ Hiền Bồ Tát luôn luôn ở gần bên Phật.

Tại sao trong văn Kinh lại nói Bồ Tát từ phương Đông mà đến? Vì phương Đông là nơi chấn động, chấn động cũng như rung động, như làm trưởng nam gánh vác việc lớn. Tất nhiên có lực oai đức tự tại để bảo trì Pháp Bảo, nên Phật Sở Y hiệu là Bảo Oai Đức Thượng



Vương. Vì đảm trách mọi việc, nên được tất cả Bô Tát và Trời, Rồng, Bát bộ, v.v... mưa hoa trời nhạc đến cúng dường.

Vì Ngài là người nối dòng ba nghiệp, nên hỏi Phật. Sau khi Ngài diệt độ, những người tu hành làm thế nào để được Kinh Pháp Hoa. Phật dạy: “*Muốn được Kinh Pháp Hoa, phải thành tựu bốn pháp*”. Bốn pháp ấy là:

1. Các Đức Phật hộ niệm.
2. Vun trồng cội công đức.
3. Vào địa vị chánh định.
4. Phát tâm cứu hộ tất cả chúng sanh.

Bốn pháp này cùng với ba món tín thành tựu trong luận Đại thừa khởi tín rất đồng.



- Vì trực tâm là chánh niệm chơn như, đây nói Chư Phật hộ niệm.
- Thâm tâm là chứa nhóm tất cả công đức lành, đây nói vun trồng tất cả cội đức.
- Đại từ bi tâm, vì muốn cứu khổ tất cả chúng sanh, đây nói phát tâm cứu độ tất cả chúng sanh.

Trong Luận nói: Tín tâm thành tựu phát tâm như thế. Đó là vào chánh định tu vậy. Thành tựu bốn pháp trên đây, ví như người con cả trong gia đình, đầy đủ đức hạnh và hiếu nghĩa, được cha mẹ tin cậy, giao phó trọng trách bảo quản gia nghiệp. Như Kinh nói: “*Được Chư Phật hộ trì*”.

Văn sau nói: “*Nếu có người nào đọc, tụng, thọ trì, ghi nhớ, hiếu nghĩa*



*thú của Kinh, như thuyết tu hành, phải biết người này hành hạnh Phổ Hiền”.*

Thế nên, Ta bảo: “*Ngay lúc tướng niệm là đã khai hiển pháp môn trước, còn tư duy phân biệt không thể hiểu*”. Nay khai hạnh môn, thời tư duy phân biệt, mỗi mỗi đều xứng với hạnh Phổ Hiền, liền đó thời Phổ Hiền Bồ Tát cõi tượng vương sáu ngà ở trước người đó. Cũng có chỗ nói, tượng vương là biểu tượng thật tướng; sáu ngà là tiêu biểu cho sáu pháp Ba la mật, nhất niệm tư duy trong thật tướng, đã đầy đủ sáu pháp Ba la mật. Bấy giờ, tư duy chẳng phải là tư duy. Đó là nghĩa *Diệu Pháp*.

\* Như xa xưa, Tiểu Luân Vương do theo nghe Kinh Pháp Hoa với vị Tiên hơn, nên bảo rằng: “*Ta nhờ Đê Bà Đạt*



Đa là thiện hữu tri thức, khiến cho Ta đầy đủ sáu pháp Ba la mật. Đây há chẳng phải một niệm thực hành đầy đủ lục Ba la mật ư?”. Hoặc lại bảo: “Nếu như có chỗ đã nói, cứ y vào lý mà quán, đừng y vào sự. Từ xưa đến nay, cứ như thế không ai là không thấy Phổ Hiền”.

\* Ngài Trí Giả Đại sư lễ sám suốt hai mươi một ngày, thấy được Linh Sơn nhứt hội nghiêm nhiên chưa tan. Ngài Đàm Dục trì tụng Kinh Pháp Hoa, thấy Phổ Hiền Bồ Tát cưỡi voi trắng đến. Thế nên biết rằng: “Có sự thì lý mới hiện, có lý thì sự mới rõ”. Nếu hay đồng hành cả sự và lý, đâu có trở ngại nào mà Phổ Hiền không hiện ra ở trước. Bởi vì, thấy được ngài Phổ Hiền thì được vô lượng công đức như Triền Đà La Ni, v.v...



\* Lại nói: “Ở đời ngũ trược ác thế, nếu Tỳ-kheo muốn tu hành Kinh này, thì trong hai mươi một ngày, siêng năng tinh tấn tu hành, Ta sẽ hiện thân ở trước họ mà thuyết pháp, còn lo người đó bị súc chướng và ma quân nhiễu hại, nên thuyết thần chú hộ trì”. Thế mới thấy Bồ Tát dụng tâm vì chúng sanh, thật tha thiết đến dường nào? —

\* Lại nói: “Bồ Tát được nghe chú Đà La Ni này, đều do sức oai thần của Phổ Hiền, chánh ức niệm chính là Phổ Hiền hạnh”. Nên bảo rằng: “Động chuyển thi vi đều là sức lớn”. Người xưa nói: “Chánh khởi nhất niệm là pháp giới duyên khởi”. Tôi (soạn giả) cho rằng: “Ức niệm tư duy đều căn cứ vào Phổ Hiền, có thể tư duy tin hiểu như thế, thì đã gieo trồng căn lành từ vô lượng ức



Phật, thường được Chư Phật lấy tay xoa đầu. Nếu người chưa có thể thâm hiểu, mà chỉ biên chép, khi mạng chung cũng có thể sanh về cõi trời, hưởng gì người đọc tụng, thọ trì, giải nghĩa tu hành. Người tu hành được như thế, sau khi mạng chung, sẽ được sanh về cõi trời Đâu Suất, thụ hưởng cảnh khoái lạc an vui. Thế nên, người trí không thể không thọ trì, Ta sẽ bảo vệ giữ gìn, thủ hộ, khiến cho họ được an ổn và rộng lưu bố tuyên lưu Kinh này, khiến cho không đoạn tuyệt”.

Do đó, Đức Thế Tôn tán thán công đức trì Kinh, thành tựu không thể nghĩ bàn. Từ lâu xa đến nay, người đã phát tâm vô thượng Bồ-đề, thì mới có thể làm được công đức lớn lao như thế. Nếu người dùng thần lực thủ hộ Kinh này, Ta



cũng dùng thần lực thủ hộ người trì danh hiệu Phổ Hiền.

Bởi vì, Phổ Hiền chính là nhớ nghĩ tự mình đã tư duy, nhớ nghĩ hay tin tự tâm, tư duy ấy là hạnh Phổ Hiền, liền được Như Lai dùng thần lực gia bị. Lòng tin hiểu được như thế, tức là niệm mà phi niệm, ấy là trì Kinh. Người trì Kinh như thế, chính là đích thân nghe Phật nói, khéo hiểu được thật tướng, tâm không bị xa lạc vào lục trần, ấy là cúng dường Phật. Cúng dường như thế là khéo hợp Phật tâm, nên được Phật khen ngợi và dùng tay xoa đầu, đem y trùm đầu.

Người hiểu được Phật, biết được thế gian như huyễn, nên không tham đắm cảnh vui thế gian. Khéo rõ văn tự ngôn ngữ như huyễn hóa, nên không ưa



Kinh sách ngoại đạo, cũng không ưa thân cận thế gian.

Do tỏ ngộ được thân như huyễn ảnh, nên không đùa giỡn với nữ sắc và người xấu ác. Vì đã được chánh tri kiến, nên tâm chất trực ngay thẳng; có đạo lực phước đức, nên không bị tam độc làm não hại; tâm không rong ruổi theo ngoại cảnh, nên thể hiện hạnh thiếu dục tri túc. Người tu hành hạnh Phổ Hiền như thế, chắc chắn không lâu sẽ đến đạo tràng, thành tựu quả vị giác ngộ. Lại biết rõ được người hiện đời, trì Kinh đặc phước. Người chê bai phỉ báng Kinh giáo mắc họa, nên luôn luôn răn nhắc, khiến cho người tu hành biết lựa chọn để khuyến phát.



Đức Phật này, hiện rõ quả địa bất động ba đời tánh không, đâu còn có sanh tử qua lại nữa. Do đó, ý chỉ Kinh Pháp Hoa làm phân lưu thông. Hàng Nhị thừa chấp thân là thực ngã, có sanh tử cần phải ra khỏi, có quả vị Niết-bàn cầu chúng đắc. Đó là một sai lầm lớn. Bồ Tát đốt thân để hiển rõ lời chấp của Nhị thừa là sai lầm. Nếu thật có cái ta, Bồ Tát đốt thân còn ai ra khỏi sanh tử, ai chúng Niết-bàn. Ngoại đạo chấp thân là vô ngã, khi chết là hết, không còn gì sanh trở lại, mà Bồ Tát đốt thân lại hóa sanh, thì đâu phải đoạn diệt ư?

Kinh Lăng Nghiêm, Phật bảo nhà vua Ba Tư Nặc đem lý này (ngoại đạo) để so sánh, quan niệm của họ cho rằng, thân này chết rồi, quyết định đoạn diệt, không còn gì cả. Đức Thế Tôn bèn dùng



tỷ lượng cho ông cảm nhận, quán xem nước sông hằng vốn không có sanh diệt, như Bồ Tát Dược Vương đốt thân để chỉ rõ cái sanh diệt và không sanh diệt rất là minh bạch, nên Bồ Tát Dược Vương trở thành vua thuốc của chúng Người, Trời.

*Bồ Tát xin vua cha đến chỗ Phật,* là biểu hiện rõ từ nhơn hướng quả. Phật thấy cha con Bồ Tát rồi liền xướng diệt độ, là biểu tượng nhơn thành quả mãn. Ví như các hạt lúa gieo xuống đất, khi mầm mọc nảy sanh thì hạt lúa tiêu vong. Ý này hiển rõ diệt mà bất diệt (diệt võ bọc bên ngoài, còn cốt lõi hạt lúa nảy thành mầm, tồn tại sang hình dạng khác).

*Bồ Tát buồn râu áo não,* nghĩa là buồn vì con mắt huệ thế gian đã mất, cảm



nhận tâm truyền, nên xây tám muôn bốn ngàn tháp để thờ Xá lợi, khiến cho người đời sanh lòng kính ngưỡng báo ơn Phật.

Vì thế, **Bồ Tát** nghĩ tâm cúng dường còn chưa đủ. Vì pháp chưa quên, các thứ cúng dường trên đây còn thuộc vào hữu vi của thế gian, nên nói là chưa đủ. Nếu đem tâm cúng bằng cách đốt tay, thì được trăm phước trang nghiêm. Đốt tay là biểu tượng phá trừ ngã chấp. Pháp có khuôn phép của nó, tay có khả năng nắm bắt, nên trước phá ngã chấp. Y vào pháp quán mười hai nhơn duyên mà bảo rằng: Tu tập thời gian một ngàn hai trăm năm, vì hai thứ chấp này, y vào Đệ thất thức. Nếu hành giả muốn phá nó, cần phải phá thức thứ bảy. Nên nói: “*Bảy muôn hai ngàn năm*”.



Hàng Nhị thừa tuy đã phá được sáu thức trước, nhưng thức thứ bảy vẫn tồn tại. Lại không tin có thức thứ tám, nên chấp thức này là Niết-bàn. Khi nào thức thứ bảy được phá trừ, thì tự nhiên thức thứ tám hiển lộ.

Bảy giờ, hành giả mới thấy rõ thức thứ tám này, hàm chứa tất cả hột giống thế gian và xuất thế gian. Hột giống ấy là nhơn chủng, của mỗi chúng sanh, đều có thể thành Phật. Thế nên, khiến cho vô số chúng Thanh Văn đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề, được Nhứt Thiết Sắc Thân tam muội.

Bảy giờ, tất cả chúng Người, Trời, thấy Bồ Tát không có tay, họ sanh lòng buồn rầu và khóc lóc. Việc Bồ Tát độ chúng Người, Trời, thuộc về phần tu



hạnh hữu vi, còn việc dùng thân cúng dường mới là hạnh chính yếu của Bồ Tát. Nay hạnh hữu vi đã phá, ví như mất một tay, nên bảo là thân không đầy đủ. Bồ Tát quyết tâm xả hữu vi, để thể nhập vô vi, để cầu Nhứt Thiết Chung Trí. Trí này tuy vô vi, nhưng không có việc nào là không làm, nên nói: *“Ta xả bỏ hai tay, ắt sẽ được thân Phật sắc vàng, và nói quả quyết nếu lời nguyện này của Ta không luống dối, thì khiến cho hai tay Ta hoàn phục như cũ”*. Đây hiển rõ hành giả đã phá tâm chấp, không phải phá pháp tu. Nếu hai thứ chấp đã phá hết rồi, thì vô minh không phá cũng tự dứt.

Khi ngã và pháp đã phá hết, thì đất liền có sáu thứ chấn động, trời mưa hoa báu. Đây là biểu tượng mê tâm đã chuyển hóa thành giác tâm. Hai bịnh



chấp không còn, nên mới quyết tâm đốt thân và cánh tay để thể nhập vào cảnh giới ngã pháp song vong, cảnh giới Bồ Tát. Bồ Tát đã thể nhập vào cảnh giới ngã pháp câu không, mới trở thành lương y của mọi chúng sanh, nên được danh hiệu là Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến, chính là Bồ Tát Dược Vương không ai khác. Vì vô minh của chúng sanh còn nguyên vẹn, hàng Tam thừa chỉ mới phá được chút phần. Bồ Tát phá từng phần, Chư Phật thì hoàn toàn tận diệt.

Hàng Tam thừa phá được một phần rồi mới tu đạo. Tuy nhiên như thế, nhưng họ đã siêu việt hơn hàng phàm phu nhiều rồi. Dù chưa thực hiện được xả thân, xả cánh tay như Bồ Tát, nhưng họ cũng có thể đốt một ngón chân hay



một ngón tay, thì đã vượt hơn đem tiền tài của báu hay cõi nước, vợ con để cúng dường.

Người đời hay đọc Kinh thấy nói đốt tay cho là thực sự, cũng đem đốt một ngón chân hay tay, mà vô minh phiền não vẫn còn nguyên si, thật đáng thương thay !

Nếu chỉ đem một chút công đức đốt chân hay ngón tay, mà vô minh phiền não không tận xả. Ý muốn vượt hơn người đem tài sản, quốc thành, vợ con bố thí cúng dường, điều này thật là phi lý. Hành giả cần phải hiểu khi nào xả hết tâm vô minh, mới hưởng công đức vô lậu. Vì đốt thân và cánh tay, là biểu tượng cho hết vô minh, còn dùng bảy báu trong tam thiên đại thiên thế giới để cúng dường Chư Phật. Đây chỉ



là phước hữu lậu. Nên Phật nói: “*Việc làm trên không bằng người trì Kinh Pháp Hoa một kệ một câu...*”.

\* Thế nên Kinh nói: “*Ai gặp được Kinh này, như rét được lửa, rách được áo, đói được cơm, khách buôn được biển, như qua sông gặp đò*”. Người được nghe Kinh này không ai là không phá hết vô minh và phiền não, không còn tâm si mê nào mà không trừ dứt ư?

Kinh này ví như ánh sáng mặt trời và ánh sáng bó đuốc lớn, nó có công năng phá trừ tất cả sự tối tăm. Nếu người nào siêng năng biên chép Kinh này để cúng dường thì công đức ấy cũng không lường được. Nếu ai được nghe phẩm “*Bốn Sự của Bồ Tát Được Vương*”, công đức cũng Vô lượng Vô



biên. Còn người nữ nào được nghe Kinh này, sẽ được vãng sanh về thế giới của Đức Phật A Di Đà, không bị cảnh tham dục làm bức não nữa.

Phật đã tán thán công đức Kinh này như thế, nên trong phần lưu thông, hiển rõ phần khuyến trì đặng vi diệu.

\* Cổ Đức có lời dạy: *“Trăm ngàn các dòng sông, chỉ có biển là hơn hết. Vạn tượng Xum La, hư không là tốt. Tất cả Thánh Hiền, Phật là hơn cả. Nên Đức Thế Tôn đã dụ Kinh (pháp là đày nguồn tất cả) là biển Phật pháp”*. Còn chủ yếu của soạn giả cho rằng, Kinh này là bản tâm để chúng ta tự suy nghiệm, xét ý này không luống dối.

\*

\* \*



# MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	03
Dẫn nhập .....	06
Phẩm Tựa (thứ nhất) .....	11
Phẩm Phương Tiện (thứ hai) .....	31
Phẩm Thí Dụ (thứ ba) .....	41
Phẩm Tín Giải (thứ tư).....	55
Phẩm Thảo Dụ (thứ năm) .....	66
Phẩm Thọ Ký (thứ sáu).....	71
Phẩm Hóa Thành (thứ bảy) .....	76
Phẩm Ngũ Bá Đệ Tử Thọ Ký (thứ tám).....	84
Phẩm Thọ Học Vô Nhơn Ký (thứ chín) .....	93
Phẩm Pháp Sư (thứ mười) .....	96
Phẩm Hiện Bảo Tháp (thứ mười một).....	101
Phẩm Đề Bà Đạt Đa (thứ mười hai).....	110
Phẩm Trì (thứ mười ba) .....	117
Phẩm An Lạc (thứ mười bốn) .....	121



Phẩm Tùng Địa Dõng Xuất (thứ mười lăm).....	128
Phẩm Như Lai Thọ Lượng (thứ mười sáu).....	138
Phẩm Phân Biệt Công đức (thứ mười bảy).....	149
Phẩm Tùy Hỷ Công Đức (thứ mười tám).....	157
Phẩm Pháp Sư Công Đức (thứ mười chín).....	161
Phẩm Thường Bất Khinh (thứ hai mươi).....	165
Đại Ý Phẩm Thường Bất Khinh (thứ hai mươi)...	177
Phẩm Như Lai Thần Lực (thứ hai mươi một).....	181
Phẩm Chúc Lụy (thứ hai mươi hai).....	188
Phẩm Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự (thứ hai mươi ba) .....	194
Phẩm Diệu Âm (thứ hai mươi bốn).....	211
Phẩm Phổ Môn (thứ hai mươi lăm).....	221
Phẩm Đà La Ni (thứ hai mươi sáu) .....	236
Phẩm Diệu Trang Nghiêm Bốn Sự (thứ hai mươi bảy) .....	239
Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát (thứ hai mươi tám) .....	256



Vợ và các con cháu

***Ấn Tổng Kinh***

**Hồi Hương Công Đức**

Kỳ Siêu Thân Phụ

**TRẦN NGUYỄN ÁNH**

Pháp danh – Phúc Cơ

Hưởng thọ : 76 tuổi

***Quá vãng ngày 15/4/Kỷ Sửu (2009)***



Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

**THƯ VIỆN HUỆ QUANG**

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: [thuvienhuequang.vn](http://thuvienhuequang.vn)